

Các pháp từ xưa nay  
Tánh tướng thường vắng lặng  
Phật tử siêng hành đạo  
Rồi sẽ được thành Phật.

Pháp sư TỪ THÔNG  
Hiệu NHƯ HUYỄN THIÊN SƯ

NHƯ HUYỄN THIÊN SƯ THI TẬP  
TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

## Kỳ 1

# PHI LỘ

Tập thơ Như Huyền Thiền sư, gọi là Thơ nhưng thâm ý của Thiền sư Như Huyền thì nó chẳng thơ chẳng thi gì ráo. Bởi vì tự có cái nhãn hiệu “Thiền sư” rồi mà còn chê, muốn đòi thêm chức danh “thi nhân, thi sĩ” nữa sao!

Lạy Phật! Con không dám ạ!

Gọi Tập Thơ với Thiền sư Như Huyền, nó chỉ là một duyên cớ, một dữ liệu vốn có trong đầu của Thiền sư và trong Tam tạng kinh điển của đạo Phật. Nếu không nói, không viết, không trình bày ra thì kho tàng giáo lý Phật chẳng ai được nhờ cậy lợi ích chút nào!

Như Huyền Thiền sư viết thơ, làm thành tập thơ là Thiền sư đóng vai trò người moi bóc, rạch xé, lượm hốt... chút ít thực phẩm thơm ngon trong kho tàng giáo lý đồ sộ của đạo Phật, đem ra làm quà tết Mậu Tý cho những ai là đệ tử Phật hữu duyên. Đây là một cách “chơi” trong nhiều cách của Thiền sư Như Huyền.

Lại có thơ rằng :

*Đường đời nhiều nẻo lắm long đong,*

*Không có không không, có cũng không.*

*Pháp lữ hỏi: Huynh “răng đúng nớ”?*

*Xin đáp: “Đời tôi độc có **chơi**”!*

Thế đấy. Thơ hay, thơ dở, luật, niêm, bình, trắc, thể, cách, âm điệu... không cần bàn. Tất cả cái ấy Thiễn sư Như Huyền tập hợp lại thành một trò chơi NHƯ HUYỄN, vậy thôi.

Thế cho nên, chẳng xin ai “lượng tình” “phủ chính” hay “tha thứ” gì ráo.

Chơi mà !

“Bye-bye”

*Liễu Liễu Đường, Đồi Tà Dương  
03 giờ khuya, 30 tết Mậu Tý  
(06 – 02 – 2008 )*

## THIÊN QUÁN 1

*Hiện tượng nghìn xưa tánh tịch nhiên,  
Không như không ngã chẳng ai phiền.  
Chân như: Vô tác, không, vô tướng,  
Châu biến hàm dung vượt thỉ chung.*

\*

\* \*

### TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

\_ Tham thiền: Tham có nghĩa là dự vào, dính vào cái này với cái kia, việc này với việc kia hỗ tương thành tựu cho nhau. Thiền là thiền định, có nghĩa là tu tập bằng cách tư duy, nhận thức một đối tượng qua sự phân tích suy luận và nhận thức trong lúc thân tâm vắng lặng yên tĩnh. Vì vậy, thiền định có nghĩa là “Tư duy tu” cũng có nghĩa là “Tĩnh lự”.

Tham thiền là để tâm tham cứu, suy gẫm một đối tượng mà hành giả muốn nhận thức cho tinh tường một sự việc nào đó. Người tham thiền là chủ thể (năng), pháp là đối tượng (sở). Nên tham thiền không cố “diệt” trí hiểu biết, không phải dứt bậc tư tưởng của mình. Hành giả cần vận dụng “trí năng tham” và “cảnh sở quán”. Ví dụ: Tham quán nhận xét về ngũ uẩn vô ngã, về vạn vật giai không. Tóm lại, dù tọa thiền hay hành thiền đều có chủ thể đối tượng, có năng có sở. Nếu hành thiền bằng cách diệt tưởng, dứt niệm, tập cho thành vô tri như tượng gỗ, tượng đá là tu sai đạo Phật, không được lợi lạc gì hết.

Hiện tượng vạn pháp xưa nay tánh nó vắng lặng, tự an nhiên, tự trong sáng, vì hiện tượng vạn pháp trong đó không có khái niệm về tướng như, tướng ngã, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng... Kinh Pháp Hoa đức Phật dạy: “Chư pháp tùng bản lai, thường tự tịch diệt tướng”. Nghĩa là các hiện tượng vạn pháp xưa nay tánh của chúng tự vắng lặng, tự an nhiên thanh tịnh và trong sáng. Cho nên, Phật tử học đạo, hành đạo thì ai cũng được thành Phật vì trở về tánh tịch diệt trong sáng thanh tịnh vốn có của mình.

\_ Chân Như: **Chân** thì không phá hoại tiêu diệt được. **Như** thì dù có muốn xây dựng trau giồi thêm khiến cho tốt đẹp hơn, chắc chắn hơn cũng không được, vì chân như là chỉ cho cái bản thể của hiện tượng, nó viên mãn mọi mặt ví như trăng tròn đêm rằm, mười sáu. Thế

nên, người thể nhập vào thể chân như thì mình chính là chân như ấy rồi vì con người ấy biết rõ, thấy rõ rằng: Sóng là nước, sóng không thắc mắc tìm nước. Nước là sóng, nước chẳng đòi hỏi kiểu nước nào khác.

\_ Vô tác: Đạo Phật dạy vạn pháp hiện tượng không có tác nhân, tác giả. Vạn vật hiện tượng hình thành bởi sự hòa hợp bằng trùng trùng điều kiện, tương quan, tương hợp, tương thành. Không có vật gì tự nó làm thành nó, càng không chấp nhận có một “tác giả” bất kỳ ông đó là ai!

\_ Không: Đạo Phật dạy, vạn vật mà mọi người thấy có mặt thật ra chỉ là huyền có, vì là huyền nên vạn vật hiện tượng sanh ra tạm có, thay đổi rồi tan biến ví như mây ráng của bình minh, của hoàng hôn vậy.

\_ Vô tướng: Không có tự tướng chơn thật. Tướng của vạn pháp là giả tướng, cho nên luôn luôn chịu sự chi phối của sanh lão bệnh tử, của sanh trụ dị diệt, của thành trụ hoại không.

\_ Châu biến hàm dung: Một pháp quán bao quát. Hành giả nhận thức rõ: Vạn pháp “là” nhau. Tuy nhiều mà “là” một, một “là” một của nhiều.

\*

\* \*

**Kỳ 2 và 3****THIÊN QUÁN 2**

*Đối cảnh vô tâm khởi luận thiền,  
Tham thiền năng sở rõ phân minh.  
Quán tâm, quán cảnh tùy duyên đến,  
Tránh tưởng hoang đường nghĩ viển vông.*

\*

\* \*

**TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

“*Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền*”. Bài thiền thơ của Sơ tổ Trúc Lâm:

“*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,*

“*Cơ tắc xan hề khốn tức miên.*

“*Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch,*

“*Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền*”.



Đây là thiên thơ tuyệt cú, tối thượng thừa thiên. Phải đạt tới trình độ: Thiên mà không thiên, không thiên mà thiên thì mới đạt đúng ý hướng dẫn của Thiên sư. Bằng trái lại thì có thể bị phản tác dụng... trở ngại sự tu tập thiên quán của mình!

Cần xem lại Thiên quán I. Năng quán, Sở quán. Tâm cảnh. Chủ thể đối tượng. Lập trường của Thiên giả là tìm lẽ thật, để nhận thức lẽ thật của một vấn đề: Hoặc phía tục đế hoặc bên chơn đế. Nói cách khác: Hoặc phía hiện tượng của vạn pháp hoặc bên bản thể của vạn pháp.

Thiên giả thường là vận dụng tâm quán cảnh như: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Trường hợp khác dùng tâm quán tâm như: Thọ, tưởng, hành, thức. Vì vậy, Thiên giả phải thận trọng lưu tâm rằng tu thiên của đạo Phật dựa trên cảnh thật, thân thật, tâm thật, cụ thể và hiện hữu.

Tưởng tượng hoang đường, nghĩ suy vô căn cứ đạo Phật không chấp nhận. Bởi vì, đạo Phật không đồng thuận với hai nguồn tín ngưỡng:

1. Nhất thần giáo.
2. Đa thần giáo.

Đạo Phật trước sau như một, không chủ trương trông chờ mong đợi ở nơi vô thần hay hữu thần.

**Kỳ 4 và 5****QUÁN THÂN**

*Thân này bất tịnh thật hay ngoa?  
Tam khổ bao vây mạng sống ta,  
Bát bất đập vùi thân, khẩu, ý,  
Tìm đâu tịnh, ngã, lạc, thường ra?*

\*

\* \*

**TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Quán bất tịnh là pháp tu thiền của Tiểu thừa. Hàng Thanh văn thừa bắt đầu học Phật dạy tu Tứ niệm xứ quán. “Quán thân bất tịnh” là pháp thứ nhất trong Tứ niệm xứ. Trọng tâm của pháp quán này là Thiền giả quán chiếu, soi rọi, tư duy nhận thức về cái thân không đáng luyến ái của mình. Đây là điều kiện tiên quyết của người học Phật và tu theo đạo Phật.

*“Tam khổ bao vây mạng sống ta”*

Tam khổ:

1) *Khổ khổ*: Khổ thân, khổ tâm, khổ do hoàn cảnh khách quan đưa đến, như thiên tai, địch họa...

2) *Hành khổ*: Thân, tâm, hoàn cảnh sống rất mong manh, sự vô thường chi phối từng phút giây, nó thường xuyên đe dọa sự tồn sinh của thân, tâm và môi trường sống.

3) *Hoại khổ*: Đây là sự kết liễu, sự hoại diệt cuối cùng của thân tâm, hoàn cảnh môi trường sống của kiếp hữu tình và vô tình.

Từ ba đại khổ ấy biến chứng di căn ra: Sinh lão bệnh tử khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ ấm xí thạnh khổ... và muôn ngàn biến chứng di căn không lường hết được khổ quả.

*“Bát bát dập vùi thân, khẩu, ý”*

Bát bát: *Bát nhân, bát nghĩa, bát lương, bát chánh, bát an, bát bình, bát mãn, bát như ý*. Do bát bát làm cho con người thân tâm vốn tịnh trở thành “bát tịnh”. Thường, lạc, ngã, tịnh là tự tánh vốn có của con người, lẽ ra con người được thọ dụng nhưng vì bị “Bát bát”, “Tam khổ” khiến cho nhớ bản đức thường, đức lạc, đức ngã và đức tịnh không còn tìm đâu ra được nữa sự an lạc.

**Kỳ 6, 7, 8, 9, 10****QUÁN TÂM**

*Thọ tánh không không nhận những gì?  
 Tưởng hành trống rỗng, tưởng là chi?  
 Giác không, không giác đâu là thức?  
 Ngũ uẩn phù hư đến chột đi.*

\*

\* \*

**TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

**Tâm:** Không ai thấy nó là gì, nó ra sao. Dù vậy, những người có trí, không phủ nhận tâm, mà biết có tâm qua ba công năng hiện hữu của nó:

- 1) Tánh hiện biết đang là.
- 2) Tác dụng phân biệt và sai sử.
- 3) Cái hiện thọ dụng của con người.

Vì vậy, không có tâm thì con người không là con người được.

Thọ, tướng, hành, thức gồm: Thức uẩn là tâm vương. Thọ uẩn, Tướng uẩn là tâm sở hữu pháp. Hành uẩn chi phối cả tâm vương, tâm sở và sắc uẩn. Bởi vì hành uẩn tánh biểu hiện của nó là vô thường.

**Thọ:** Thọ nhận, tiếp thu, tiếp lấy. Thọ có ba trường hợp: Một thọ khổ, hai thọ vui, ba không khổ không vui. Dù có ba cách thọ, ba trường hợp khác nhau, nhưng tất cả chỉ là danh ngôn rộng.

**Tướng:** Đem một cái tướng, một cái hình sắc không có thật vào tâm. Tướng đáng bề trên, tướng người yêu trong mộng... Cho nên, “tướng” là một thứ sở hữu của tâm, không bao giờ hiện thực.

**Hành:** Hành không là gì cả. Sự biểu hiện của nó thông qua hiện trạng vô thường thay đổi, như sanh diệt, diệt sanh, thành trụ hoại không, sanh lão bệnh tử...

**Thức:** Cũng gọi là Trí, cũng gọi là Giác, cũng gọi là Tâm, cũng gọi là Ý; Tìm nó là cái gì Không ai thấy biết. Chỉ biết nó là “pháp hiện sở tri, pháp hữu tác dụng, pháp hiện thọ dụng”.

Tóm lại: “Bồ tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không”. Năm uẩn là thứ trống rỗng, không có thực thể.

## TÂM

*Tâm chẳng tâm gì, phải gọi tâm!  
Tâm không hình mạo cứ đâu tâm?  
Ba đời không thể tìm tâm được,  
Phật dạy tu tâm, tâm ở đâu?*

\*

\* \*

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Có thân thì có tâm, có tâm tất có cảnh, có chủ thể ắt có đối tượng, cũng như có sáng có tối, có trắng có đen, có đúng có sai, có phải có trái, có yêu có ghét, có trí có ngu, có phàm có thánh... đó là đạo lý “duyên sanh” “tương đối” của hiện tượng vạn hữu.

Giáo lý đạo Phật dạy:

“Tâm như công họa sư

“Họa chủng chủng ngũ ấm

“Nhất thiết thế giới trung

“Vô pháp nhi bất tạo”.

*Có nghĩa: Tâm như người họa sĩ  
Vẽ từng món ngũ ấm  
Hết thấy cõi thế gian  
Tất cả do tâm kiến lập.*

Tâm là chủ tam giới. Thế giới tự tánh thanh tịnh bản nhiên, vậy mà tâm có thể khiến cho thế giới thanh tịnh ấy trở thành Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, trùng trùng đau khổ của kiếp phù sinh.

Tâm không hình mạo nên không dễ thấy, không dễ biết, không thể chỉ trở cho ai. Vậy mà Phật dạy “tu tâm”, rõ là khó thật! Có khi nào Phật hứng thú, lỡ lời dạy ầu chằng? Không, đã là Phật, nói ra là: Chân ngữ, thật ngữ, bất dị ngữ, bất cuống ngữ.

Bạn hãy nhìn người phụ nữ mang “cái bầu” to tướng sắp sanh đang đi ngoài đường kia kìa, rồi bạn nói “Chị ấy đã có chồng”. Tôi bảo đảm với bạn rằng: Không ai cho là bạn nói ầu, nói trật, nói sai được.

Cũng vậy, nếu ai đó sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngôn, ý ngữ, lường thiệt, ác khẩu... Qua hành động đó, bạn thấy rõ, biết rõ **tâm** của người đó, bạn nói người đó **tâm ác**,

Ngược lại có người tu kiểu bồi lộ, thí tài, thí pháp, thí vô úy, làm tất cả việc lợi mình, lợi người, lợi cho nhân quần xã hội, thân, miệng, ý thật dễ thương... Qua hành động đó, bạn thấy rõ, biết rõ **tâm** người đó, rồi bạn nói người ấy **tâm lành**.

Quán tâm là soi rọi tâm, nhìn sự biểu hiện qua thân, khẩu, ý, để rồi cải tạo, tu chỉnh hằng ngày trong cuộc sống, bạn sẽ đỡ khổ như lời Phật dạy.



## QUÁN THỨC UẨN

*Thức tâm, tâm thức chẳng rời nhau,  
Ý thức thêm vào đủ bộ ba.  
Dù gọi ba tên duy thức uẩn,  
Sở tri, tác, thọ bất tương ly.*

\*

\* \*

## TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tâm là Thức; Thức là Tâm. Dù không được nói là một, nhưng cũng không được nói hai. Bởi vì tâm là thể, thức là dụng. Dụng không ngoài thể, thể không rời dụng. Ví như: Nước và sóng, nước là sóng; sóng là nước; vậy mà nói một không đúng; nói hai thì trật. Sóng là dụng của nước, nước là thể của sóng. Thể và dụng không ngoài nhau mà vẫn có tên sóng, nước. Còn nữa, ý là thức, thức là ý, thức là thể của ý, ý là dụng của thức. Cho

nên: “tâm, thức, ý” không thể nói một mà cũng không được nói ba. Nói ba, tìm ba không có. Nói một, tìm một không ra! Vậy mà, có cả ba “danh ngôn”: Tâm, Ý, Thức.

Những nhà thông thái, khuynh hướng triết học, họ bảo giáo lý Phật là triết lý, Phật học là triết học. Các nhà khoa học họ thấy kinh điển giáo lý đạo Phật nói những điểm tương dung tương tức của sự vật hiện tượng khá “kì lạ” mà mãi mấy mươi thế kỷ sau họ mới phát hiện nhận thấy ra, rồi họ tự nhận đạo Phật không là một “tôn giáo thuần túy”. Nhà duy vật biện chứng chủ nghĩa nhận xét, phê phán: Mục đích và Tôn chỉ chánh thống nguyên thủy của đạo Phật: “Nhất thiết duy tâm tạo” phủ nhận thế lực ngoại lai: “Thiên đàng, thần học...” Thế nên, **đạo Phật là đạo Phật**. Đạo Phật là con đường “Giác ngộ”, con đường “tỉnh thức”, Thích Ca Mâu Ni Phật là đạo sư, người phóng lộ mở đường.

Thật rủi ro bất hạnh cho Phật giáo có những người tự nhận mình là đệ tử Phật, tại gia có, xuất gia có, họ cũng nghiên cứu kinh điển Phật rồi viết ra “giáo tài”, “giáo trình”, “giáo án” đem giảng dạy cho Tăng Ni trẻ học ở các trường Phật học, ở các Học viện Phật giáo, họ gọi là môn “Tôn giáo học”. Thật là một “thiện chí” bôn nhọ Phật giáo mà ít ai để ý quan tâm. Hãy tra cứu, định nghĩa chữ “Tôn giáo” đi rồi sẽ rõ đạo Phật không phải là một Tôn giáo.

Giáo lý của đạo Phật ai chịu nghe, chịu học sẽ thấy dễ ợt. Giáo lý của đạo Phật không nói chuyện “cao xanh” hoang đường, viễn vông vô căn cứ, không nói “thần này, thánh nọ” ở trên mây, ở trong lòng đất mà con người không ai thấy biết. Giáo lý đạo Phật dạy những điều mà con người ai cũng có quyền thấy biết. Ví dụ: Con người tổng thể có hai phần: Một là vật chất, tức sắc uẩn, hai là tâm linh, tức thức uẩn. Con người là một “sắc thủ thú”, một hợp thể **Sắc** và **Tâm**.

Sắc tức vật chất, có hình dáng, kích thước trọng lượng, qui mô lớn nhỏ ... có thể thấy biết. Tâm thì trái lại. Muốn nhìn tâm, hiểu tâm phải mượn phương tiện “thiền định” để thấy và nhận biết qua sự biểu hiện:

1. “*Pháp hiện thọ dụng*”: Nghĩa là cái mà con người đang thọ dụng để thành “con người”, khiến cho con người khác thực vật, khoáng vật và phi vật thể. (Tâm)

2. “*Pháp hữu tác dụng*”: Nghĩa là cái tác dụng biểu hiện qua mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; khiến cho mắt thì thấy, tai thì nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc, ý phân biệt. (Thức)

3. “*Pháp hiện sở tri*”: Con người tối linh ư vạn vật, là chủ thể nhận thức cả nhân sanh quan và vũ trụ quan. Bởi vì, nếu không có “Hiện sở tri” của con người chủ thể, thì vũ trụ và nhân sanh hiện hữu với cái gì? Hiện hữu với ai? (Ý).

Do vậy, Tâm, Ý, Thức cũng có thể hiểu là một, cũng có thể hiểu là ba. Ví như hoa tai, nhẫn, dây chuyền cùng một chất vàng SJC( tính theo thời điểm tháng 02 năm 2009 là 1.978.000 VNĐ/chỉ).

Vì vậy, “Quán Tâm” thiền giả sẽ thấy rõ, biết rõ cả ý và **thức** của mình.

Người đệ tử Phật năng kiểm tra, soi rọi ý nghĩ, niệm lự của mình, tự đánh giá phân biệt tà, chánh, chơn, ngụy, đại, tiểu, thiên, viên. Rồi tự chọn những niệm lự: chánh, chơn, đại, viên ta phát huy tu tập. Những niệm lự: tà, ngụy, tiểu, thiên cố gắng gạt bỏ nó ra ngoài tâm, ý, thức của ta. Làm được việc đó tức ta tu “Thiền” rồi đó. Soi rọi nhận biết sai trái của ý nghĩ, của tư duy là ta tu “Quán” rồi đó. Thiền là tư duy, Quán là vận dụng trí soi rọi tâm, nắm vững chánh niệm:

Chư ác mạc tác

Chúng thiện phụng hành

Tự tịnh kỳ ý

Thị chư Phật giáo.

\*

\* \*

**Kỳ 11**

**QUÁN NGÃ**

*Tham thiền quán “Ngã” khởi đường tu,  
Quán chiếu “Ngã không” điểm khởi đầu.  
Lục phủ, tứ chi chung ngũ tạng,  
Hợp thành năm uẩn chắc bền chi?*

\*

\* \*

**TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Học Phật, tu theo đạo Phật “Ngã” là một từ, một danh ngôn khó, cần phải học, phải tập tham thiền mới hiểu rõ được. Bởi vì, đức Thế Tôn từng dạy: “Nhất thiết pháp vô ngã” nghĩa là tất cả pháp không ngã.

Nếu người đệ tử Phật mà hiểu rõ nghĩa “Ngã”, “Vô ngã” đúng, chính xác, hiểu kỹ tận đáy lòng, thông qua thiền định trí tuệ, thì thiền giả đó đạt đến trình độ liễu tri, liễu triệt, liễu đạt, liễu minh, liễu ngộ, liễu liễu,

một trình độ giác ngộ đến đỉnh cao trong đạo Phật; một địa vị có thể viễn ly “tứ tướng” trong hàng Bồ tát.

Chữ “Ngã” ở thi ca này ám chỉ cái “tôi”, cái “ta”, cái tấm thân ngũ uẩn thất đại. “Ngã” này nằm trong hệ giáo lý tiểu thừa, nhằm hướng dẫn hành giả tu pháp “Quán bất tịnh”. Thiền tiểu thừa căn bản ai cũng phải tu tập trải qua bốn pháp quán:

- 1) Quán thân bất tịnh.
- 2) Quán thọ thị khổ.
- 3) Quán tâm vô thường.
- 4) Quán pháp vô ngã.

Trọng tâm, cũng như chủ đích bài này là Quán thân bất tịnh.

*Thân này tổ hợp “duyên sanh”.*

Ngũ tạng, lục phủ, ngũ quan, tứ chi nếu phân tích chi li hơn thì thân là chỗ chứa đựng, là cái đầy bao bọc 36 vật bất tịnh, như nhớp không sạch. Người khởi tâm tu, hãy tập xem nhẹ “bản ngã” không quý thân nhiều. Hình thức sa môn là đầu trần, chân đất, ăn kham khổ, mặc ca sa ..., tự xem mình là con người tầm thường trong xã hội, trong cuộc sống. Được vậy, thiền giả thành công bước đầu của pháp tu quán Ngã không.

Đệ tử Phật hãy tu tập: Quán “Ngã” không, “Ngã sở hữu” không, tất cả pháp đều không. Căn cứ nơi tiêu

chí ấy quán chiếu tu tập, tự mình nhận xét, đánh giá bước đường tu tập của mình, tiến bộ nhiều hay ít, khởi hỏi ai khác! “Hành tàng hư thật tự gia tri”!

Kỳ 12**HỌC VỀ CHỮ QUÁN**

*Quán chiếu nên tri quán tướng ly,  
Tướng tâm, tướng cảnh, tướng ông gì?  
Tướng đi với vọng gây nhân khổ,  
Giải thoát Bồ đề chẳng tướng chi.*

\*

\* \*

**TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Những người có **Tôn giáo** thường có khuynh hướng thiện, họ có tâm lành, thường kích khởi “Tánh bổn thiện” của mình. Người có tôn giáo bất cứ ở nước nào, đạo nào, ngôn ngữ âm thanh có khác, nhưng thâm ý tự mặc nhận với nhau là Tu, Tu sĩ. Tu sĩ nghĩa là người chịu “tư duy”, thường “quán chiếu” suy nghĩ soi rọi sự sai trái lỗi lầm của thân, miệng và ý.

Tu sĩ trong đạo Phật có hai giới: Một, thành phần xuất gia, thoát ly gia đình thế tục, người có lý tưởng cao



đẹp mong thoát ly khỏi nhà “tam giới” để thọ dụng Niết bàn. Hai, thành phần cư sĩ tại gia cũng có quyền tu và được thọ dụng “Niết bàn bất ly ư đương xứ” như người xuất gia. Nhưng vấn đề then chốt, quan trọng là tu cho đúng nghĩa chữ **Tu**. Tu sai không đem lại kết quả an lạc nào, mà còn có hại. Cầu nguyện, lạy cúng, khẩn vái, van xin không đúng nghĩa “tu hành” của đạo Phật !

Tu trong đạo Phật có ba cách hành phổ biến: Thiên, Quán, Niệm

\* **Thiên:** “tư duy”, “chiêm nghiệm”, “nhận xét” kể cả nghiên cứu một đối tượng, một vấn đề khoa học chẳng hạn. Căn cứ “đối tượng thiên” mà hiệu quả đạt được khác nhau.

\* **Quán:** quán chiếu vận dụng lý trí, soi rọi đối tượng mà thiên giả muốn tư duy tìm hiểu một pháp, hoặc tâm hoặc cảnh để nhận thức và phân biệt, sau đó nhận định, phân tích, đánh giá rồi đúc kết thành “chân lý”.

Đạo Phật không dùng “quán tưởng” nghĩa là không dùng tâm tưởng tượng một đối tượng không có thật. Ví dụ: Tưởng tượng đấng “bề trên”, đấng tối cao, đấng thiêng liêng từ xưa tới nay không ai thấy biết, hoặc như tưởng tượng người yêu trong mộng, hình ảnh người đẹp trong mơ... Nói chung, tưởng tượng là điều tối kỵ của người đệ tử Phật. Bởi vì, quán tưởng đi đến “ảo tưởng”, ảo tưởng sẽ đi đến cuồng loạn, từ đó nói năng hành động xa rời thực tế, người đời gọi là “điên”. Thậm

chí, hình ảnh chư Phật và Bồ tát cũng không nên tưởng tượng. Phật là **Tri giác** của ta, Phật ở trong ta. Bồ tát là ta, Bồ tát ở trong ta!

\* **Niệm:** là nhớ, nhớ chớ không phải kêu tên, hiện nay ta thấy phổ biến rất thông thường, Phật tử “kêu tên Phật” lại tưởng mình niệm Phật. Có ông Phật nào chịu đựng nổi cả nhóm người cứ kêu tên mình mãi?

Phật là Giác. Con người ai cũng có giác tánh vốn có, giác tâm vốn có, nhớ những tánh giác không rời, luôn luôn nhớ, đó chính là niệm Phật, nhớ Giải thoát, nhớ Giác ngộ, nhớ tự tánh thanh tịnh vốn có của chính mình.

“Nhớ” bằng **trí**, “kêu” bằng **miệng** khác nhau xa. Hãy học Phật! Hãy chọn mình sư mà học. Hãy sử dụng lý trí để tu học. Thích cảm tình rất dễ bị mê hoặc. Bởi thế:

Viết gì cũng không trúng, là trúng!

Nói gì cũng không trúng, là trúng!

Nghĩ gì cũng không trúng, là trúng!

*Như Huyền Thiên Sư*

\*

\* \*

**Kỳ 13**

**QUÁN CẢNH**

*Sắc tánh xưa nay vốn tịch nhiên,  
Thinh, hương, vị, xúc hổ tương thành.  
Pháp kiêm tâm sắc chưa tham nhiễm,  
Lục cảnh vô tư trước lục căn.*

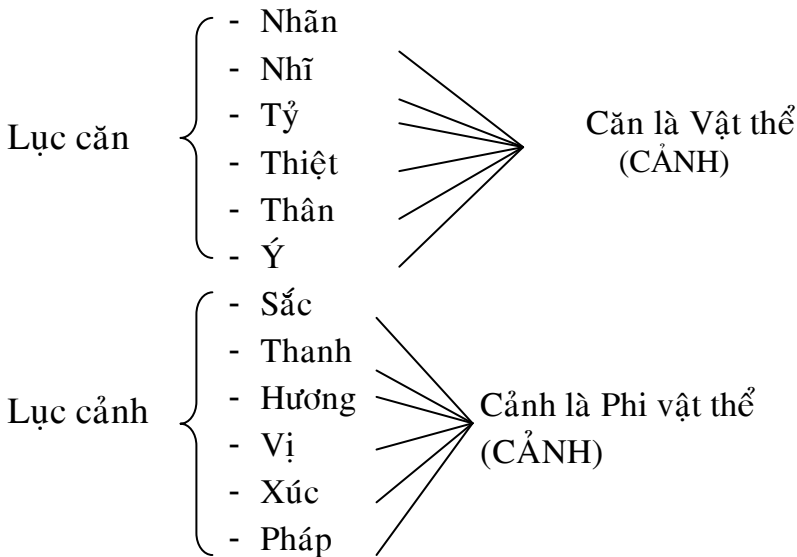
\*

\* \*

**TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

**Cảnh** là một trong các chi của cây “gia phả” ngũ uẩn. Bởi vì, ngũ uẩn là nền tảng của toàn bộ giáo lý Phật. Sắc, tâm, ý, thức, cảnh là sự khác nhau do cách nhìn và nhận thức qua màu sắc, góc cạnh, công dụng ... Tất cả danh xưng đó gộp lại là một hợp thể ngũ uẩn mà thôi!

CẢNH gồm tất cả những gì thuộc vật thể và phi vật thể như: động vật, thực vật, khoáng vật và phi vật thể. Vì nói đến cảnh là nói đến:



Sáu căn, sáu cảnh, vật thể, phi vật thể đều là “đối tượng quán” của thiền giả, thiền sư. Đã là “đối tượng quán” tức “cảnh sở quán”. Thiền giả, thiền sư là người phải thấy cho được, phải nhận thức cho được bằng cái được thật của tự tâm trí mình, rằng: Tâm cảnh tự tánh nó thanh tịnh xưa nay, căn cảnh tự nó vắng lặng xưa nay, căn cảnh vốn có, căn cảnh hiện hữu vô thỉ dĩ chí vô chung, nhưng căn cảnh không hề là nguyên nhân đau khổ cho bất cứ ai!

“Chơn giác vô công, căn trần hà cự”

Hãy quán **cảnh** như thế !

**Kỳ 14, 15, 16, 17 và 18**

## **HỌC VỀ CHỮ PHÁP**

*Pháp nghĩa là chi bả̃m các sư ?*

*Xưa nay “chữ pháp” thật hay hư ?*

*Cớ gì Phật dạy ly duyên cảnh ?*

*“Cảnh” “Pháp” là hai? Một? Thế nào ?*

\*

\* \*

### **TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Pháp là một “cảnh” trong sáu cảnh, là một “trần” trong sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Pháp là một từ, một danh ngôn quan trọng bậc nhất trong nền giáo lý Phật. Bởi vì **Pháp** đại biểu cho tất cả những gì thuộc hữu vi và vô vi đều thông qua danh ngôn, qua cái từ “Pháp”.

Bên mặt hữu vi, hiện tượng; chữ PHÁP trong đạo Phật so sánh với cái từ “vật chất” của chủ nghĩa Duy vật

biện chứng khoa học thời cận đại tương tức, tương đồng: Tất cả những gì lớn nhất, cũng như tất cả những cái nhỏ nhất, tự nó có hình mạo, kích thước, khuôn khổ, qui mô ... để con người nhận thức, phân biệt “nó là nó”, nó không thể lẫn lộn vật khác, thì đó là một vật chất. Tất cả vạn vật, hiện tượng là vật chất.

Chữ Pháp, cái từ pháp trong giáo lý đạo Phật, đức Phật phát minh nói ra đã hơn hai ngàn năm, mà đem so sánh thì hai định nghĩa ấy tương đồng, tương tức khẳng định hỗ tương một cách nhiệm mầu. Do vậy, các nhà khoa học Duy vật biện chứng và Duy tâm biện chứng của đạo Phật đã có lúc cùng nhìn chung một hướng.

Pháp của nhà Duy tâm khoa học, cũng như vật chất của nhà Duy vật khoa học đều “vô ký” tánh. Tự nó không “làm khổ” cho ai và cũng không làm gì cho ai “an lạc”.

Chữ Pháp ở trong “pháp cảnh” hay “pháp trần” thuộc tánh của nó là “hữu phú vô ký”. Với tác nhân gây tạo thiện ác, nó có thể là thiện, cũng có thể là ác. Nó là bóng dáng của sắc, thanh, hương, vị, xúc còn lưu lại ở ký ức chưa phai mờ. Do vậy, pháp trần phân tích để quán chiếu, Thiền giả thấy rõ tánh chất của nó một nửa vật chất, một nửa tâm tưởng của con người (50-50 ngôn từ thời hiện đại đang dùng).

Pháp là một trong sáu cảnh thì Pháp là cảnh. Pháp cảnh khi nhiễm ô thì gọi là pháp trần, “Pháp trần” hay “Pháp cảnh” há chẳng là “Duy tâm tạo” đó ư ?

## LẠI HỌC VỀ CHỮ PHÁP

*Pháp pháp xưa nay chẳng pháp gì,  
Gọi là “không pháp” cũng buông đi.  
Như Lai dạy rõ đường “không pháp”,  
Còn gọi đây...kia...chẳng pháp chi !*

\*  
\* \*

### TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Học Phật, bước một học giáo lý kinh điển: Phương tiện, Tiểu thừa, Bán tự giáo, Bất liễu nghĩa và Hữu vi pháp.

Bước hai học kinh điển: Thật nghĩa, Đại thừa, Mãn tự giáo, Liễu nghĩa kinh và Vô vi.

Học giáo lý nghiên cứu kinh điển đạo Phật phải xuyên qua các hệ tư tưởng với một quá trình từ thấp tới cao như thế.



Về mặt hành tu thì có: Nhơn thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ tát Đại thừa.

Người đệ tử Phật cần xác định môi trường, hoàn cảnh, khả năng của mình có thể ứng dụng tu tập thừa nào mình thực hiện được. Không nên đặt tiêu chí quá cao, vượt khả năng với tới, để rồi có lúc nản lòng, tuyệt vọng thì không hay.

“Pháp pháp xưa nay chẳng pháp gì”... Thi ca này, chủ đích giới thiệu cho đọc giả nguồn giáo lý Đại thừa liễu nghĩa mãn tự giáo và hướng dẫn ai là Thiên giả cũng hãy quán chiếu tư duy sâu vào “bản thể” của hiện tượng vốn vô vi. **Vô vi** nghĩa là “chẳng có gì” “không ai làm ra” “tự tánh ấy thanh tịnh bản nhiên”. Đừng hỏi tại sao? Đừng đòi ở đó một “cái”, một “con”, một “ông”, một “vật” hay bất cứ một “thứ” gì, kể cả thứ “trống không”.

Chữ Pháp ở bài học này nhằm dạy các đệ tử Phật, học về vô pháp. **Vô pháp** nghĩa là pháp không, không có gì.

Ở hữu vi tục đế, Pháp tức là hiện tượng vật chất, chữ Pháp ở bên hữu vi hiện tượng tức là vật chất, cho nên “có” rõ là có, nhưng là huyễn có. Bên vô vi bản thể gọi là pháp, chỉ có trong khái niệm, không có thật pháp, dù là huyễn pháp.

Bạn thử hồi tưởng lần ác mộng của bạn đêm nào, thấy bọn côn đồ uy hiếp, đánh đập, nó còn dùng dao búa cố tình giết chết, bạn sợ hãi vô cùng, thất thanh gào thét ... Rồi sau một giờ ác mộng đã qua, tất cả khổ đau, sợ hãi ấy không còn, một giấc ngủ nhẹ nhàng an lành lại đến khỏe ỏi là khỏe ... vậy thôi!

Nếu bạn mong muốn tìm xem cái gì làm cho bạn được sự nhẹ nhàng an lành khỏe khoắn ấy, bạn nên chiêm nghiệm lại và như vậy là bạn đã sai rồi. Đừng tìm cái đó, dù có ai nói đó là thiên đàng, là do đấng thiêng liêng giúp đỡ.

- Bỏ vọng là Chơn, đừng tìm Chơn nào nữa.
- Bỏ Ta bà là Cực lạc, đừng đòi Cực lạc ở phương Tây.
- Ly tam giới là Niết bàn, không ước mơ Niết bàn ở phương hướng xa xăm nào khác.
- Bỏ **có** tự **không**, không tìm pháp **Không** đâu nữa ...

Kỳ 19

## NGŨ ẤM VÔ NGÃ

*Ngũ ấm phù hư rộng hợp tan,  
Sắc là vật chất mớ vi trần.  
Thọ hành tướng thức rằng TÂM pháp,  
Ngũ ấm gồm trong tiếng SẮC TÂM.*

\*  
\* \*

## TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Ngũ ấm, nền giáo lý căn bản trong đạo Phật. Ngũ ấm gồm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức là một tổng hợp của “sắc thủ thú” tức là một chỉnh thể đủ ngũ quan tứ chi, ngũ tạng lục phủ, hình thành “một con người phàm phu” thật sự hiện hữu. Một con người kiến hoặc, tư hoặc, trần sa vô minh vi tế hoặc còn nguyên.

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức khi được bồi dưỡng, xây dựng, cải tạo, gột rửa từng phần **kiến tư hoặc** con

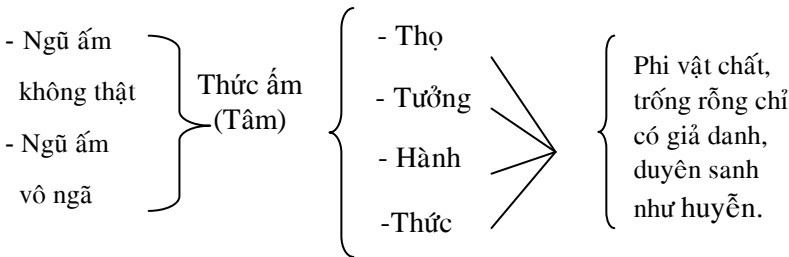
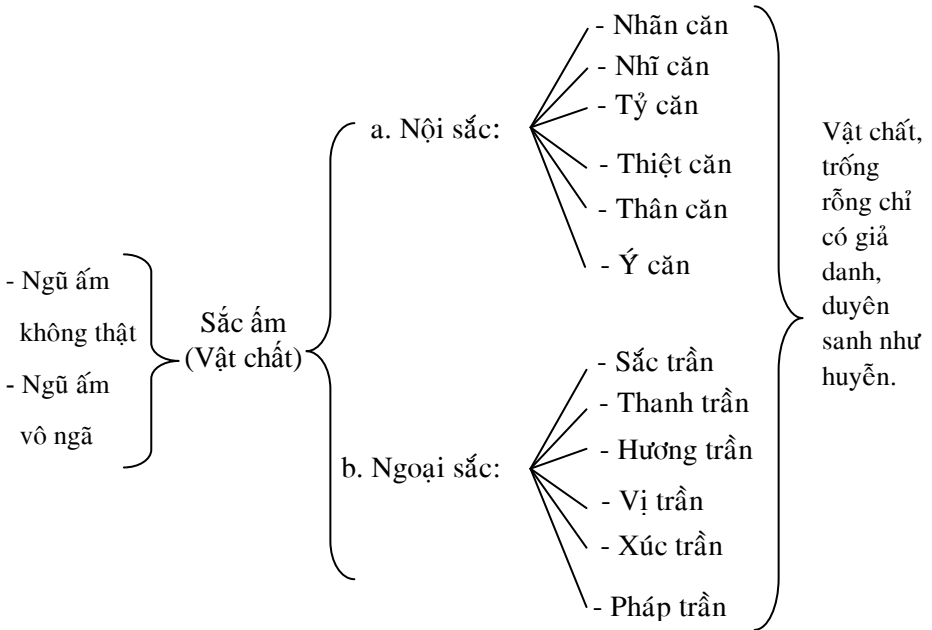
người sẽ tiến lên từng bước với những quả vị: Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm và A la hán. Lúc bấy giờ, cái thân sắc, thọ, tưởng, hành, thức kia không gọi “ngũ ấm” nữa, vì nó được lột bỏ vô minh, kiến tư hoặc trong tam giới rồi. Giờ đây, thân ấy được gọi với tên thân “ngũ uẩn”. Chữ “uẩn” có nghĩa là sự tổ hợp hình thành một chỉnh thể gọi là “người”, một con người. Thân A la hán trở lên không gọi “ấm” nữa mà dùng “uẩn”, ngũ uẩn thân.

“*Ngũ ấm vô ngã*” là một “thoại đầu”, một “công án” THIỀN vĩ đại trong đạo Phật. Thiền giả, Thiền sư tu giỏi, người ta có thể quán triệt, chứng ngộ tột cùng nguồn gốc vũ trụ nhân sinh quan qua thi ca “Ngũ Ấm Vô Ngã” ấy. Người đệ tử Phật hay một Thiền giả mà nhận thức thấy được cái tánh “phù hư” của “ngũ ấm” thì con đường giác ngộ giải thoát đang dạo bước trên thang, vì ta đã nhận thấy rõ **Ngũ ấm vô ngã** không còn nghi.

Hãy xem bản đúc kết sau đây:

\*

\* \*



Quán chiếu và tư duy thấy rõ tánh vô ngã của ngũ ấm. Người đệ tử Phật tập “buông bỏ”, tập viễn ly huyễn hư sẽ “VƯỢT QUA TẤT CẢ KHỔ ÁCH” trong cuộc đời “NGŨ TRƯỚC ÁC THẾ” !

**Kỳ 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31 và 32**

## TA BÀ – CỤC LẠC

*Cục lạc là đây tại cõi này,  
Xin đừng vọng ngoại hướng phương Tây.  
Đông Tây quả đất xoay di chuyển ,  
Rạng sáng là Đông, sẩm tối Tây.*

\*

\* \*

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Ta bà nói đủ: Ta bà thế giới. Ta bà thế giới là thế giới con người ở nơi đó đều kham nhẫn, chịu đựng các sự khổ như: Dục ái khổ, sắc ái khổ, vô sắc ái khổ... Nói cách khác, đó là thứ khổ trong tam giới. Phật Thích Ca là giáo chủ cõi Ta bà. Do vậy, cõi chúng ta hiện ở tức là cõi Ta bà vậy.

Cực lạc nói đủ: Cực lạc thế giới. Thế giới Cực lạc là thế giới tốt an vui. Con người ở thế giới Cực lạc luôn luôn thọ hưởng tất cả mọi sự an vui, không hề có sự khổ não bất như ý. Phật A Di Đà là giáo chủ thế giới Cực lạc. Thế giới Cực lạc không phiền não cấu uế, không các khổ bất bình bất mãn, cho nên cõi Cực lạc cũng gọi là Tịnh độ. Tịnh độ là cõi đất thanh tịnh, cõi nước trong sạch.

Ta bà, Cực lạc là hai thế giới riêng khác, hai giáo chủ riêng khác như ta đã biết và tuyệt đại đa số Phật tử đều hiểu như vậy. Bởi vì đại đa số Phật tử nghe pháp và học hiểu đạo Phật qua ngôn ngữ văn tự. Các Phật tử mới bước một bước “Văn” mà chưa có Tư, Tu. Người đệ tử Phật phải **Văn, Tư, Tu**, phải học sâu giáo lý Đại thừa, phải đi vào chiều sâu của thiền định Phật tử mới hiểu giáo lý: “*Vô thương thậm thâm vi diệu pháp*” của Đại thừa Phật giáo. Khi hiểu giáo lý Đại thừa Phật tử sẽ sung sướng rất mát lòng mà ngâm nga:

*“Cực lạc là đây tại cõi này”*

Cực lạc là đây tại cõi này, có nghĩa là Ta bà và Cực lạc văn tự ngôn ngữ tuy hai mà không hai, không hai nhưng lại không được nói một. Bởi vì, ở tại đây là cõi Ta bà Phật Thích Ca làm giáo chủ, nhưng người tu đạo Phật, đệ tử Phật có thể mời thỉnh Phật A Di Đà di dời thế giới Cực lạc về đây sáp nhập thế giới Ta bà mà không chật hẹp đi một vuông đất nào!

Phật tử theo đạo Phật, ai cũng hiểu rằng: Thế giới Cực lạc hay cõi Tịnh độ của Phật A Di Đà ở phương Tây, tức phía mặt trời lặn mỗi ngày.

Giáo lý thượng thừa dạy: “Pháp giới bất nhị” “Thế giới nhất chân” vạn vật trong vũ trụ: “Trong một có tất cả, tất cả là một” cho nên Tây phương không phải Tây phương, vọng ngoại hướng về Tây phương cầu sanh Tịnh độ để hưởng các sự an vui ở Cực lạc là vọng tưởng sai lầm. Phía mặt trời lặn không phải Tây phương, không có cõi Tịnh độ, Cực lạc ở phía mặt trời lặn, mà:

*“Cực lạc là đây ở cõi này,*

*Xin đừng vọng ngoại hướng phương Tây”.*

Gọi là Đông, Tây do quả đất xoay. Gọi là ngày, đêm do mặt đất bị khuất. Gọi giờ: Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu do quả đất di chuyển. Cho nên, người đệ tử Phật hiểu rõ đạo Phật không cầu nguyện sanh về cõi Cực lạc ở phương Tây. Đừng hiểu sai lầm nữa! Tốn công tu hành cực khổ, tốn của cúng lạy mệt mỏi, rồi cuộc khổ đau vẫn phải chịu đau khổ, đắng vất suốt cả cuộc đời.

Rạng sáng là Đông, sẩm tối là Tây: Hiểu câu này phải thực nghiệm bằng hai cách:

1. Phải tư duy bằng thiền định.

2. Áp dụng thực tế bằng cách: Tạo dụng cụ hướng dẫn cách thực nghiệm. Chẳng hạn, tạo một điểm sáng đứng yên là Định tinh (mặt trời), tạo một quả cầu to



xoay lăn di chuyển là Hành tinh. Ta lăn quả cầu, ta quan sát sẽ thấy Đông, Tây, Tí, Ngọ, Mẹo, Dậu... là do sự di chuyển của quả cầu mà ta đang di chuyển.

**Kỳ 33, 34, 35, 36 và 37****NIỆM PHẬT**

*Niệm Phật cho ta nhớ Phật hoài,  
 Thế Tôn toàn trí rõ không ngoa.  
 Tán dương Giác giả tâm thanh khiết,  
 Ái mộ mê hơn ý nhiễm ô.  
 Gieo hạt khổ qua thu trái đắng,  
 Trồng cây đậu lạc nhặt nhân bùi.  
 Mực đen, son đỏ tùy ưa thích,  
 Tự quyết đời ta khỏi hỏi ai !*

\*  
 \* \*

**TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Như ta đã biết “Niệm” có nghĩa là nhớ. Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng nghĩa là nhớ Phật, nhớ Pháp, nhớ Tăng, tức nhớ Tam bảo không quên. Niệm

Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, Lục tổ Huệ Năng dạy: Niệm Giác, niệm Chánh, niệm Tịnh là Thiền giả hay tu sĩ nên luôn nhớ tánh **Giác** ngộ của mình, nhớ tánh **Chánh** trực vốn có của mình và nhớ tánh **Tịnh** thanh vốn có của mình. Cho nên, ý nghĩa của **Niệm** là bao hàm cả thiền định, tư duy và quán chiếu.

Niệm Phật, kinh nghiệm của tiền bối để lại có: Cao thanh niệm, Mặc niệm, Sổ châu niệm, Sổ tức niệm, Tam muội niệm,

- **Cao thanh niệm, niệm Phật**: Kêu tên Phật xuất âm thanh vang vọng.

- **Mặc niệm, niệm Phật**: kêu tên Phật thầm lặng, có lúc vành môi cử động nhẹ.

- **Sổ châu niệm, niệm Phật**: kêu tên Phật âm thầm nhưng kèm theo tay lần tràng hạt.

- **Sổ tức niệm, niệm Phật**: kêu tên Phật âm thầm nhưng duyên gá theo hơi thở ra vào.

Bốn cách niệm ấy nói là niệm, sự thật kêu tên Phật chớ không phải “niệm”. Bởi vì nhớ “Giác”, nhớ “Chánh”, nhớ “Tịnh” như Lục tổ Huệ Năng thì có ông gì để gọi tên? Vậy nên, bốn cách niệm trên chỉ là kêu tên Phật, đem lại hiệu quả rất là ít.

Lấy trí tuệ mà tư duy, quán chiếu, ta nhận rõ ra “Niệm Phật tam muội” là pháp tu viên mãn, người đệ tử

Phật xuất gia cũng như tại gia nên học và tu tập pháp môn Niệm Phật này.

Đối tượng của niệm Phật tam muội là: Như Lai; Pháp thân; Thường, lạc, ngã, tịnh; Vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh; Không, vô tác, vô nguyên; Tất cả pháp vô ngã; Vạn pháp giai không; Hữu vi pháp như mộng huyễn; Thật tướng vô tướng; Ngũ ấm vô ngã ...

Đó là những pháp đối tượng để thiền giả **Niệm**, niệm bằng “quán chiếu”, “tư duy”, “tĩnh lự”. Nói cách khác, “Niệm Phật tam muội” bao hàm cả Thiền, Tịnh, cả Xa ma tha, Tam ma bát đề, Thiền na, cả Tam vô lậu học. Cách niệm ấy, niệm hết thủy chư Phật mười phương ba đời chư Phật. Thiền giả thọ dụng an lạc, Niết bàn “bất ly ư đương xứ”! Niệm Phật Tam muội là pháp tu ưu việt”. Niệm như vậy sẽ hiểu rõ giá trị:

**Thiền Tịnh song tu** của đạo Phật!

**Kỳ 38 và 39**

**TIẾNG CHUÔNG CHÙA**

*Chuông chùa vắng vắng cánh đôi đông,  
Đồng vọng trong tôi chữ sắc không.  
Bát nhã huyền tôn tôi luyện chí,  
Thiền cơ tĩnh lự khắc ghi lòng.  
Trần gian bèo hợp nhân sinh huyền,  
Quốc thổ cờ chia vạn tượng không.  
Vắng vắng âm thanh buông một điệu,  
Mỗi người mỗi cảnh mỗi hoài mong.*

\*

\* \*

**TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Các Thiền môn thường có những câu đối rất ý nghĩa để cảnh tỉnh mọi người con Phật xuất gia cũng như

tại gia. Như tiếng chuông, trống, tiếng kệ kinh đều có ý nghĩa riêng của nó. Chẳng hạn:

朝 鼓 暮 鐘 警 醒 愛 河 名 利 客  
經 聲 佛 號 喚 回 苦 海 夢 迷 人

**Phiên âm:**

Triêu cổ mộ chung cảnh tỉnh ái hà danh lợi khách.  
Kinh thanh Phật hiệu hoán hồi khổ hải mộng mê  
nhơn.

**Dịch nghĩa:**

*Sớm trống tối chuông, gọi thức khách say chìm  
biển ái.*

*Tiếng kinh hiệu Phật kêu về kẻ tục lạc rừng mê.*

Tiếng chuông chùa, người chủng tánh Đại thừa đi đường “Chơn Đế” công dụng của nó chẳng có gì đáng nói, nhưng với tục đế, tiếng trống chuông, tiếng kệ kinh cũng có lúc nghe ra tưởng chừng như an ủi, như gọi mời, như vỗ về, như kích khởi tâm lành cho những ai đang lạc lối giữa rừng đời bao phủ bởi khói bụi vô minh.

Lại bài kệ đánh chuông trong chùa mỗi tối viết rằng:

Văn chung thính phiên não khinh

Trí huệ trưởng Bồ đề sanh

Ly địa ngục xuất hỏa khanh  
Nguyện thành Phật độ chúng sanh...

**Có nghĩa là:**

*Nghe tiếng chuông với phiền não  
Trí huệ tăng trưởng, tâm Bồ đề sanh  
Xa lìa địa ngục, ra khỏi hầm lửa  
Nguyện thành Phật độ chúng sanh...*

Bài kệ ấy cũng có ý nghĩa sách tấn gợi cảm cho người con Phật.

Tuy nhiên, là Thiên sư, Thiên giả thật học thật tu thì không bao giờ được quên lời Phật:

Nhược dĩ sắc kiến ngã  
Dĩ âm thanh cầu ngã  
Thị nhơn hành tà đạo  
Bất năng kiến Như Lai.

(Kinh Kim Cang Bát Nhã)

**Kỳ 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46 và 47**

**NGHỊCH VẤN**  
**ĐỊA TẠNG BỒ TÁT THI**

*Địa Tạng tu hành phước mỏng te!*  
*Thưa ngài Địa Tạng phải chăng? Hề!*  
*Nếu không, ai lãnh ngành chẵn mộ?*  
*Nghĩa địa buồn tênh vẫn giữ nghề.*

*Nghĩa địa buồn tênh vẫn giữ nghề.*  
*Làm thân Địa Tạng đáng buồn ghê!*  
*Nghĩa trang giải tỏa đời cơ sở,*  
*Lại giữ tro xương ở tháp chùa.*

*Lại giữ tro xương ở tháp chùa.*  
*Ta từ: **Thệ, Nguyệt, Hạnh** huân tu,*  
*Giữ mồ, canh cốt ta đâu lãnh,*



*Bọn nhất xiển đề cương ép ta,  
 Bọn nhất xiển đề cương ép ta,  
 Bắt ta canh mã, giữ xương khô.  
 Dem kinh ta tụng nâng cao giá,  
 Kinh Phật Di Đà hạ thấp xa!*

*Kinh Phật Di Đà hạ thấp xa,  
 Phàm phu háms lợi phĩa bày ra.  
 Ngụy trang thiên tướng tâm vô quý,  
 Đồng đảng ma quân cách Phật ta!*

\*

\* \*

## **TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Những bậc trí giả, thạc đức Cao Tăng biết rõ: Địa Tạng Bồ tát thuộc thành phần “Bản cao tích hạ”. Địa vị gốc của Bồ tát ngang hàng với ba đời chư Phật, hạng thầy của mười phương Bồ tát (Tam thế Như Lai đồng tán ngưỡng, thập phương Bồ tát cộng quy y).

Nhìn bên mặt hiện tượng, sai trái là do thành phần vô minh, lợi dụng hình thức tôn giáo hành nghề tôn giáo

với tâm ý “nhất xiển đề”, vì lợi dưỡng, họ khai thác lòng mê tín của những người Phật tử nhẹ dạ cả tin. Họ nhân cách hóa Bồ tát Địa Tạng thành một con người gác nghĩa trang, hoặc canh giữ “kho” “nhà” “tháp” chứa rặt xương tàn cốt rụi.

Trông thấy hiện tượng sai lầm nhan nhản đó đây, phát xuất từ số người lợi dụng tôn giáo (Phật giáo) kinh doanh Bồ tát, Phật, Trời. Bồ tát Địa Tạng là ... người ... bị lợi dụng trắng trợn và công khai hơn ... các vị khác.

Như banh mắt kẻ đui, như ráy tai người điếc, như vục tỉnh thành phần mộng寐 giữa ban trưa mà đề tài “Nghịch vấn Địa Tạng thi” được ra đời và...

*Địa Tạng tu hành phước mỏng te!*

*Thưa ngài Địa Tạng phải chăng? Hề!*

*Nếu không, ai lãnh ngành chăn mộ!*

*Nghĩa địa buồn tênh vẫn giữ nghề...*

❖ Địa Tạng không bao giờ làm người giữ nghĩa trang, nghĩa địa cho ai cả.

❖ Địa Tạng không làm người canh giữ xương tàn cốt rụi cho ai cả.

❖ Địa Tạng có **Bổn nguyện, Bổn hạnh và Bổn thệ**. Địa Tạng là phương pháp tu xuất phát từ TÂM ĐỊA của mọi người con Phật.

❖ Địa Tạng không phải ai đó đội mào trái bí rợ, cầm cây gậy sắt với cục đá trên tay vậy đâu!

❖ Bắt Địa Tạng canh giữ nghĩa địa, bắt Địa Tạng quản lý hủ cốt xương tàn do những người kinh doanh đặt để cưỡng bách. Nhưng sự thật họ không cưỡng bách Địa Tạng được vì Địa Tạng là TÂM, là Phật Tâm thanh tịnh vốn có của mọi người. Bọn nhất xiển đề làm sao “cưỡng bách” được TÂM canh mờ, giữ cốt được. Đó chẳng qua lừa gạt những Phật tử chưa học Phật, nhẹ dạ cả tin thôi!

❖ Kinh A Di Đà tụng tiền công “rẻ mạt”, mỗi lần tụng chỉ vài ba trăm ngàn VNĐ. Kinh Địa Tạng của ta, họ đòi tiền công “đắt lăm” mỗi lần tụng phải mấy triệu VNĐ. Kinh Địa Tạng Bồ tát ta quý hơn kinh A Di Đà điểm nào mà ăn mắc? Vô lý thật! Dám phỉ báng A Di Đà Như Lai!?

Hãy đọc thêm Địa Tạng Bồ tát phần Phụ Chánh sẽ biết Địa Tạng Bồ tát là Bồ tát thế nào?

## ĐỊA TẠNG BỒ TÁT

*Địa Tạng là ta, Tâm-địa ta,  
Địa cầu dày chắc rộng bao la.  
Mượn tâm dụ đất thành TÂM ĐỊA,  
Thảo mộc hằng sa tự đất ra.*

*Thảo mộc hằng sa tự đất ra,  
Loài chua, giống ngọt đất sanh mà!  
Tâm sanh thiện, ác... Như Lai tánh,  
Địa Tạng là Tâm của chúng ta.*

*Địa Tạng là Tâm của chúng ta,  
Chơn tâm xuất hiện khắp trời hoa.  
Cần khôn vạn tượng bừng hương sắc,  
Phật bảo: Điềm lành Địa Tạng qua.*

*Phật bảo: Điềm lành Địa Tạng qua,  
Phật rằng: Địa Tạng hạng thầy ta!  
Ba đời Phật Phật đồng chiêm ngưỡng,  
Bồ tát mười phương lễ kính quy.*

*Bồ tát mười phương lễ kính quy,  
Bởi vì Bồ tát gốc từ bi.  
Là nơi tích lũy nhân duyên thiện,  
Địa Tạng phò ai tự giải nguy.*

*Địa Tạng phò ai tự giải nguy,  
Minh châu tích trượng bất tương ly.  
Phóng quang soi khắp tam thiên giới,  
Đập vỡ thành môn ngục á tỳ.*

*Đập vỡ thành môn ngục á tỳ,  
Tâm là đại thánh đại từ bi.  
Bổn tôn Địa Tạng tâm ta đó,  
Địa Tạng là ta, Tâm của ta.*

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Nhìn bằng nhãn quan triết học, người ta có thể thấy triết lý của đạo Phật chữ **Địa Tạng**: Đọc chánh âm nên đọc Địa tàng. Địa tàng là cái kho tàng vĩ đại, ví trái đất mà con người và vạn vật sanh trưởng, đang sinh hoạt, sống còn trên đó, mượn ý nghĩa rộng lớn, dày dặn, cứng chắc, bao hàm, chở đựng của quả địa cầu mà gọi là **Địa tạng**. Chữ **Địa** còn dùng làm ẩn dụ rất quan trọng, tương đối nhiều như: Địa tạng, địa mẫu, thập địa, tâm địa thậm chí dân gian hóa tâm địa của mình thành “Ông Địa” miệng luôn cười vui toe toét...

Kinh Tâm Địa Quán nói:

*Tam giới chi trung*

*Dĩ tâm vi chủ*

*Năng quán tâm giả*

*Cứu cánh giải thoát*

*Bất năng quán giả*

*Cứu cánh trầm luân*

*Chúng sanh chi tâm*

*Do như đại địa*

*Ngũ cốc ngũ quả*

*Tùng đại địa sanh*

*Như thị tâm pháp*

*Sanh thế xuất thế*

*Ngũ thú thiện ác*

*Hữu học vô học*

*Độc giác Bồ tát*

*Cập ư Như Lai*

*Dĩ thử nhân duyên*

*Tam giới duy tâm*

*TÂM danh vi ĐỊA.*

Nghĩa là: Tâm địa ví cho tâm của mỗi một chúng ta. Vì thế, TÂM được ví như “địa” gọi là “Tâm địa”. Trong tam giới TÂM làm chủ, nên người hay quán tâm thì có được giải thoát, người không quán tâm luôn chịu trầm luân. Tâm chúng sanh ví như đại địa lục cốc, ngũ quả,... từ đại địa sanh. Tâm pháp cũng thế, sanh ra pháp thế gian và xuất thế gian... Tâm của tất cả chúng ta là chỗ chở đựng, nảy sanh ra vô số điều thiện và cũng sản sanh ra vô số điều bất thiện, sanh ra con người hữu học, cả thành phần vô học. Tâm làm cho con người sống trong cảnh khổ cùng cực: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh... Tâm cũng đưa con người đến cảnh an vui trong sáng như cảnh Cực lạc, Niết bàn, như Thanh văn Bồ đề, Duyên giác Bồ đề, Bồ tát Bồ đề và Vô thượng Bồ đề Phật. Do

nhân duyên đó gọi “*Tam giới duy tâm*”. TÂM là TÂM ĐỊA và tuyệt đại đa số kinh dùng chữ “Địa” chuyên chở ẩn dụ này! Kể cả “Ông Địa” cười vui toe toét... để bán chạy hàng...

Địa Tạng Bồ tát là Tâm-địa ta:

*Địa Tạng là ta, Tâm-địa ta,  
Địa cầu dày chắc rộng bao la.  
Mượn tâm dụ đất thành TÂM ĐỊA,  
Thảo mộc hằng sa tự đất ra ...*

*Địa Tạng phò ai tự giải nguy.  
Minh châu tích tượng bất tương ly.  
Phóng quang soi khắp tam thiên giới,  
Đập vỡ thành môn ngục á tỳ.*

*Đập vỡ thành môn ngục á tỳ,  
Tâm là đại thánh đại từ bi.  
Bổn tôn Địa Tạng, TÂM ta đó,  
Địa Tạng là ta, Tâm của ta.*

Hãy tự tu sửa “TÂM” mình để mình tự hưởng Niết bàn, an lạc, vì Địa Tạng là Tâm địa của mình vậy.



**Kỳ 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56 và 57**

## THIÊN THỦ THIÊN NHÃN I

*Ông gì? ông biết ông chẳng nhỉ?  
Nghìn mắt nghìn tay, cả lối đâu!  
Dị dạng bằm sinh trong bụng mẹ,  
Hay là dân lớn nhú thêm ra?*

\*  
\* \*

## TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Phật Thích Ca vốn là một người trong cộng đồng nhân loại. Từ lúc tu nhân cho đến khi thành Phật, người không nói, không nghĩ, không làm những gì ngoài mục đích đem lại sự an lạc, sự giác ngộ và giải thoát cho con người. Đức Phật cũng như toàn bộ giáo lý tam tạng của đạo Phật, tuyệt đối phủ nhận tâm tưởng siêu hình, ý tưởng hoang đường huyền hoặc.

Một số chùa Phật giáo Việt Nam Tạo và Thờ cái ngẫu tượng ngàn tay, ngàn mắt và hơn chục cái đầu. Nếu pho ngẫu tượng đó là người thì sự nảy sinh và cấu trúc ấy hoàn toàn phi lý. Vậy ngẫu tượng đó là gì? Phật Thích Ca hẳn là không trả lời được? Bởi vì, nhân loại chưa có hình tượng như vậy xuất hiện trên nhân gian bao giờ.

Giờ đây, Phật tử chúng con xin hỏi Hòa thượng:

- Thưa Hòa thượng: Ông đó là ông gì?
- Thưa Hòa thượng: Ông đó người nước nào?
- Thưa Hòa thượng: Ông ấy chủng tộc nào?
- Thưa Hòa thượng: Ông đó dị dạng quái thai trong bụng mẹ hay là sanh ra rồi đầu tay mới mọc từ từ...?
- Thưa Hòa thượng: Ông ngẫu tượng này tu hành xong, kêu ông ấy bằng gì? Quả vị gì? Ông này hơn Phật Thích Ca tới...cả chục cái đầu, hơn 998 cánh tay và 998 con mắt???

Hòa thượng tác giả pho ngẫu tượng chắc chắn không cách nào giải đáp hợp lý được. Pho ngẫu tượng này đầu độc nhiễm ô biết bao nhiêu tâm lành trong trắng, khiến cho lớp lớp người trở thành nhẹ dạ cả tin, sợ hãi trước thần tượng siêu hình huyền hoặc, tự đánh mất ý

chí trọng phu, nghị lực kiên cường tự chủ của chính mình.

Mọi người trong chúng ta đáng để tâm suy gẫm câu châm ngôn của hàng tiền bối để lại đại khái như dưới đây:

- Làm thầy thuốc phạm sai lầm, giết chết... một hoặc vài...mạng người.

- Làm văn hóa phạm sai lầm, giết chết tâm trí sáng suốt của con người từ thế hệ này đến thế hệ khác không lường hết được.

## THIÊN THỦ THIÊN NHÂN II

*Ta chẳng ông gì? Chẳng khác ai!  
 Đầu còn không có nói chi tay.  
 Vô minh! Tưởng tượng thân ta thế,  
 Lừa đảo nhân gian “cái quái thai”.*

\*

\* \*

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Mất một thời gian truy tầm dữ liệu lịch sử pho ngẫu tượng ngàn tay ngàn mắt ấy, người ta cho biết đó là cốt tượng Bồ tát Quán Thế Âm.

Đệ tử Phật hỏi: Thưa Quán Thế Âm Bồ tát, Ngài có thân hình kỳ dị vậy sao? Không phải con người, làm sao thành Phật được, thưa Ngài? Ngài khác với... hơn tám tỷ hơn loại hiện có, Ngài khác Phật Thích Ca... rồi Ngài sẽ thành gì ?

Bồ tát Quán Thế Âm có vẻ sững sốt, ngạc nhiên, đâu có ngờ đệ tử Phật, họ đem mình ra làm trò “rung cây nhất khí” ấy, vừa hù dọa vừa bịp bợm để bán cái uy linh ảo của mình cho dân chúng trần gian.

Bồ tát Quán Thế Âm niệm danh hiệu đức Bổn sư Thích Ca, rồi đọc lại thơ rằng:

*Ta chẳng ông gì? Chẳng khác ai!*

*Đâu còn không có nói chi tay.*

*Vô minh! Tưởng tượng thân ta thế,*

*Lừa đảo nhân gian “cái quái thai”!*

## THIÊN THỦ THIÊN NHÃN III

*Quán Âm Bồ tát chính là ta,  
Đâu có đầu, tay, mắt dị kỳ...  
Thân mẫu có thai như thế ấy?  
Làm sao sanh nở? “Giáo gian”... Ở ?*

\*

\* \*

### TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Bồ tát Quán Thế Âm khẳng định với hàng Phật tử, với huynh đệ tử muội rằng: Quán Thế Âm ta không có nhiều tay và nhiều đầu kỳ quái phi nhân loại như vậy. Quán Âm ta không thể có bất cứ duyên cớ nào khác và hơn đức Bồn sư Thích Ca Mâu Ni của ta được. Làm sao Quán Âm Bồ tát ta hơn Phật ta đến những 998 tay, 998 mắt, cả chục cái đầu? Và khác với Phật ta chiếc thân kỳ

dị ấy? Ta không thể hơn Phật, ta không thể khác Phật, ta là đệ tử Phật, tu học theo con đường giải thoát giác ngộ của Phật mà thôi.

Quán Thế Âm Bồ tát khẳng định: Người bày vẽ tạc đúc ngẫu tượng ngàn tay ngàn mắt là thành phần tôn giáo bất chánh, tham ước lợi ô danh, muốn làm “Tổ”, muốn có “danh gì với núi sông...” bày vẽ với tâm tưởng hoang đường của con người có hạt giống hoang đường. Nhân loại hiện hữu ở địa cầu cho tới năm này căn cứ theo DL đã có 2008 năm, không ai thấy có con người giống như ngẫu tượng được nặn ra ấy.

Bồ tát Quán Thế Âm khẳng định: Nhân loại không bao giờ có một người mẹ nào có thai mà sanh được người con như thế! Cho nên, bất luận người bày ra “ngẫu tượng” đó là Hòa thượng đạo hiệu **Thượng, hạ** là gì cũng thuộc thành phần ... bất chánh, tục gọi giáo gian.

## THIÊN THỦ THIÊN NHÃN IV

*Đầu nhiều ngâm dạy chánh tư duy,  
Nghìn mắt trông xa để thấy nhiều .  
Tri kiến chánh chơn tu thật đạo,  
Tri hành hợp nhất mắt trong tay !*

\*

\* \*

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Văn hóa thế tục người ta thường sử dụng Dụ để diễn đạt ý tưởng mình, chuyển đạt cho người khác nghe, giúp họ dễ tiếp nhận, dễ cảm thông. Người viết văn thường dùng: Thí dụ, tỉ dụ, hiện dụ, ẩn dụ. Văn hóa trong Phật giáo ngoài bốn thứ dụ kể trên còn vận dụng tiên dụ, hậu dụ, bán dụ và biến dụ.



Nói và vẽ một cô gái mặt đẹp như trăng rằm. Ai dám cưới? Tạc Bồ tát Quán Thế Âm có ngàn tay, ngàn mắt, cả lối đầu, “phi nhân” “phi vật thể” vô tiền khoáng hậu, thì còn lấy cái gì để thành được quái gì?

Tâm của Bồ tát Quán Thế Âm là “Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm”. Tâm đại bi, ý tế độ của Bồ tát đối với chúng sanh phát huy công năng và hiệu lực ấy, so sánh và tỷ dụ ngang bằng ngàn đầu, ngàn tay và ngàn mắt của ai đó, của con người nào đó ... nếu có.

Thế nên, nhiều đầu, ngâm dạy: Hãy tư duy nhiều. Nhiều mắt, ngâm dạy: Hãy quán sát nhiều, quán chiếu nhiều. Nhiều tay, ngâm dạy: Hãy thực hành nhiều. Hãy quỳen chặt **Văn, Tư, Tu** tri hành hợp nhất đó!

Hòa thượng bày vẽ cái thứ văn hóa sai lầm qua ngẫu tượng Quán Thế Âm là người đắc tội với chúng sanh, không biết bao nhiêu thế hệ mới gột rửa được cái tâm hoang đường, mê tín dị đoan này???

## THIÊN THỦ THIÊN NHÃN V

*Quán Âm : Giữ niệm “Âm văn” tịnh,  
 Chứng nhập “Tam ma” bởi nhĩ căn.  
 Tin tưởng Quán Âm cần học hiểu,  
 Đường tu khởi sắc đạo thêm hương!*

\*  
 \*   \*  
 \*

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Quý Quán Thế Âm là tốt. Niệm Quán Thế Âm là tốt. Tôn trọng Quán Thế Âm là tốt. Quý kính, tôn trọng, ái mộ, niệm danh đều tốt hết, nhưng ai quý kính, tôn trọng, ái mộ đến mức gọi Quán Thế Âm Bồ tát bằng **Mẹ** và nghĩ rằng: Mình có **Mẹ** thiêng liêng, có gì trực trặc, rắc rối trong gia đạo, trong việc làm ăn... gọi **Mẹ** kêu danh hiệu **Mẹ**, cầu cứu **Mẹ**... **Mẹ** phù hộ...! Sai rồi! Người đó không phải là Phật tử chân chánh kể từ đây.

Quán Thế Âm Bồ tát không phải là một vị Bồ tát chuyên làm chuyện lật vật, tình cảm thân sơ, thương ghét thường tình như vậy. Nên hàng Phật tử chân chánh đừng bao giờ có ý tưởng: Ta gọi Quán Âm bằng Mẹ để được Quán Âm Mẹ thương hơn. Người đệ tử Phật có học Phật thật không nên nghĩ Quán Thế Âm Bồ tát là một **phụ nữ**.

Quán Thế Âm là Như Lai cổ Phật, là Phật tâm, Phật tánh cùng khắp vũ trụ như sinh. Trong mọi người Phật tử chúng ta đều là Quán Âm, sẵn có Quán Thế Âm ngự ở tâm mình. Bởi vì, Quán Thế Âm Bồ tát là vị Bồ tát: Phổ môn thị hiện, cứu khổ tầm thính, từ bi thuyết pháp độ mê tâm... Quán Thế Âm cũng tức là **Như Lai** nữa. Là **Trí tuệ Như Lai đức tướng** của mọi người “Nhứt thiết chúng sanh cụ hữu trí tuệ Như Lai đức tướng” (Kinh Hoa Nghiêm). Bởi thế, tu theo pháp tu của Quán Thế Âm Bồ tát cần phải học phẩm Phổ môn (kinh Pháp Hoa), học kinh Thủ Lăng Nghiêm kỹ càng, sâu sắc mới hiểu biết vì sao Đại thừa Phật giáo xiển dương, trọng kính Quán Thế Âm Bồ tát là bậc Tịnh Thánh, bậc Đẳng Giác được tôn thờ.

Bồ tát Văn Thù lựa chọn, so sánh 25 cách tu tập của 25 vị đại đệ tử Phật, mỗi vị đều đạt kết quả, chứng nhập Pháp thân. Nhưng ưu việt hơn hết là pháp tu của Quán Thế Âm Bồ tát. Pháp tu của Quán Thế Âm Bồ tát dựa vào tánh nghe của “Nhĩ căn” và đối tượng nghe là

“Âm thanh”. Rồi phát huy công dụng của chánh thọ, Bồ tát thể nhận nhĩ căn có ba đức ưu việt **viên, thông, thường**, các môn tu dựa trên **căn, trần, thức, thất đại** đều không có. Pháp môn tu của Quán Thế Âm Bồ tát là pháp môn gần gũi với mọi người đệ tử Phật, ai cũng có thể “lắng nghe”, ai cũng có đối tượng nghe thường xuyên liên tục réo gọi ở lương tâm, lương tri của chính mình. “Ác nên xa lánh” “Thiện nên làm” và nhân sức mạnh ấy lên như ngàn mắt, ngàn tay và ngàn bộ óc của con người. Thờ Quán Thế Âm là thờ điểm đó. Kính quý, ái mộ Quán Âm ở nơi phương pháp và hạnh tu của người, chứ không phải ái mộ Quán Âm bằng cách thân thương, nguyện làm con nuôi của Mẹ, để sẵn trong nhà, gặp lúc lâm nguy kêu Mẹ cứu giúp.

Đạo Phật không chấp nhận đệ tử, nếu người đệ tử ấy không bỏ tánh mê tín, tánh ý lại tha nhân, khinh thường tri kiến Phật vốn có trong chính thân tâm mình.

## THIÊN THỦ THIÊN NHÃN VI

*Giáo thể cõi này hợp “tiếng nghe”,  
Lắng nghe “tịnh thánh” tiếng lòng ta.  
Nhĩ căn hướng nội Ly năng sở,  
Sanh diệt không còn, Phật hiện ra.*

\*  
\* \*

## TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Sau khi so sánh và chọn lọc, Bồ tát Văn Thù trình lên Phật:

*“Phật xuất Ta bà giới  
“Thử phương chân giáo thể  
“Thanh tịnh tại ÂM VẤN  
“Dục thủ tam ma đề  
“Thật tòng VĂN trung nhập”*

Có nghĩa là:

Phật giáng sanh (xuất hiện) thế giới Ta bà này, phương cách giáo hóa truyền đạt cho chúng sanh nhay bén và thuận lợi hơn hết là: Âm và Văn. Văn tức là nhĩ căn. Âm là đối tượng của nhĩ căn âm thanh. Phương pháp tu của Quán Thế Âm Bồ tát dựa vào “nhĩ căn và thanh Âm” vừa của “ngoại cảnh” vừa của “nội tâm”, vận dụng Bi Trí tự hóa giải, tự điều tiết, vô hiệu hóa căn trần theo quá trình tiệm tiến:

*“Sơ ư văn trung*

*“Nhật lưu vong (năng) sở*

*“Sở nhập ký tịch*

*“Động tĩnh nhị tướng*

*“Liễu nhiên bất sanh*

*“Như thị tiệm tăng*

*“Văn sở văn tận*

*“Tận văn bất trụ*

*“Giác sở giác không*

*“Không giác tịch viên*

*“Không sở không diệt*

*“Sanh diệt ký diệt*

*“Tịch diệt hiện tiền...”*

Thờ Quán Thế Âm là thờ phương pháp tu tập mẫu nhiệm thậm thâm ấy. Mẫu nhiệm thậm thâm mà không xa xôi khó hiểu, không huyền hoặc hoang đường. Tu bằng tánh **nghe** tự có của mọi chúng sanh. Tu qua “tiếng” đối tượng “nghe” tự tâm có, và ngoại cảnh cũng có. Dùng phương tiện ngữ ngôn diễn đạt yếu chỉ ấy đại lược như sau:

*Tiếng tác dụng vào tai*  
*Tiếng và tai vô hiệu hóa*  
*Vô hiệu hóa tiếng tai rồi*  
*Nghe Động nghe Tĩnh buông luôn!*  
*Từ diệu lực ấy nhân lên*  
*Gạt bỏ năng văn, sở văn*  
*Tánh năng giác, sở giác hiện*  
*Xoá tan năng sở giác*  
*Năng không sở không hiện*  
*Diệt ý niệm năng không sở không*  
*Diệt luôn ý niệm diệt*  
*Niết bàn tịch diệt, pháp thân hiện tiền...*

Kính trọng, tôn thờ, ái mộ Quán Thế Âm Bồ tát, phải tu học cách tu của Người. Và tham thiền, quán chiếu nhận thức cho rõ Quán Thế Âm Bồ tát là tâm ta, Quán Thế Âm Bồ tát ở trong thân ta. Thậm chí tôn thờ ái

mộ Phật cũng phải học như vậy. Quán Thế Âm Bồ tát có đủ dạng hình, từ thân hình Đồng nam, Đồng nữ, Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la... Nhơn, Phi nhơn, Thịnh văn, Duyên giác, Bồ tát cho đến thân Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác Như Lai. Ngài là vị Bồ tát **Phổ Môn** mà!

Những ai cầu Phật ở ngoài thân tâm là tu sai rồi, như người nấu cát sỏi mà mong có cơm ăn là việc không thể có. Hãy học phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa. Đừng gọi Quán Thế Âm Bồ tát là **Mẹ Quán Âm** nữa nhé.



**Kỳ 58**

## TIN TƯỚNG

*Cầu nguyện cao xanh ngưỡng vọng lên,  
Đinh ninh nơi ấy có bề trên.  
Hiểu ra: Lòng lộng thênh thang rộng,  
Bởi thế trần gian mãi lụy phiền.*

\*

\* \*

## TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tin tưởng là một đức tánh vốn có của nhân loại. Đến thế kỷ XXI này, dân số toàn cầu trên dưới 8,4 tỷ người là có ngần ấy tin tưởng khác nhau.

Tin tưởng gì, tin tưởng ai, người ta nhìn ở nơi các tôn giáo thờ phượng tôn nghiêm là cơ sở biểu hiện rõ đức tin của người tin tưởng đó.

Thế giới ngày nay, phần lớn đứng vào một thỏa thuận chung: Tôn trọng tự do tín ngưỡng, do vậy, vấn đề tín ngưỡng không nên phê phán hay chỉ trích lẫn nhau. Tự do tín ngưỡng mà.

Bài thi ca của Như Huyền Thiền sư nhan đề **Tin Tưởng**, nhưng tin tưởng theo tin tưởng của Như Huyền Thiền sư, chắc chắn có phù hợp với một thành phần người và cũng chắc chắn có bức bối khinh ghét của một thành phần người khác khi đọc.

Theo giáo lý đạo Phật, theo tinh thần hành đạo và truyền bá đạo Phật của Như Huyền Thiền sư: Vũ trụ bao la, con người tối linh tối thượng, không cần cầu nguyện, van xin với ai ngoài thân ta và tâm ta. Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tam đồ khổ do thân tâm ta tạo ra. Trời, người, A tu la, có khổ, có vui cũng do thân tâm ta tạo ra. Sáu cảnh “lục đạo luân hồi” ấy, do con người làm con người chịu, không có “đấng bề trên”, “đấng cao xanh” hay “ông gì” thưởng phạt mà do thương ghét của cá nhân mình.

Cầu nguyện là một kiểu tin chung của người có tôn giáo và không tôn giáo. Trong cuộc sống hình như rất ít ai trong đời không có cầu nguyện. Bởi vì tuyệt đại đa số con người có tánh tự ti, cho nên tự đặt mình là “kẻ dưới” là người yếu hèn và tự đặt ở chỗ “Cao xanh” kia có đấng “Bề trên” ở trên ấy, mình muốn gì vượt quá

khả năng thì “cầu nguyện” nhờ đấng “Bề trên” hay “Ôn trên” phò hộ.

Đạo Khổng tử nói, trên khoảng xanh vô tận kia, người ta tưởng đó là trời, thật ra không có Ông gì hết. Theo Khổng tử cho đó là:

“Thiên thính tịch vô âm

“Thương thương hà xứ tâm

“Phi cao diệc phi viễn

“Đô chỉ tại nhưn tâm”.

Khoa học thì dùng viễn vọng kính, phi thuyền không gian đi khá xa, nhìn khá rộng mà chưa gặp đấng Bề trên nào.

Còn đạo Phật nói: Mỗi người tự làm “Đấng Bề Trên” cho mình và cũng tự mình làm cho mình thành người tệ hại nhất, đau khổ nhất. Thế nên người học hiểu đạo Phật, tu theo đạo Phật không chủ trương cầu nguyện. Bởi vì, nếu cầu nguyện mà “được” thì nhân loại chẳng ai để cho mình nghèo, càng không để cho mình khổ.

Lồng lộng thênh thang rộng: Chỉ cho vũ trụ. Vũ là không gian. Trụ là thời gian. Vũ trụ có hai thành phần:

- 1) Trống rỗng, là khoảng không.
- 2) Có vật chất.

Khoa học tóm lược đại khái gồm có: Động vật, thực vật và khoáng vật. Dựa vào vật chất mà khái niệm ý nghĩa thời gian, cũng dựa vào vật chất mà người ta khái niệm ra ý nghĩa không gian. Do vậy, cái gì thuộc bên có thì nằm trong động vật, thực vật và khoáng vật. Cái gì thuộc về bên không thì “lồng lộng thênh thang rỗng” vậy thôi!

Nếu dám dứt bỏ ý niệm chủ quan định kiến của riêng ai đó. Khách quan mà nhận xét, ai cũng có thể thấy rõ ràng rằng:

- **Cầu an** cho thế giới, không được.
- **Cầu siêu** cho thế giới, không được.
- Cầu nguyện thế giới hòa bình, không được.
- Cầu nguyện cho nước hiếu chiến kia bị tiêu diệt, không được.

Thế cho nên nếu “Cầu nguyện” mà được thì trần gian này, như loại này ai ai cũng hạnh phúc ấm no giống nhau.

**Kỳ 59**

**HỌC ĐẠO**

*Hướng đến vô vi học đạo chân,  
Sâu xa tuyệt học dứt lần khôn,  
Vô minh, Phật tánh không hai một,  
Ngũ uẩn phù hư tức pháp thân.*

\*

\* \*

**TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Đạo để cho nhân loại “tín ngưỡng” ở toàn cầu nhiều lắm khó mà biết. Đến thế kỷ XXI có bao nhiêu thứ đạo phục vụ cho hơn 8,4 tỷ người trên thế giới cũng khó có người biết. Học đạo ở đây nhằm giới thiệu cách học và hiểu giáo lý của đạo Phật cần phải thiền định, nhận thức, quán chiếu, tư duy qua hai mặt:

1. Hiện tượng Hữu vi pháp.
2. Bản thể Vô vi pháp.

Bên mặt hiện tượng hữu vi, người đệ tử Phật phải học hiểu “Ngũ thừa Phật giáo” tức là năm hệ tư tưởng để đáp ứng yêu cầu của năm chủng tánh, năm căn cơ trình độ sai biệt bất đồng. Đó là: Nhơn thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ tát đại thừa. Nếu gặp thầy hay bạn giỏi hướng dẫn học tốt, tu đúng, sẽ đem lại kết quả an lạc ngang với giáo lý của “thừa” mình tu học. Ví dụ:

- Học tu Tam qui y, ngũ giới pháp là Nhơn thừa.
- Học tu Thập thiện nghiệp đạo là Thiên thừa.
- Học tu Tứ diệu đế là Thanh văn thừa.
- Học tu Thập nhị nhân duyên là Duyên giác thừa.
- Học tu Lục độ vạn hạnh là Đại thừa Bồ tát.

Ngũ thừa Phật giáo mở bày chỉ dạy về các hiện tượng hữu vi và phương pháp vượt ra khỏi sự buộc ràng bức ngặt của hiện tượng “hữu vi duyên sanh” ấy.

Vô vi là thật tướng của hiện tượng. Phải hướng đến bản thể vô vi mới thật biết, thật chứng cái đạo chân thật: Chân thường, chân lạc, chân ngã và chân tịnh, bản thể của hiện tượng vạn pháp. Học **Hữu vi pháp** như người chỉ biết nước biển qua sóng mồi bong bóng bọt, học **Vô vi pháp** thâm ngộ ra rằng: Sóng bọt lao xao kia không phải là nước biển và liễu ngộ ra rằng: Ngoài sóng

bọt lao xao, còn một bản thể trong suốt phẳng lặng như gương, đấy mới là nước biển thật. Học đạo ở **hữu vi** pháp chỉ là biết chân lý: Vô thường, khổ, vô ngã và bất tịnh của hiện tượng vạn pháp. Hướng đến **vô vi** học, người đệ tử Phật biết rõ bốn đức Niết bàn: Thường, lạc, ngã, tịnh.

Tĩnh ngộ, nhận thức chân lý, rõ ra: Bản thể không rời hiện tượng; hiện tượng không ngoài bản thể. Vô vi không rời hữu vi; hữu vi không ngoài vô vi. Vô minh không rời Phật tánh; Phật tánh không ngoài vô minh. Phật tánh và vô minh nói một không phải, nói hai không đúng. Thân ngũ uẩn và Pháp thân cũng vậy. Chúng sanh và Phật bất tức, bất ly. Phiền não tức Bồ đề, sanh tử tức Niết bàn.

Học đạo như vậy gọi là “Tuyệt học”.

Học đạo như vậy mới gột rửa hết nạn vấn “lần khân”!

**Kỳ 60****DIỆT VỌNG**

*Vọng chất ra sao đòi diệt vọng?*

*Vọng không hình mạo có danh ngôn.*

*Tâm ai tỉnh ngộ tìm không có,*

*Vọng đến lòng ai có nào phiền.*

\*

\* \*

**TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Là đệ tử Phật, xuất gia cũng như tại gia, phải sắp xếp cho mình, dành cho mình thời gian “học đạo”. Đạo Phật gọi là quá trình **Văn, Tư, Tu**. Có vậy, sự tu hành mới đạt kết quả mong muốn. Tu không học là tu mù, mười người tu sai lạc hơn chín rưỡi. Lời thật mịch lòng, nhưng đó là sự thật mà không được mấy người bằng lòng.



Các Sư dạy ngài **Thiền** tìm **vọng** để diệt hết vọng thì chơn hiện ra. Lời dạy đó, nghe qua ai cũng tưởng đúng. Cố gắng ngồi tìm vọng để “diệt”, hy vọng nắm bắt lấy chơn. “Ngồi thiền” như vậy sai rồi! Ngồi càng nhiều càng phí sức phí công nhiều. Gieo hạt giống bị rang luộc, không có ngày sanh cây kết trái.

*“Diệt tâm vọng, vọng tìm không có!*

*“Chân lý tìm, chân lý biết ở đâu?”*

*“Sai lầm ngay khi khởi ý “diệt”, “tìm”.*

*“Lệch chánh pháp, tưởng con mà là giặc”.*

Tu Thiền của đạo Phật “chánh tông” dễ ợt, và tại vì dễ ợt cho nên nói ra người ta giật mình ngỡ vực chẳng dám tin ngay. Tại vì người ta tưởng khó và phần nhiều **ngồi chịu trận** với các kiểu thiền cực khổ đã quen. Thiền cực khổ còn không đem lại an lạc giải thoát chút nào, thiền mà dễ làm sao tin được? Lý luận đối phó như vậy người mới nghe qua đều cho là đúng, nhưng với kinh Liễu nghĩa Đại thừa, đó là thứ lý luận “kiến thủ kiến” của người có chủng tánh “ngoại đạo phàm phu”.

Thiền chánh tông của đạo Phật, đi, đứng, ngồi thậm chí nằm cũng thiền, kết quả thành tựu như nhau. Nói về nơi chốn và thời gian, bất cứ ở chỗ nào, không luận giờ khắc ngày hay đêm thiền đều đem lại kết quả về mặt tri kiến, về mặt an lạc giải thoát như nhau.

Vậy “Thiền dễ ợt” phải học ở đâu? Học ở kinh Như Lai Viên Giác của Như Huyền Thiền sư – Pháp sư Từ Thông biên dịch ấy.

Kinh Viên Giác, Phật dạy cho Bồ tát Văn Thù: “Mười phương Như Lai, trên đường tu nói là tu, thật ra các Ngài chẳng tu gì cả, mười phương Như Lai chỉ cần “tỉnh thức”, tâm ý các Ngài thường xuyên liên tục trong ý nghĩa của một chữ “**Tri**”. Tri có nghĩa là biết là tỉnh thức không mê muội. Biết cái gì?

- Biết vô minh như hoa đốm trong không.
- Biết ngũ uẩn phù hư không khứ lai.
- Biết sắc thị không, không thị sắc.
- Biết ảo hóa không thân tức pháp thân.
- Biết thất đại thật tánh chẳng có đại nào!

“Làm sao giết được người trong mộng”...

Đòi diệt vọng lại cũng như vậy. Hãy bỏ đi, thứ lý luận sai lầm ấy !

\*

\* \*

**Kỳ 61 và 62**

**RỪNG THÔNG**

*Rừng thông quý một màu xanh mơn mớn,  
Lão Sơn Tăng an nhàn trụ chốn thâm u.  
Cảnh sâm lâm tịch tịch tịch nhàn du,  
Việc trần thế viễn ly, Ly sanh Hỷ lạc.*

\*

\* \*

**TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Chiều hôm ấy, ngày mùng 05 tháng 05 Đinh Hợi nhằm ngày 19 tháng 6 năm 2007. Một chiều mà lần đầu tôi được ở rừng thông. Cho đến năm này, tôi được 80 tuổi ta (tuổi tây mới 79). Tôi thì thích có được 80 tuổi tây, mà tuổi tây thì phải 81 tuổi ta mới được.

*“Tám mươi tuổi Tây Ta lộn lộn!”*

Vậy, ngày tôi đến Tây Nguyên, ở rừng thông Tây Nguyên cũng là ngày đáng ghi nhớ của tôi lắm. “80 tuổi được ở rừng thông Tây Nguyên, thật là thích, “cảm ơn Tây Nguyên”!

Đấy! Các huynh đệ gần xa của tôi ơi! Hỡi các đệ tử gọi tôi là Như Huyền Thiên sư ơi! Kinh điển Phật, giáo lý tục đế tôi diễn đạt rất dễ dàng. Giáo lý chơn đế tôi cũng có nguồn tư duy hun hút. Vậy mà còn bàn luận tuổi Tây, Ta! Vui cảnh này, thích cảnh nọ. Các pháp lữ thấy chưa? Chưa thành Phật đều là vậy hết đấy.

Trước mấy mươi năm, tôi đã có ước mong. Mong ước được một chỗ ở có núi đồi, rừng suối. Tây Nguyên tôi ở hiện nay so sánh với Trung du hay Thượng du Bắc bộ, nơi lý tưởng tốt cùng thích của tôi trăm phần, ở đây chỉ được một, hai, ba. Dù vậy, tôi đã bằng lòng lắm rồi. Phật dạy “Tri túc” mà. Nguyễn Công Trứ có câu:

知足便足 待足何時足

知閒便閒 待閒何時閒

*“Tri túc tiện túc đãi túc, hà thời túc.*

*“Tri nhàn tiện nhàn đãi nhàn, hà thời nhàn.”*

*“Việc trần thế viễn ly, Ly sanh Hỷ lạc.”*

Đó là thoại đầu, là công án. Hãy tu tập viễn ly, không tập viễn ly tức là không quăng bỏ gánh nặng.

“Ly Sanh Hỷ Lạc”- bậc thiền thứ nhất trong tứ thiền.  
Phải ly mới có **an lạc** và **hỷ lạc**.

**Kỳ 63****SƯƠNG LẠNH TÂY NGUYÊN**

*Sương lạnh ẩn trời xanh hiển hiện,  
Sương đi đâu? Lạnh chuyển về đâu?  
Vàng hồng tỏa khắp mặt cầu,  
Nhớ sương, nhớ lạnh biết đâu mà tìm.  
Sương lạnh tánh hư sanh ảo diệt,  
Tướng lạnh hư mà thực mới mâu.  
Thực hư, hư thực cân nhau,  
Lấy gì làm thực, thế nào là hư?  
Hư và thực danh từ đối đãi,  
Còn vô minh còn cái thị phi...*

\*

\* \*

## TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

“Sương lạnh Tây Nguyên” thi nhân gợi cho Thiền giả một đối tượng Thiền. Thiền giả hay Thiền sư đối với họ **tất cả pháp đều là Phật pháp**, tất cả các pháp không có pháp nào không là Phật pháp, tại vì ta bị vô minh che lấp, như kẻ đui mù không thưởng thức được muôn hồng nghìn tía trước cảnh rục rờ của xuân về. Ta buông lỏng, thả lỏng theo dòng vô minh trôi nổi. Do vậy, ta ở Niết bàn mà không hề thưởng thức được an vui, tiền cảnh trước mắt, tất cả đều thanh tịnh mà ta chưa hề hay biết.

Bởi vì: “*Còn vô minh còn cái thị phi*”. Còn vô minh là còn “**ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả**” bốn tướng sương khói ấy, che lấp trời xanh.

Sương lạnh Tây Nguyên, Thiền giả Tham và Quán tánh “duyên sanh” của vạn pháp. Các pháp “huyền diệt”, “huyền diệt” pháp này diệt, pháp kia sanh. Sương tan trời hiển hiện, ngược lại sương hiện trời như bị mất đi, chỉ có Thiền giả thấy được tánh “*sanh không thật sanh*” cho nên “*diệt không thật diệt*”.

Sương đi đâu? Sương về đâu? Lạnh từ đâu đến? Lạnh trở về đâu? Sự chuyển hóa của vũ trụ “trùng trùng duyên khởi” tìm sao cho được cái bắt đầu!

Từ tư duy, quán chiếu, Thiền giả nhận rõ ra rằng: “*Vạn pháp giai không, duyên sanh như huyễn*” là lẽ thật. Rồi Thiền giả tập xem thường... Từ xem thường mà có nhẹ nhõm, từ nhẹ nhõm mà được vui tươi, từ vui tươi mà không có “tâm sâu bạch phát”.

Hãy tu Thiền. Thiền vẫn được vãng sanh Cực lạc, được về cõi Tịnh độ an vui!



**Kỳ 64 và 65**

**SƯƠNG MÙ TÂY NGUYÊN**

*Sương mù bao phủ am mây,  
Núi đồi mờ ảo cỏ cây ẩn mình.  
Rừng thông lặng lẽ hữu tình,  
Tư bề quạnh quẽ chỉ mình với ta.  
Đạo chơi trong cõi Ta bà,  
Hàng hàng lớp lớp cùng ta vui đùa.  
Ta bà Cực lạc không xa,  
Ung dung tự tại vào ra tự mình.  
Nổi trôi một kiếp phù sinh,  
Trăm năm bèo ảnh hư vinh nhọc nhằn.  
Lợi, suy, hủy, dự lãng xãng,  
Là trò ảo hóa cầm bằng chiêm bao.*

\*

\* \*

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Ở Tây Nguyên, mùa Đông mùa Xuân sương mù bao phủ mịt mù rừng núi là chuyện gần như thường ngày. Có ngày sương mù bao phủ ba lần, thậm chí nhiều hơn thế nữa. Những lúc sương mù bao phủ là lúc “rừng thông lặng lẽ”, là lúc quạnh quẽ tư bề và thời điểm ấy chỉ có ta với ta.

Trước cảnh hữu tình mà “tâm vô sở đắc” Thiền giả chợt nhớ “Pháp giới nhất chân, bất nhị”. Rõ ra rằng: mình và mọi người cùng vui ở cõi Ta bà, nào có sao đâu. Ở cõi Ta bà mà “ung dung tự tại vào ra tự mình”, vậy thì “Ta bà tức là Cực lạc”.

Cho nên, kinh Hoa Nghiêm Phật dạy:

若 人 欲 了 知  
 三 世 一 切 佛  
 應 觀 法 界 性  
 一 切 唯 心 造

Có nghĩa rằng:

*“Nếu ai muốn rõ biết*

*“Ba đời mười phương Phật*

*“Quán chiếu tánh pháp giới*

*“Tất cả, duy tâm tạo.”*

Kinh Phật dạy là thế đó, vậy mà cho đến nay chẳng biết bao lâu đời kiếp, chìm đắm, trôi lăn trong biển khổ sông mê, của hí trường mộng ảo, của huyễn cảnh không hoa, của bát phong bào ảnh. Há chẳng phải là đáng thương xót lắm ru!

Thảo nào, hàng Thanh văn, Duyên giác thường bị Như Lai quở:

**“Các ông là những người đáng thương xót”!**

**Kỳ 66****NẮNG ĐẸP TÂY NGUYÊN**

*Mây trắng trời xanh đẹp hết lời,  
 Trời xanh mây trắng “của ta” ơi!  
 Lòng ta man mác băng khuâng nhớ,  
 Vạn kiếp phù sinh tựa ráng mây.*

\*

\* \*

**TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Kinh Duy Ma Cật sở thuyết nói về cõi Phật:

“Tùy kỳ tâm tịnh tắc Phật độ tịnh.

Dục tịnh Phật độ tiên tịnh kỳ tâm”.

隨 其 心 淨 則 佛 土 淨  
 欲 淨 佛 土 先 淨 其 心

Có nghĩa rằng:

*Do tâm người tịnh mà có cõi Phật tịnh. Muốn có cõi Phật tịnh, trước tịnh tâm mình*

Do đạo lý Phật dạy, suy nghiệm ta biết rõ ra rằng: Thấy trời xanh mây trắng đẹp, chính tâm trạng Thi nhân lúc đó thanh thoát nhẹ nhàng, thậm chí cực kỳ nhẹ nhàng, cực kỳ thanh thoát. Vì vậy, cái đẹp trở nên đẹp hết lời. Đó là ý tứ, một “thoại đầu” mà Thiền giả nên lưu tâm. Đẹp hết lời với ai chớ không phải với ai cũng đẹp. Biết đâu dưới nền trời xanh mây trắng ấy có bao nhiêu người ưu tư sầu muộn, hoặc khổ, hoặc không. Biết đâu có người sống trong cuộc sống mấy mươi năm mà chưa có lần thật thấy trời mây trắng nước.

Há chẳng nhớ Đại thi hào Nguyễn Du đã viết:

*“Vui xuân vui khắp phương trời,*

*Buồn xuân riêng để cho người tương tư”*

Là một Thiền giả, tránh cho mình nhìn thấy “Cảnh đeo sầu”.

Ở Thi ca này Như Huyền Thiên sư mật ý trách khéo, quả phạt những ai đệ tử Phật qua chữ “**cửa**” có mở ngoặc kép. Đệ tử Phật, một Thiền sư, Thiền gia mà vướng mắc vào “**cửa**”, nặng nề về “**cửa**” thì chẳng còn “thoại đầu”, “công án” nào có tác dụng xử lý nổi khối vô minh ấy.

*Lòng ta man mác băng khuâng nhớ,*

*Vạn kiếp phù sinh tợ ráng mây.*

Thi nhân nhắn nhủ với mọi người con Phật rằng: Hiện tượng hữu vi pháp vĩnh viễn tồn tại, không ai đập đổ, ném bỏ, chôn lấp nó ở đâu được. Thế nên, không phải sợ nó và cũng không cần có ý niệm diệt nó, mà chỉ cần nhớ nó, nó là hữu vi pháp, là vô thường, là pháp sanh diệt. Ta chỉ cần “diệt” ý niệm sanh diệt ở lòng ta, thì ta được cái vui Niết bàn tịch diệt.

Chư hạnh vô thường - Thị sanh diệt pháp

Sanh diệt diệt dĩ - Tịch diệt vi lạc.

諸行無常 - 是生滅法

生滅滅已 - 寂滅為樂

(Kinh Đại Niết Bàn)

**Kỳ 67**

**NĂM THÁNG**

*Vạn kỷ trời mây vốn hợp tan,  
Mây trời tan hợp tháng năm tàn.  
Đổi thay sanh diệt nguồn cơn ấy,  
Hỏi cái ta nào ta của ta?*

\*  
\* \*

**TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Hợp tan, tan hợp. Thạnh suy, suy thạnh. Được mất, mất được. Sáng tối, tối sáng. Sanh diệt, diệt sanh v.v... đổi thay muôn vạn kỷ, không bao giờ tìm có một điểm dừng.

“*Vạn kỷ trời mây vốn hợp tan*” là chân lý bất di bất dịch của vạn pháp hiện tượng duyên sanh như huyền, khi ta nhìn chúng bên mặt không gian.

“*Mây trời tan hợp tháng năm tàn*” nhìn bên mặt thời gian của hiện tượng sự vật, cũng cùng chung số phận “vô thường” diệt sanh, sanh diệt theo dòng chảy của thời gian.

Hiện tượng vạn pháp thật **có** hay thật **không**?

Nói **không**, không đúng. Nói **có** thì sai.

Ví như người mộng, cảnh mộng với họ không thể nói “không”, người không mộng, nói “có” nói “không” đều không thể nói.

Thế Tôn thường dạy: Vũ trụ, nhưn sanh, hữu tình, vô tình, tìm bản chất của tự nó không có. Đó là chân lý vô ngã. Chân lý đó bao quát hết nền giáo lý của đạo Phật.

Cái **Ta** tìm không có “*Hỏi cái ta nào ta của ta*”?

Hãy học tập “Thiền định” chân lý: Vô thường, Vô ngã, vạn pháp giai không.

Hãy lột kính vô minh đi, để nhận thấy bấu vật nhà ta vốn sẵn có.

\*

\* \*



**Kỳ 68 và 69**

**ĐÔNG – XUÂN**

*Sống đã không gì ,chết cũng không,  
Trăm năm côi tạt vấn vương lòng.  
Giang san vũ trụ ai là chủ?  
Vạn kỷ Xuân tàn trở lại Đông.*

**Tiền giang Nữ sĩ Liên Hải họa :**

*Vạn hữu vô thường có cũng không,  
Nước non vô ngã vấn vương lòng.  
Công danh sự nghiệp trò mây khói,  
Chả trách Xuân tàn lại đến Đông.*

\*

\* \*

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

路 逢 劍 客 須 談 劍  
未 遇 詩 人 莫 獻 詩

### **Phiên âm:**

Lộ phùng kiếm khách tu đàm kiếm,  
Vị ngộ thi nhân mạc hiến thi.

### **Nghĩa rằng:**

*Gặp kiếm khách hãy cùng luận kiếm,  
Chẳng thi nhân thì chớ tặng thơ.*

**Kỳ 70 và 71**

**TRĂNG KHUYA**

*Trăng lồng lộng phủ vàng đôi dốc,  
Gà gáy sôi eo óc canh khuya.  
Gâu gâu chó đón trăng về,  
Nhìn trăng “thốn thức lòng quê” đêm dài.  
Thâm trầm quá biết ai chia sẻ?  
Thanh thoát này nào để riêng ta.  
Chên chên chiếc bóng trăng tà,  
Cùng ai trà đạo, ai cùng ngắm trăng?*

\*

\* \*

**TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Cùng là trăng, cách đây 60 năm, hồi phong trào ca vọng cổ cải lương , thời kỳ còn nhịp 2, nhịp 4, nghe rả rã nã nùng, chưa được nhịp 16, 32 như thế kỷ XXI hiện

nay. Hãng ASIA hồi đó có bài ca “Thức trót canh gà”. Khởi đầu: “Thức trót canh gà ... ngồi **nhìn bóng trăng non**, thương con nhớ chồng, gan xào ruột héo đau đớn lấm hời chàng ôi...!”.

“...Ôi! Dưới cội gốc cây ngô đồng chỉ có một mình ngồi than thở dưới “bóng trăng khuya...!”.

Lúc nàng Kiều thọ tiễn yêu đương, lo lắng hạnh phúc tương lai, đại thi hào Nguyễn Du viết:

*“ ... Gương trăng chênh chếch dòm song,  
Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân.  
Hải đường lả ngọn Đông lân,  
Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà.  
Một mình lặng ngắm bóng nga,  
Rộn đường gần với nỗi xa bời bời...”*.

Thương quá, nhớ quá, chia ly đau đớn quá, “ái biệt ly khổ” mà. Lúc bấy giờ Thúy Kiều thấy trăng như bị ai đó cắt chia hai. Đại thi hào Nguyễn Du viết:

*“...Người lên ngựa kẻ chia bào,  
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.  
Dặm hồng, bụi cuốn chinh an,  
Trông chàng đã khuất mấy ngàn dâu xanh.  
Người về chiếc bóng năm canh,*

*Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.*

*Vàng trăng ai xẻ làm đôi,*

*Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường...”*

Đạo sĩ ngắm trăng, người đệ tử Phật thưởng trăng, cũng thường có “một nỗi lòng”. Có thể nói nỗi lòng vượt ra ngữ ngôn văn tự. Nỗi lòng biết nói sao đây...?

Đạo sĩ tu thiên, cũng như một thiền giả Phật tử cư sĩ, ngày ngày trong cuộc sống cái họ thích là cỏ cây rừng núi, thông reo suối chảy, gió thoảng mây bay, chim kêu vượn hú, chó sủa xa xăm, tiếng chuông đồng vọng, chim vịt kêu chiều, dế rang cảnh vắng... Cảnh quanh quẽ cô liêu, thiên nhiên u tịch ban ngày cũng như đêm, ở trong môi trường ấy, tâm tư người Đạo sĩ có một thổn thức, thổn thức của Tu sĩ, họ thổn thức “lòng quê”. Mà Lòng Quê của Tu sĩ khác với sự “cảm hứng” của Thi hào, Thi sĩ, cũng không như người cô phụ dưới cội ngô đồng, một mình ngồi than thở dưới bóng trăng khuya... Khác với nàng Kiều, thấy trăng bị ai cắt làm đôi.

Bởi vì Lòng Quê của tu sĩ thường là họ hướng tâm tư vào thiên định, họ sống ở trong thiên vị, họ thường an trụ:

Thể Tánh Tịnh Minh, Chân Như Bản Thể.

Như Lai Viên Giác Diệu Tâm.

Pháp Thân Biến Nhất Thiết Xứ.

Tự Tánh Thanh Tịnh Niết Bàn.

Di Đà Tự Tánh.

Tịnh Độ Thường Tịch Quang.

Lòng Quê nói cách khác “quê hương” của người con Phật. Sáu cảnh thanh tịnh nói trên, người đệ tử Phật xem nơi đó mới là quê hương của họ. Bởi vì, họ được học hiểu qua kinh điển lời Phật dạy, ai cũng có tự tánh vốn an lành, thanh thoát, nhẹ nhàng, sung sướng, không gợn một chút trần ai. Đó mới là quê hương vốn có của mình.

千江有水千江月  
萬里無雲萬里天

Phiên âm:

Thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt,

Vạn lý vô vân vạn lý thiên.

*Dịch nghĩa:*

*Bao sông có nước bao trăng hiện,*

*Mấy dặm không mây mấy dặm trời.*

Con người đau khổ là tại vô minh che lấp tự tánh trong sáng an lành vốn có của con người. Người tu là người tỉnh thức có khả năng nhận biết vô minh, hóa giải vô minh, đoạn dứt vô minh thì Niết bàn tự tánh vốn có hiện ra. Tịnh độ Cực lạc vốn có hiện ra.

*Trăng chẳng lúc nào không có,*

*Trời không vắng bóng bao giờ.*

Trúc Lâm Sơ tổ Việt Nam đã xác định:

家 中 有 寶 休 尋 覓 “Gia trung hữu bảo  
hưu tầm mịch”. *Trong nhà có của báu rồi, khởi nhọc sức  
tìm kiếm ở đâu.*

Cái Lòng quê tự tánh thanh tịnh Niết bàn ấy lại không dành ưu đãi cho riêng ai. Có bao nhiêu người cùng hóng gió, cùng ngắm trăng, cùng trà đạo, cùng quán chiếu tư duy thì “vô vi pháp”, “hữu vi pháp” vẫn y nhiên đó, chẳng thiếu chẳng thừa, chẳng thêm bớt gì.

**Kỳ 72****BÌNH MINH  
TRÊN ĐẤT CAO NGUYÊN**

*Bình minh lộ hiện xứ cao nguyên,  
Mờ nhạt sương sa khắp núi rừng.  
Mở mắt trời xanh ban nắng sáng,  
Trái lòng đất đỏ nhận tia hồng.  
Thong dong Sơn nữ gùi hoa trái,  
Đĩnh đạc Nhàn tăng nhập tĩnh thiền.  
Cảnh tịch tâm không lành lạnh mát,  
Chạnh lòng lưu luyến, luyến thiên nhiên.*

10 giờ, ngày 07 tháng 12 năm Đinh Hợi

14 – 01 – 2008

*Bài thơ này thầy chưa viết trực chỉ*



**Kỳ 73**

**Câu đối I: LIỄU LIỄU ĐƯỜNG**

了達人空喜樂世情常受用  
了知無法泥洹當處莫推求

**Phiên âm:**

Liễu đạt nhơn không hỷ lạc thế tình thường thọ dụng

Liễu tri vô pháp nê hoàn đương xứ mặc suy cầu.

**Dịch nghĩa:**

*Người hành đạo trước tiên rõ biết:*

*Quán “nhơn không” đích thật tu hành*

*Ai người hiểu kỹ “vô nhơn”*

*Là người thọ hưởng an nhiên cõi đời.*

*Thêm bước nữa quán sâu “vô pháp”*

*Nhận rõ rằng vạn hữu là “vô”*

*Tâm không cảnh lặng như tờ*

*Niết Bàn là đó, khởi chờ không mong.*

**TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Con người có khổ do chấp thủ. Chấp thủ nặng nhất của con người là chấp ngã. Đức Phật Thích Ca khi sanh ra, vừa lọt lòng mẹ đã biết điều đó. Kinh sách Phật học chép rằng: Hải nhi Hoàng tử bước bảy bước, mỗi bước có hoa sen, Hoàng tử hải nhi tay chỉ lên, tay chỉ xuống tuyên bố: “Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn” nghĩa là: Hướng lên gọi là trời, dưới trời gọi là người đang sống trên mặt địa cầu đều quý bản ngã, chấp ngã một cách nặng sâu tột cùng các chấp. Ai là đệ tử Phật, có học tu, có tham thiền quán chiếu đều thấy rõ sự thật đó. Con người duy ngã tôn trọng cái “**ta**” dữ lắm! Không có cái duy nào bằng duy ngã. Tôi, ta, trẫm... là đại danh từ biểu hiện cụ thể tánh và chất duy ngã của nhân loại.

Hoàng tử Tất Đạt Đa lớn lên xuất gia tầm đạo, tu hành và kết quả thành bậc Chánh Giác Vô Thượng, Người ứng dụng trí tuệ giác ngộ và giải thoát, thực hiện chương trình **Giác tha** và **Giác hạnh** mà chính mình đã phát họa ngay lúc sơ sinh.

“Duy ngã độc tôn” là bản chất thân ngũ ấm của con người thiên thượng thiên hạ, mà hải nhi Tất Đạt Đa đã chỉ và tuyên bố.

Vũ trụ bao la hải nhi hoàng tử cho biết rằng: Ngay dưới bảy bước đi của ta qua bảy bông sen tượng

trưng bảy thứ đại: *Địa đại, Thủy đại, Hỏa đại, Phong đại, Không đại, Kiến đại và Thức đại*. Bảy đại đó tác động tương quan duyên khởi hình thành hiện tượng sự vật, đạo Phật gọi là vạn pháp. Vạn pháp là sản phẩm duyên sanh từ con số 7 ấy. Từ ngũ ấm thân, con người khởi ý niệm chấp thủ gọi là ngã chấp. Từ thất đại duyên sanh, hợp thành đối tượng chấp thủ gọi là pháp chấp. Ngã chấp tức là chấp thủ bản ngã, chấp **ta đây**. Pháp chấp, tức là chấp thủ giang san, điền địa, gia sản, chức vị **của ta đây**. Kinh điển Phật gọi hai thứ chấp đó là **chấp ngã** và **chấp pháp**. Chấp ngã và chấp pháp là nền móng căn nguyên sanh ra các khổ:

- Khổ khổ
- Hành khổ
- Hoại khổ
  - Sanh khổ
  - Lão khổ
  - Bệnh khổ
  - Tử khổ
- Ái biệt ly khổ
- Oán tắng hội khổ
- Cầu bất đắc khổ
- Ngũ ấm xí thành khổ.

Thế cho nên, sau khi được thọ dụng quả Bồ đề và Niết bàn Vô thượng, mở màn chương trình thuyết giáo

độ sanh đức Phật triển khai chân lý Tứ Diệu Đế, mà **khổ đế** được Thế Tôn dạy rõ trước tiên vì đó là những thứ bức bách, đọa đày, hành hạ đau đớn khủng khiếp nhất cho kiếp sống của mọi con người. Truy nguyên nguồn gốc khổ, rõ ra nó là *ý niệm chấp ngã và chấp pháp* của con người ngũ ấm ấy chớ chẳng từ đâu đem đến!

Liễu Liễu Đường là tên gọi giống như tên một cơ quan, một công ty, một am, thất, chùa chiền. Bảng tên có ba chữ mà hai chữ trùng nhau. Đó là dụng ý chỉ rõ và nhắc nhở ai ở nơi đây tu học thường tỉnh thức rằng: Hãy hiểu rõ và nhận thức kỹ về **nhơn không**, tám thân ngũ ấm vô ngã chẳng có gì là chắc thật, nó mục bở, vô thường. Hãy tỉnh thức và luôn luôn quán chiếu hiện tượng vạn hữu chỉ là pháp “**vô**” không có gì, là thứ duyên sanh như mộng huyễn. Tư duy quán chiếu như vậy thường xuyên liên tục, đạo Phật gọi đó là **Thiền**. Làm được vậy, tự mình là Thiền giả, Thiền sinh, Thiền sư. Ai tu tập thiền như thế, người đó đương nhiên tự thọ dụng được “sự mừng vui hạnh phúc trên cõi đời” người đó cũng thọ dụng “sự an lạc giải thoát Niết bàn bất cứ chỗ nào” mà không cần tìm kiếm, mong cầu!

“Viết gì cũng không trúng hết, là trúng”.

## *Câu đối II: LIỄU LIỄU ĐƯỜNG*

了徹三無忽聽鳥語蟬鳴皆道理  
了明七大直觀霜投葉落是楞嚴

### **Phiên âm:**

Liễu triệt tam vô hốt thính điểu ngữ thiên minh  
giai đạo lý.

Liễu tri thất đại trực quan sương đầu diệp lạc thị  
Lăng Nghiêm.

### **Dịch nghĩa :**

*Quán vô tướng, quán không, vô nguyện,  
Đạt “Tam vô” Phật hiện trần gian.  
Ve kêu chim hót điệu đàn,  
Hòa âm thiên nhạc cúng dàng Pháp thân.  
Rõ thất đại sắc không, không sắc,  
Vọng duyên không thực tánh cũng không.  
Sương rơi lá rụng hoa tàn,  
Là duyên, đối tượng gọi lòng Thiên na.*

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

**Tam vô** và **Thất đại** là cơ sở giáo lý kiên cố hàng đầu. Tất cả giáo lý bao gồm hết tam tạng, dù nguy nga tráng lệ đến bậc nào cũng đều được xem là thượng tầng kiến trúc phải xây dựng trên nền móng Tam vô Thất đại ấy.

TAM VÔ là:

- ❖ Vô tác
- ❖ Vô tướng
- ❖ Vô nguyện.

Toàn bộ kinh điển giáo lý đạo Phật dạy rằng: Sự vật, hiện tượng đạo Phật gọi chung là **Vạn pháp**, ngàn sai muôn khác, thiên hình vạn trạng được hình thành từ nhân duyên sanh. Nhân duyên và nhân duyên trùng trùng vô tận tương sinh, tương quan, tương tác, tương thành. Giáo lý đạo Phật khác với nhận thức thông thường của một số người, cũng có khác với một số triết lý cổ, một số tín ngưỡng tôn giáo. Với nhãn quang và nhận thức của Phật giáo, vũ trụ nhân sinh không có tác giả, không có ai làm ra, không ai sáng tạo, không ai chú nguyện, không hà hơi tiếp sức để sanh ra, mà là nhân duyên sanh. Hiểu và lập luận như thế, cho nên đạo Phật chỉ ra rằng: Hiện tượng vạn pháp không có tác giả. Giáo lý nhân duyên sanh đơn cử như: Đất nhân, nước duyên.

Đất nước nhân, thảo mộc duyên. Đất nước thảo mộc nhân, ngũ cốc ngũ quả duyên. Đất nước thảo mộc ngũ cốc ngũ quả nhân, động vật duyên .v.v.... Do cái này có nên cái kia có. Do cái này cái kia có, cái nọ có ra. Chẳng có ông gì, bà gì, con nào, thằng nào tác giả vũ trụ nhưn sanh cả. Tự do tín ngưỡng theo đạo Phật, lập trường, tôn chỉ, chủ trương của đạo Phật là **vô tác**.

Vì là vô tác, vì do nhân duyên sanh nên pháp hay sự vật không tự thể chân thật. Vì không tự thể chân thật cho nên tướng hiện có của hiện tượng sự vật không thật, tướng ấy chỉ là giả tướng, tướng huyền mộng, tướng bào ảnh lô nhô, thấp thoáng mà thôi.

Đệ tử Phật chân chính, có học đạo, hành đạo, chứng đắc chân lý đạo, người đó tuyệt đối không nguyện cầu, mong ước bất cứ một đối tượng nào, kể cả Cực lạc, Niết bàn, hay gặp gỡ chư Phật ở mười phương.

**Thất đại là:**

Địa đại

Thủy đại

Hỏa đại

Phong đại

Không đại

Kiến đại

Thức đại.

Bản thể chân như, kinh sách Phật thường đề cập, tự nó không là gì hết, nhưng trong thể chân như ấy có các thứ: Tánh, chất, tướng, mạo, nhân, duyên, hòa, hợp, phi hòa hợp... biểu hiện cụ thể thông qua thất đại ấy. Rồi từ tánh chất thất đại lại duyên sanh: Sơn hà, đại địa, nhật nguyệt, thảo mộc, tông lâm, thực vật, động vật, khoáng vật và phi vật thể...

Nhận thức như thế, ta thấy thất đại là cơ sở. Từ đó, có sự tương sanh, tương khắc, tương quan, tương tác hình thành chân lý duyên sanh. Vì thế, chân lý duyên sanh chỉ là chân lý thượng tầng kiến trúc của hạ tầng cơ sở tam vô!

Tình cờ được dịp xem hai bộ phim “Mê không ký sự” và “Huyền bí sông Hằng” của hãng phim truyền hình Việt Nam xuất bản. Tôi rất cảm ơn những nhà làm phim, họ đã đầu tư thời gian, công sức tốn kém rất nhiều mới có được những tài liệu quý giá ấy và rất xứng đáng. Họ đã cống hiến cho đồng bào Việt Nam ta một tài liệu kiến thức quý giá cho những ai không có đủ cơ hội, chẳng đủ duyên may du lịch tham quan với một hành trình dài: Việt Nam, Campuchia, Lào, Trung Quốc, Thái Lan, Miến Điện, Ấn Độ trải qua bảy đất nước ấy, trong đó có tôi. Nội dung hai bộ phim giới thiệu với công chúng nhiều di sản, di tích kỳ bí của một số đất nước vĩ đại bao la của châu Á. Được xem, chắc ai cũng phải khen và cho là thú vị. Tuy nhiên, nhìn bên góc cạnh tín ngưỡng tôn



giáo không có gì mới và đáng lạ quan. Riêng nhìn Phật giáo qua các lần phỏng vấn của nhà làm phim với các chùa chiền, động tháp... không có gì khác hơn là trình diễn chuông mõ, âm thanh cóc boong, hê ha hơi giọng. Khác hơn thành phần tụng tán mõ chuông thì khổ hạnh. Khác thành phần khổ hạnh lại chuông lễ lạy cầu xin ở thần thánh với tấm chân tình tín ngưỡng đa thần. Nhìn lối tu luyện, thờ phượng, tin tưởng ấy ta có thể đoán biết nước Ấn độ hiện nay vẫn thịnh hành Thần học. Với nguồn giáo lý **tam vô, thất đại**, nhìn xem ta đoán biết và thấy lối tu hành ấy không có một tí ti gì dính dáng.

Theo kinh điển giáo lý đạo Phật: Ai hiểu tận tường về **vô tác, vô tướng, vô nguyện** họ có thể nghe chánh pháp của Phật qua tiếng ve ngâm, chim hót, gió thổi, thông reo. Người hiểu sâu về thất đại, nhìn lá rụng, sương rơi, hoa tàn, nguyệt khuyết đều có thể thay thế cho công án, thoại đầu cũ kỹ tự ngàn xưa, vì nhìn đâu cũng là đề tài, là duyên đối tượng tham thiền./.

**Kỳ 75****THIÊN TRÀ**

*(Uống trà khéo vận dụng tư duy)*

Uống nước sôi đã lòng khi giải khát,  
 Nhấp trà ngon quán niệm chuyện nhân tình  
 Đã là đời có trọng cũng có khinh,  
 Cảnh giác mạnh: Kẻ “tâm xà khẩu Phật”.  
 Ít ai biết mắt trời như điện chớp,  
 Soi lòng người, rọi khắp hết trần gian.  
 Ở năm rồi tước đoạt của nhà Đông,  
 Năm này đến dựng xây cho nhóm Bắc.  
 Vật phi nghĩa chẳng cứ đâu làm chắc,  
 Sự nghiệp này, như băng nổi biển nước sôi.  
 Như cát trôi theo dòng thác của núi đồi,  
 Ai ngăn được vô thường đổi thay, xoay chuyển?  
 Lập sanh kế với âm mưu quỷ quyệt!  
 Sự nghiệp cơ đồ: Bông bí cánh phù dung!

## TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Chữ Thiên trong đạo Phật cần hiểu qua hai danh từ: *Thiên na* hay *thiên định*, có nghĩa là tu bằng cách “tư duy và quán chiếu trong hoàn cảnh, môi trường tịch tĩnh”. Thiên có thế gian thiên: Đối tượng thiên này là chưa vượt ra tam giới. Xuất thế gian thiên: Đối tượng của thiên này là vô đắc bất tư nghì; thị xuất thế gian trí; xả nhị thô trọng cố; tiện chứng đắc chuyển y.

Thiên trà là uống trà mà có chánh niệm, có tư duy. Uống trà biết mình uống trà. Uống trà đang suy nghĩ gì, biết mình uống trà đang suy nghĩ gì! Tư duy đối tượng thiên nào biết mình đang tư duy đối tượng thiên nào: Phạm phu tam giới thiên, Thánh nhơn xuất thế gian thiên. Tự huấn luyện, tập cho mình thành thói quen như vậy, thì chính mình là thiên giả, thiên sinh, thiên sư rồi. Rồi tự mình có thiên hành, thiên tọa, thiên trụ kể cả thiên ngoại, không có gì trở ngại trong việc tu thiên hết.

Nội dung **Thiên trà thi**, đọc lên thiên giả biết ngay đây là “phạm phu thiên”. Đối tượng thiên này không có chất liệu vượt ra ba cõi. Cái đích tư duy tột đỉnh của Thiên này là soi rọi thấy được cái lý lẽ, cái thiện ác trong cuộc sống giữa con người với con người; và thấy được một bộ phận, một góc cạnh chân lý vô

thường. Thế tục mà thiền được như vậy, kể ra cũng không dễ có.

Thiền Trà Thi, Như Huyền Thiền sư trước sau như một, nó vẫn là chơi, đừng đòi hỏi, chớ yêu cầu ở đó cái gì hay ho, cao xa trọng đại. Nhưng nếu khéo tư duy, ứng dụng bài thi này nó có thể giúp ích cho ai đó lắm lắm. Ví dụ: “Cảnh giác mạnh kẻ tâm xà khẩu Phật”. Hãy cẩn thận! Điều đó nhan nhản trên kiếp sống trần ai đấy. Rồi khắt khe, rồi gian ác, rồi lừa đảo, rồi chiếm đoạt đầu này đem xây dựng chỗ kia, rồi tranh danh, rồi cướp lợi, rồi triệt hạ, rồi suy cử, rồi suy tôn, rồi và rồi v.v... Kết cuộc kinh Phật chỉ ra rằng: *Tài thuộc ngũ gia phi ngã hữu; thân quy tứ đại bản lai không*. Có nghĩa rằng: Tiền tài, danh vọng, sự nghiệp khó tin tưởng nó chắc thật của mình, mà nó thuộc của “Ngũ gia”:

- 1) Chính phủ tịch thu xung công.
- 2) Thiên tai lũ lụt tàn phá.
- 3) Hỏa hoạn thiêu rụi.
- 4) Giặc cướp chiếm đoạt.
- 5) Con hư phá tán hết.

Uống trà có tư duy, có nhận thức, có đánh giá cuộc đời, cái nào tốt, cái gì xấu, người nào nên theo những ai nên tránh, thiện ác là gì? Kết cuộc của kiếp phù sinh...!?

*Khát ẩm thanh tuyên muện ẩm trà*

*Kham thán nhân tâm độc tợ xà.*

Hãy uống trà bằng chánh tư duy thì ta là thiền giả,  
ta là thiền sinh, ta là thiền sư rồi vì ta được uống trà mà.

**Kỳ 76****TRÀ ĐẠO**

*(Đạo lý của người đệ tử Phật uống trà)*

*Đây chén cam lồ nghi ngút hương*

*Hương trà, hương đạo quyện hương thiền*

*Tinh hoa... hương sắc... vào trong một*

*Vị bát trà thơm- vị các phương.*

\*

\* \*

**TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Nhân loại có bao nhiêu chủng tộc hiện sống trên mặt địa cầu, có lẽ chưa có nhà nhân chủng học nào tự mãn cho rằng mình biết đúng. Có một điều mà nhân loại biết chắc hẳn là đúng, đó là cái đạo lý của mỗi chủng tộc. Dân tộc nào, chủng tộc nào cũng có cái truyền

thống, cái đạo lý, cái phong tục tập quán riêng của con dân nước ấy. Trà thì hầu hết nhân loại đều biết, đều uống chẳng mấy gì khác nhau. Nhưng trà đạo, cái đạo lý uống trà của người đệ tử Phật, nhất là đệ tử Phật có học Phật, biết tu, tâm tưởng họ cách biệt nhau như trời xanh, vực thẳm.

Trà là tên một thực vật, một thứ cây lá, người ta hái đọt non rồi chế biến gia vị, ướp hương và phải trải qua nhiều công đoạn người ta mới có được một thương hiệu trà nổi tiếng. Ở Việt Nam hiện có các hiệu trà Olong: Olong Tâm Châu, Olong Cầu Đất, Olong Cầu Tre, Olong Trâm Anh... Nói chung rất nhiều trà Olong, người ta khai thác danh hiệu “Olong” trên thương trường trà, thời điểm hiện nay mạnh và rộng. Nhưng theo tôi mà nói, các hiệu trà có chữ “Olong tea” nói trên đều ngon hết. Tuy nhiên hương vị không thể trăm phần trăm bằng nhau và giống nhau. Thế nên, nếu cần nhận xét hương vị, đánh giá tinh vi, bản đạo xin kính nhường các bạn. Ở Đài loan có Vương trà (King tea), Hoàng trà (Queen tea), hai hiệu trà này có mùi hương rất khó kiếm người chê. Nhưng nói về vị thì các thứ trà Olong Việt nam ta, nó đậm đà dành cho bạn nào cần cảm giác mạnh. Trà Việt Nam còn gọi nó cái tên khác nữa là chè. Vì sao gọi như vậy? Đố ai biết được. Chỉ biết, hễ ai ghiền uống trà lại thêm mang chứng nghiện rượu bỏ bê công ăn việc làm, xiêu đình ngã quán, làm bại hoại gia phong thì người ta gọi nó là “thăng rượu chè be bét”.

Thanh niên mà bị dán cái nhãn ấy thì khó có vợ lắm con ơi!

Thế thì trà cũng có cái hay như **Trà đạo**, trà cũng có thể có nguy cơ khi đổi nó qua cái tên “chè”!

Từ xưa từ xưa, người Trung quốc đã từng khai thác cả hương cả vị và cả nguồn kinh tế ở cây trà. Cho nên, người ta đã chọn tên đặt hiệu cho trà bằng những cái tên gợi cảm nhưng nhẹ nhàng và thanh lịch như Olong, Võ Tước, Liên Tâm, Cao Sơn v.v...

Hồi 12, 13 tuổi, tôi đã phải nấu nước sôi bằng củi, pha trà, châm trà và dâng cúng trà bàn Phật, bàn ông bà tổ tiên, cả bàn “ông thiên” nữa. 4 giờ 30 sáng, cái giờ ông thân sinh tôi tụng kinh “Công phu” khuya thì phần tôi phải làm nhiệm vụ ấy. Bàn Phật cúng ba chung, bàn ông bà một chung, bàn “ông thiên” một chung. Khi rót trà cúng phải đọc bài kệ hiến trà, các thầy ở chùa thường gọi là bài “chú cúng nước”, chú rằng:

*Khổng tán võ tước thực châu trà,*

*Thanh thủy hương tuyên hổ phách ba.*

*Phấn khí ngọc bôi phân phúc úc,*

*Cúng dường chư Phật hỷ thiện đa.*

*Nam mô Cam lồ vương Bồ tát (3 lần)*

Uống trà mà biết trà ngon, là phải nhờ có môi trường, hoàn cảnh tốt. Tốt cho thân, tốt cho tâm là điều



quan yếu tối cần. Cũng như mùa xuân, vui cho những tâm hồn hoàn cảnh vốn có vui, chớ đau khổ tương tư thì trời xuân chỉ còn là một trời ảm đạm. Thân kang kiện bình an, tâm thanh thoát nhẹ nhàng, bát trà thành chén cam lồ, nhấp vào một ngậm tinh thần sáng khoái, chánh niệm phấn chấn nẩy sanh, hương trà giờ đây quyện thêm mùi hương đạo, đỉnh cao của hương đạo là hương thiền, là chánh niệm, chánh định, chánh tư duy.

Do vậy, người ta có thể nhận thức rõ, biết rất rõ về Pháp giới tánh, về Nhất chân pháp giới, về Pháp giới bất nhị, về Bất nhị pháp môn và về giáo lý: Nhất tức nhất thiết, Nhất thiết tức nhất, (trong một có tất cả, tất cả có trong một), trong một vi trần có tánh chất của địa cầu và trong địa cầu đích thị là vi trần. Thế cho nên, vị của một bát trà là hương vị của mười phương trong ấy. Quán chiếu như vậy, tư duy như vậy, thiền định như vậy rồi, thiền giả ở một chỗ, bất cứ chỗ nào, tự có Cực lạc Tây phương, tự có Niết bàn đương xứ, và đã tham quan du lịch khắp pháp giới chư Phật mười phương và đương nhiên đã biết rõ những gì của Âu, Á, Úc, Mỹ, Phi châu rồi!

Trà đạo, cái đạo lý uống trà của người đệ tử Phật là vậy.

“Viết cái gì cũng không trúng, là trúng”.

**Kỳ 77****LỄ BÁI**

*Lễ bái ông gì? Lễ bái ai?*

*Bao năm lễ bái bấy năm cầu.*

*Khẩn nguyện không được, hên xui mãi,*

*Bá ngọc quân nào nhận lễ tao!*

\*

\* \*

**TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Tu sĩ Phật giáo và Phật tử cư sĩ, hàng trí giả đều biết: Từ khi còn là Thái tử rồi vượt thành xuất gia, rồi chiếc áo hoàng vương đổi lấy áo Ca sa của tên thợ săn đội lột tu sĩ, sáu năm khổ hạnh và năm năm tầm đạo tham vấn đó đây, cho đến cái đêm “nhất đở minh tinh đạo thành” tức là lúc sao mai vừa mọc, rạng sáng ngày rằm tháng Chạp, Thái tử chứng đạo, đắc lục thông dưới cội cây Tất bát la (Bồ đề). Từ đó, trí tuệ của người đạt

đến đỉnh cao, người đời gọi là quả “Vô thượng chánh đẳng chánh giác”. Suốt quá trình vừa tự tu vừa tự học, vị Thái tử ấy không có lễ bái ông gì, bà gì, con nào, thằng nào hết. Vậy mà, Thái tử Tất Đạt Đa đã thành Phật. Đã ở quả vị “Vô thượng Bồ đề”, “Vô thượng Niết bàn” là “Giáo chủ Ta bà” từ ấy tới nay...

Cầu nguyện khẩn vái do mê tín mà có ra. Chúng phát xuất từ những “tâm hồn” không thực tế, không nghị lực, không tự chủ, hướng ngoại trông chờ sùng bái đáng thiêng liêng ảo tưởng... Loại bỏ tâm u mê, vận dụng một chút trí giác, ai cũng nhận ra một cách rõ ràng: Cầu nguyện, cầu an, cầu siêu, cầu hòa bình, cầu mưa nắng, cầu ấm no, v.v... đều là ảo vọng huyền tưởng đó thôi, hoàn toàn không được tơ tóc kết quả nào. Đây là sự thật, mọi người ai cũng biết rõ và thí nghiệm để chứng minh.

Đấng thiêng liêng nào đó nếu có, Thần thánh nào đó nếu có, xin các ngài chớ có nhận quà cáp của những ai dâng cúng nhé! Các ngài dư biết từ xưa nay chẳng có “quân nào” phù hộ ai được cái gì. Giờ đây họ giác ngộ, họ nổi giận lên, rồi họ... bá ngo và bá ngo...

Đạo Phật thiết hoàn toàn không chấp nhận cầu nguyện, cầu an, cầu siêu... Nếu “cầu” được thì đức Phật đã chẳng tốn công sức thuyết pháp độ sanh suốt 50 năm cực nhọc. Chữ Tu trong đạo Phật có nghĩa là sửa, chớ chữ Tu hoàn toàn không có tương quan với nghĩa “lễ bái”.

Lễ bái có 3 cách:

Phát trí thanh tịnh lễ.

Chánh quán tâm thành lễ.

Thật tướng bình đẳng lễ.

**Kỳ 78**

## **QUẢ BÁO CỦA PHẬT?**

*Giác ngộ ai bì đức Thích Ca,*

*Đời tôn: Giáo chủ cõi Ta bà.*

*Kinh truyền độ thế ba trăm hội,*

*Mà phải ngời nghe tụng Pháp Hoa?*

\*

\* \*

## **TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Quả chánh đấng chánh giác, Bồ đề vô thượng vượt ra ngoài tất cả ngôn từ: Quả báo, nhân duyên, nghiệp lực, nhân quả, luân hồi, tội phước, thiện ác... Tất cả danh từ ấy chỉ phối tác động những gì bên mặt hữu lậu, hữu vi pháp mà thôi. Phật là Bồ đề vô thượng, không còn đối đãi trả vay.

“Quả báo của Phật” vì hạng người ngu phu vô trí, điếc và đui mà nói. Muốn hạng ngu phu vô trí điếc đui

nghe thấy, cần có một tiếng sấm long trời điếc ráy, một tia chớp rực lửa xé banh mắt thông manh của những hạng u mê kia, hy vọng phục hồi cái thấy đúng, nghe đúng và biết đúng của người con Phật chân chính, chứ Phật sao có quả báo được???

Phật là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Phật là Vô thượng Bồ đề. Phật là Ta bà Giáo chủ. Phật là Tam giới chi Đạo sư. Phật là Tứ sanh chi Từ Phụ.

Phật hy sinh cuộc đời xấp xỉ 50 năm rày đây mai đó thuyết pháp giáo hóa, hướng dẫn chúng sanh tu hành để vượt ra nhà lửa nguy cơ tam giới...

Phật là Vô thượng y vương. Kinh Phật ví như kho tàng y thư, y dược... Đức Phật đĩnh ninh dạy bảo: Các đệ tử của ta hãy tôn trọng VĂN, TỬ, TU lấy đó làm sự nghiệp của đời mình.

Bệnh nhân mời thầy thuốc ngồi nghe đọc sách thuốc của chính ông viết. Đọc hết quyển sách, bệnh nhân nói: Xin ông thầy thuốc, cho bệnh tôi lành?!

Người đói mời nhà đầu bếp giỏi đến đọc sách dạy nấu ăn của ông viết. Đọc xong, khẩn lạy van xin: Xin ông đầu bếp tài ba, cho tôi hết đói.

Đọc kinh Phật, bắt Phật ngồi nghe để cầu phước báo, cầu thành Phật. Rõ ràng là chuyện lạ mà có thật giữa chốn trần ai.

**Kỳ 79**

**LẠY VÍA DI LẶC**

*Di Lặc là ta mỗi chúng ta,  
U mê chưa “ngộ”, lạy mong chờ!  
Quên lời thọ ký Như Lai dạy:  
Hết thấy quần sinh Phật vị lai.*

\*  
\* \*

**TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Những ai thuộc hàng Đại đệ tử Phật đều biết ý Phật. Phật nói “ba đời” là nói với hàng đệ tử tân học Tỳ kheo. Với hàng Đại đệ tử Phật dạy: “Tam thế cầu tâm, tâm bất đắc” nghĩa là: Trong quá khứ cũng như hiện tại và tương lai, không tìm có tâm và cũng không có ba thứ thời gian ấy! Bồ tát Di Lặc từng luống cuống sợ hãi hoang mang trước vấn đề Như Lai thọ ký “một đời” sẽ được thành Phật của chính mình!

“Lạy vía” nghe qua là biết thành phần u mê rồi! Tam hồn thất phách (ba hồn bảy vía) không phải ngôn từ giáo điển của Phật. Lạy vía Di Lặc để cầu xin gia nhập Long Hoa tam hội để tu hành là ý niệm hắc ám tiếp theo. “Di Lặc là ta mỗi chúng ta”. Di Lặc sẽ thành Phật, ta cũng sẽ thành Phật. Ta quý trọng khả năng thành Phật của ta, ấy là ta kính quý Di Lặc. Chớ có u mê lễ lạy Di Lặc tượng cốt ở ngoài ta. Ta là sư huynh của tượng cốt Di Lặc, vậy mà u mê, ta đi lễ bái con người sư đệ ấy.

Khổ quá! Ta u mê cho nên ta quên lời dạy của Như Lai. Hắc ám quá! Ta không nhớ lời “thọ ký” của Như Lai: “Hết thấy chúng sanh là Phật sẽ thành” (Kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp hoa). Lột bỏ u mê hắc ám đi, thì Di Lặc với ta chỉ là “huynh đệ chi tình” lạy lạy nhau chi cho thốn cái gai cột sống.



**Kỳ 80**

**GIAO THỪA?**

*Giao lấy gì giao để kế thừa?  
 Thừa không kẻ nhận biết hay chừa?  
 Muôn đời hủ tục truyền nhau mãi,  
 Thương lắm! Thằng đui dắt lũ đui!*

\*  
 \* \*

**TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Dưới nhãn quang của người trí, họ nhìn bên mặt “chơn đế”, Giao thừa chẳng là gì cần đề cập. Tết cũng vậy, do đặt ra tết mà có giao thừa. Rồi người ta đặt ra lễ giao thừa trong dịp tết. Rồi từ giờ “tý” chẳng có gì “tý” ấy, kể đó “đầu năm”. Rồi từ đầu năm chẳng có năm gì ráo, gọi đây là “năm mới”. Nói “mới” mà không ai thấy biết được “mới là mới ở chỗ nào”!??

Giao ai giao? Giao cái gì? Lấy gì để đưa ra? Thừa, là thừa kế, tiếp nhận. Ai tiếp nhận? Ai kế thừa? Ai tiếp nhận kế thừa trong cái giờ phút gọi là “tý” mà không có “tý” ấy?

Không gian không thật có, thời gian không thật có. Người trí biết rõ điều đó. Do nghĩa đó, NĂM còn không có, “năm mới”, “năm cũ” kiếm đâu ra? Rất rõ ràng rằng:

*“Giao lấy gì giao...”*

*“Thừa không kẻ nhận...”*

Qua nhận thức tục đế, người ta ai cũng có quyền nói đến giao thừa, tổ chức đón giao thừa bằng nghi lễ long trọng nhất của một năm, vì năm cũ đã đi rồi, năm mới vừa đến, ai lơ là với năm mới “hãy coi chừng”, “Trước không thảo, sau bà lão không thềm” đấy nhé! Thế nên, một số quốc gia vùng Đông Nam á, hằng năm long trọng giờ “tý” chờ đón giao thừa.

Hàng Cao Tăng thạc đức trong đạo Phật, những bậc tôn đức ấy, tự thân họ, niệm lự tâm họ, không sử dụng đến cái từ “năm”, cho nên càng không nói đến tiếng “giao thừa” mà không có gì sai chân lý, vì họ là Trí giả tối thượng thừa mà!

Ngược lại, sống với qui ước tục đế, tết và đón giao thừa có thể là một mỹ tục, một phong tục, một tập

tục của từng chủng tộc chúng sinh trên thế giới, có sao đâu!

Cái lo của những thức giả ưu thời mẫn thế, là làm sao cho tốt và giao thừa không rơi vào “hủ tục”:

- Lễ bái, cúng kính linh đình... quá tốn kém... tạo cơ cho mê tín dị đoan, huyền hoặc hoang đường, đồng bóng, bói toán, vàng mã... phát triển.

- Hái lộc đầu năm: Chùa, đền, miếu, điện, sau đêm đón rước giao thừa, người trí rảo mắt nhìn quanh, can tràng quặn thắt, chua chát ngẩn ngơ...! Mấy mươi triệu bạc trang trí cây cảnh chiều qua, giờ đây chỉ còn cành trơ, nhánh gãy không còn một trái nhỏ, một lá hoa con.

- Thù tạc, vãng lai quá sức chịu đựng.

- Nhậ nhệ say sưa quá độ, hại bản thân, khuấy rối xóm làng.

- Bài bạc sát phạt lẫn nhau, tiêu tan sự nghiệp.

Nói là nói vậy thôi, sự thật nói gì cũng không trúng hết, là trúng.

\*

\* \*

## TẾ SAO

*Tinh tú trời xanh vốn vạn đời,  
Cớ gì tế cúng chín “ông sao”?  
Bao ông chánh lễ bao ông “ké”?  
Ráng cứu gia nhân! Ở các cha!*

\*

\* \*

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Ngôn ngữ Hán nôm Việt Nam gọi sao “trên nền trời” là tinh tú. Người bình dân Phật tử đa số chỉ biết tới đó. Những tu sĩ đam mê “thần học”, yêu thích thiên văn, họ còn học và biết: Tinh có thất tinh. Tú có nhị thập bát tú và còn thêm... cứu diệu nữa...

Những Trí giả, Thạc đức, Cao Tăng trong đạo Phật, không bày, không nói, không đồng tình nghi lễ “Tế sao” trong già lam, tự viện, phạm vi hóa đạo của mình. Tu theo đạo Phật chánh tông, người đệ tử Phật thiết

không cần “cúng khẩn”, không cần “lễ bái”, không cần “tế xin”,... với bất cứ một tha nhân nào khác ngoài ta. Thân của ta, Miệng của ta, Ý của ta nếu lỡ phạm điều sai quấy, chỉ có ta sửa đổi lại cho tốt, cho đúng, cho thánh thiện thì ta tự được an vui. Đạo Phật dạy vậy đó! Dễ ợt!

Sao là tinh tú. Chín ông sao: La hầu, Vân hớn, Thủy diệu, Thái âm, Thái bạch, Kế đô, Mộc đức, Thổ tú, Thái dương. Tinh tú đối với nhưn loại ngày nay, đến thời điểm năm 2008 DL hình như chưa nghe ai quả quyết “tinh tú” thuộc loại vật gì trong ba thứ vật. Nếu rủi ro “tinh tú” là khoáng vật thì việc “cúng” với “tế”, chư thiện hữu tri thức nghĩ gì???

Cúng tế, cầu nguyện, quy lạy, lễ bái không phải đạo Phật chánh thống.

Tinh tú vạn đời, nhiều đến nỗi không thể dùng ngôn từ, trí nhớ tính đếm được, vậy mà chỉ cúng chín ông, chín bà, chín thầy, chín con, chín cục, chín cây, chín cái... không ai định biết là gì? Thế có nghĩa là sao???

Đạo Phật không chấp nhận “Thần học”, “Hoang đường học”, “Duy tâm siêu hình học”. Ai bằng lòng học Phật, làm đệ tử Phật, có thể thân cận “Xã hội học”, “...Biện chứng học”, “Khoa học” v.v... sẽ tiếp thu kiến thức phối hợp hỗ tương cho thiền định quán chiếu, trên bước đường tu tập của mình.

**Kỳ 81****CHÙA CHÁY**

*Thế Tôn sao chẳng động tâm từ?  
 Lửa cháy chùa tan Phật hóa tro!  
 Sống chết mặc bây nhìn chẳng cứu,  
 Trong chùa không Phật thật hay sao?*

\*

\* \*

**TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Từ, Bi, Hỷ, Xả là tôn chỉ mục đích của đạo Phật, của Như Lai Thế tôn- Thích Ca Mâu Ni. Vậy mà, vì sự kiện chùa cháy có một số người, một thành phần đệ tử không học Phật, không nhớ những lời Phật dạy thốt lên lời trách cứ:

*“Như Lai sao chẳng động tâm từ?*

*“Lửa cháy chùa tan Phật hóa tro”.*

Ý tưởng và ngôn từ đó phát xuất ở tâm não con người đầy ắp vô minh.

Như Lai luôn an trú tâm từ, làm gì có động hay không động? Đâu phải đợi có “chùa cháy” Như Lai mới động?

“Chùa cháy” do lửa cháy chùa, có. Lửa cháy chùa tiêu, có. Nhưng “Phật hóa tro” thì không có. Dù không có mà cũng có thể có. Bởi lẽ, với một tu sĩ trí giả, thạc đức Cao Tăng biết và thấy rằng: Dù ngôi Chùa cháy ấy có chứa thờ 100 Phật vẽ, 100 Phật thêu, 100 Phật gỗ, 100 Phật xi măng, 100 Phật đồng, tổng cộng 500 Phật ấy cháy chảy, cháy bể, cháy rụi là sự thật có, nhưng không hề có “Phật hóa tro”. Bởi vì trong 500 tượng cốt ấy không phải Phật, không có Phật chất trong vật thể ấy. Do lẽ đó, người đệ tử Phật sáng suốt, chơn chính chẳng khởi tâm trách cứ: “Như Lai sao chẳng động tâm từ” trách cứ Như Lai như thế là **tội lỗi** đó nhé!

Phật đã dạy, đã thuyết giáo sát soát nửa thế kỷ rằng: “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ diệc như điện v.v...”. Do vậy mà: Động vật thì: Sanh, lão, bệnh, tử khổ. Thực vật thì: Sanh, trụ, dị, diệt khổ. Khoáng vật thì: Thành, trụ, hoại, không khổ. Nếu bắt Như Lai phải cứu cho được **chùa cháy** kia, té ra nửa thế kỷ thuyết pháp, những lời dạy đó, trật lất hết cả rồi sao???

*“Sống chết mặc bây nhìn chẳng cứu”*

Trách cứ Như Lai như thế **tội** lớn đó nhé! Tự mình nếu không gột rửa sạch ý niệm vị “ngã sở hữu” sai lầm đó, thì nên tuyên bố “ly khai” với đạo Phật để khỏi gây thêm tội lỗi cho thân khẩu ý vốn có Phật tánh của mình.

*“Trong chùa không Phật thật hay sao”?*

Thật đấy! Chùa làm gì có Phật. Nếu chùa chày có Phật trong đó, xin Tăng Ni và Phật tử chuẩn bị mua bình bạc, bình vàng để hốt “xá lợi” về thờ lấy phước, rồi cầu nguyện thành Phật, khỏi mất công tu hành lạy lục van xin cứu khổ, khỏi đặt thờ khóa tham thiền, quán chiếu, tư duy, cũng khỏi cần đề cập vấn đề điều chỉnh, sửa sai tội lỗi của **Thân, Khẩu, Ý!**



**Kỳ 82 và 83**

**NHÂN QUẢ**

*Rất hạt xoài thơm có quả ngon  
Trồng cây mít nghệ được cơm vàng  
Vàng thơm chua ngọt do ươm giống  
Ảnh hưởng đời con: Liệt tổ tông.*

\*

\* \*

**TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Cho đến thế kỷ XXI này, cơ quan thống kê nhân số thế giới cho biết, nhân loại trên địa cầu đã được trên tám tỷ người. Đức tin của số người hiện diện ấy, dầu có ông trời thật bằng xương bằng thịt, tuyệt kỹ ngành điện toán, siêu xuất lập trình viên cũng không thể nào dự liệu biết được lòng dạ mỗi người họ đang nghĩ ngợi những gì.

Tuy nhiên, con người ưu điểm mà cũng có nhược điểm. Người ta có thể biết được lòng dạ của tha nhân bằng cách tìm biết lý tưởng, qua tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo mà người đó đang quy kính tôn thờ.

Thi đề **Nhân quả** mới nghe qua, người ta tưởng thi đề đó phát xuất từ giáo lý đạo Phật. Sự thật không phải, nhân quả chỉ là một hệ trong đa hệ, một nguồn trong nhiều nguồn giáo lý của đạo Phật mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni đề cập để chỉ dạy cho con người. Giáo lý nhân quả thuộc về tài sản, chân lý chung của cả nhân loại, nó không phải giáo lý riêng của đạo Phật. Bởi vì, sự cấu tạo, sự hình thành của động vật thể, thực vật thể, khoáng vật thể cả phi vật thể cũng không lọt ngoài chân lý nhân quả mà có ra được. Đệ tử Phật cũng như tất cả mọi người không phải đệ tử Phật, thử dành một ít thời gian tư duy đều thấy rõ và nhận ra chân lý đó.

Chưa ra khỏi **tam giới** phải chịu sự chi phối hoàn toàn theo luật nhân quả. Tuy nhiên, hữu vi pháp thì nhân quả không có “định luật” cố định. Thế cho nên nhân quả có thể “cải tạo” “chuyển hóa” bằng cách: Thay **nhân** đổi **quả**, chuyển nhân biến quả.

Thi đề **Nhân quả**, nội dung bốn câu thơ rất mộc mạc, chẳng thi chẳng thơ gì ráo, nhưng về giáo lý nhân quả, nói để nhắc nhở nhau thì nó bình dân đến nỗi không còn ai nghe mà không hiểu. Người nông phu trồng cây gieo giống thế nào sẽ gặt hái hoa trái như thế ấy. Trong

gia đình, ông bà cha mẹ ăn ở đạo đức thảo ngay thì con cháu theo gương đạo đức thánh thiện của cha mẹ của ông bà. Sách có câu rằng:

“Hiếu thuận hoàn sanh hiếu thuận tử,  
 Ngõ nghịch hoàn sanh ngõ nghịch nhi.  
 Bất tín đản khán thiêm đầu thủy,  
 Điểm điểm đích đích bất sai di”.

*Dịch:* *Hiếu thuận sanh con, con hiếu thảo,  
 Ngang tàng cháu chất cứng đầu theo.  
 Nhà ngang giọt nước bong xa mái,  
 Mái dốc êm dòng nước chảy xuôi.*

Đấy là cách diễn đạt chỉ bày nhân quả thế gian, nhân quả của phạm vi Nhơn Thiên thừa Phật giáo đó thôi. Muốn đến đỉnh tột cao, đệ tử Phật còn phải học tập quán chiếu, tư duy nhân quả của Thanh văn, Duyên giác, của tối thượng thừa Phật giáo nữa. Nhân quả của tam thừa sâu sắc ưu việt rồi siêu việt, đó là **Nhân** của Bồ đề và **Quả** là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chân lý nhân quả có sự nhiệm mầu như vậy, từ ưu việt đến siêu việt, từ siêu việt mà thành tựu **Phật quả**. Thế cho nên, người đệ tử Phật rất sợ nhân quả, nếu nhân quả đó thuộc trong xu thế, trong chiều hướng thất đức, bất nghĩa, bất nhơn, vô lương, vô đạo. Nhưng ngược lại, người Phật tử cũng rất quý trọng đạo lý nhân quả, tôn thờ

chân lý nhân quả, thường xuyên liên lục trong ký ức, trong sự tỉnh thức, trong sinh hoạt bình nhật, trong cuộc sống của đời mình, nếu đó là nhân quả bên con đường thánh thiện.

Nói là nói vậy thôi, chứ ngày nào còn sợ nhân quả, còn kính quý, tôn trọng, hâm mộ nhân quả thì những ngày ấy ta còn cực khổ, còn mắc công tu với tập đấy.

Hỡi ai là đệ tử Phật! Hãy học, học nữa và học mãi. Hãy tu, tu nữa, tu đi. Tu cho đến khi nào chân lý Nhân quả của thế gian vô tác dụng đối với ta, khi ấy ta thấy công trình tu tập của ta chỉ là một trò chơi, nó trở thành đạo lý: **Tu vô tu tu, hành vô hành hành, chứng vô chứng chứng** mà Như Lai đã dạy. Chừng đó, bạn đưa một tay chỉ lên, một tay chỉ xuống đồng dục tiếng hải triều rằng :

NHƯ LAI ĐÃ VỀ ĐẾN ĐÍCH!

\*

\* \*

**Kỳ 84****XIN ĐƯỢC CƯỜI**

Ta van Cao xanh!

Và ta van hết thấy mọi người.

*Cho ta được cười với tiếng cười ngạo nghễ,  
Ta muốn cười trước những gì ta thấy, biết...  
Trước Cao xanh, trước san hà vũ trụ bao la,  
Trước con người... đồng hội... thân thương.  
Ta yêu thích giọng cười ngạo nghễ ấy,  
Giọng cười đó, không dành riêng cho ai hết,  
Trớ trêu thay! Ai đó chẳng dám cười.  
Ta cười lên, cười một chuỗi... kha... kha...  
Cho những kẻ điếc cũng hết hồn ngoáy lại,  
Ta thấy rõ, cõi đời không thật vật.  
Không có người cũng chẳng có Phật trời chi!  
Cõi đại Thiên như bọt bóng nổi chìm,*

*Hiền với Thánh như những tia điện nhoáng.  
Tuồng huyễn hóa tro tro trước mắt,  
Kiếp phù sinh trông thấy mà khinh.  
Hay ho chi! Dấu kín một nụ cười,  
Cười cho thỏa, bằng giọng cười ngạo nghễ!*

Ta từng nghe:  
...“Sanh chí lão nhất vô sở đắc”...  
*Sự nghiệp đời chỉ là vật sắc trong không.  
Được... cười khi đã chẳng gọi là vui....  
Mữm mỉm nhạt! Có phải chẳng tơ lòng nhiều  
vương vấn?*

“Tri túc thường túc chung thân bất nhục.  
Tri chỉ thường chỉ chung thân bất sỉ.”  
*Ý người xưa đáng gẫm chứ? Ai ơi!  
Chết để da, hùm thiêng còn thế ấy,  
Một nụ cười phải dấu kín? Là sao?  
Hãy cười đi, cười như Tiểu ngạo giang hồ,  
Cười thỏa thích một chuỗi cười... ngạo nghễ:  
...Kha... kha... kha!*

## TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Cười là một đức tánh thiêng liêng bản hữu của nhân loại. Có nhiều giọng điệu, tùy cảnh, tùy lúc, tùy đối tượng ý nghĩa khác nhau mà giọng điệu và dáng vẻ cười đều khác: Cười vui, cười mỉm, cười nhạt, cười mơn, cười khi, cười ruồi, cười nịnh, cười khẩy, cười gương, cười gằn, cười ngất, cười khoái chí, cười ngạo nghễ, cười chiêu đãi, cười xã giao, cười hoan hỷ, cười mà không cười... Thử nhận xét một vài giọng cười quen thuộc:

1. Cười của Di Lạc Bồ tát có hai ý: Một là cười hoan hỷ, hai là có ẩn chút xót thương. Hoan hỷ vì được Thế tôn thọ ký mình sẽ thành Phật ở tương lai... Xót thương, vì thấy trình độ nhận thức về con đường Giác ngộ giải thoát của chúng sanh quá u mê, bởi vì Thế tôn Như Lai đã từng dạy rõ rằng: “Chúng sanh sẽ được thành Phật” không khác Di Lạc ta chút nào. Ấy thế mà hễ mồng một tết, tất cả huynh đệ, tử muội kêu mời ta ngồi trên để cho họ “lạy vía Di Lạc”. Họ khẩn nguyện chừng nào ta thành Phật cho họ theo với, để tu! Ta thương họ lắm, nhưng ta không thể giúp gì cho họ, vì họ không tu học, họ quên lời thọ ký của Như Lai Thế tôn ***“Tất cả chúng sanh sẽ được thành Phật”***

2. Cười của Ông “Địa”. Giới kinh doanh thương mại đa số chịu thờ ông “Địa”. Địa có hình tướng phì nộm, ngồi chễm chệ, miệng cười tươi như sẵn sàng chào

đón, niềm nở với mọi khách hàng. Nụ cười của Địa nhắc cho những người kinh doanh thương mại “Nghệ thuật bán hàng” phải cười và hãy cười đi thì làm ăn phát đạt đấy!

3. Truyện Tàu viết: Hồn Thế Ma Vương Trình Giảo Kim thấy Tiết Cương phục nghiệp nhà Đường lấy lại uy thế cho dòng họ Tiết, ông khoái chí cười mà chết.

4. Cười của Tiểu ngạo giang hồ, cười tự tin tài năng bản lĩnh của mình, cười không có gì phải sợ, không có việc gì phải lo. Thắng không kiêu, bại không nản... “đội trời đạp đất ở đời”...

5. Cười của Thi nhân cũng có hai ý: Một, cười những người cười mà không cười, vì người này quá nhiều ưu tư sầu muộn, vì ngũ dục bao vây, trước mắt họ chỉ thấy tiền tài, sắc dục, danh vọng, địa vị... cho nên không có được nụ cười thoải mái vui tươi, họa hoằn lắm họ chỉ nhoẻn miệng, nhích môi, cười mỉm, cười nhạt, cười gằn, cười gượng, cười khẩy, cười mát, cười mỉa, cười nửa miệng, cười buồn, cười ruồi... Hai, Thi nhân cười thoải mái, bởi Thi nhân thấy thật rõ: “Tùng sanh chí lão nhất vô sở đắc.” Và:

*“Thấy rất rõ không hề có thật vật,*

*“Không có người cũng chẳng Phật trời chi.*

*“Cõi đại thiên như bọt bóng nổi chìm...”*

*“Hiền với Thánh như những tia điện nhoáng...”*



Ôi! Rộng lớn quá! Bao la quá! Tự tại quá! Tự do quá! Cười đi! Cười thoải mái, cười mãi! Chẳng có gì đáng phải ưu tư...!

Có người góp ý rằng: Thi nhân cụ thể hóa âm thanh cười với giọng “kha kha”... có vẻ gì... sao sao ấy. Thi nhân tiếp thu và xin đề nghị: Ai thích giọng điệu nào thì cứ thay vào: Ha ha ha..., Hả hả hả..., Hi hi hi..., Hí hí hí..., Hì hì hì..., Khẹt khẹt khẹt..., xin tự tiện thay vào. Xin giới thiệu ba câu dưới đây của Như Huyền Thiên sư mới sáng tác để làm tiêu chí cho cuộc sống.

Viết cái gì cũng không trúng, là trúng!

Nói cái gì cũng không trúng, là trúng!

Nghĩ cái gì cũng không trúng, là trúng!

**Kỳ 85****VỖ VÊ**

(Lời Trâu và Nghé)

*Nghé ơi! Con chớ vội sầu,  
Mai này nghé sẽ thành trâu một phần.  
Nghé trâu, trâu nghé bình quyền,  
Phận danh đồng hội đồng thuyền có nhau.  
Thói đời nghé trước trâu sau,  
Mài sừng dưỡng móng đề cao giống nòi.  
Trâu rừng xâm phạm đất đai,  
Trâu đàn diễm võ, giương oai tưng bừng.  
Nghé ơi! Nghé chớ vội mừng,  
Làm sao giữ chất trâu rừng mới ngoan.  
Đừng cho bọn chủ hung tàn,  
Cưa sừng xỏ mũi bẽ bàng kiếp trâu.  
Thân trâu nắng dãi mưa dâu,*

*Uống ăn cỏ nội, nước đầm trời cho!  
Ghét thay bọn chủ tham ô,  
Lùa sau dắt trước lưng thồ ách mang.  
Còn đâu khí phách hiên ngang,  
Bằng đồng lợi suất vượt ngàn thuở nao.  
Thân trâu luôn cúi ra vào,  
Gia nô một kiếp biết ngày nào ra!  
Luống công tăng tổ mẹ cha,  
Sanh nuôi giáo dưỡng còn là ta chăng?*

\*

\* \*

## TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Nghé là trâu, trâu là nghé. Khi còn là nghé, nghé thích mình là trâu. Trâu đã hội nhập thực tế cuộc đời, nhận rõ thân trâu chẳng sướng gì! Trâu thấy và biết rõ sự ước mơ của nghé chỉ là ước mơ của tuổi trẻ chưa va chạm cọ xát với thực tế cuộc đời của kiếp trâu. Nghé đâu có biết, phải xỏ mũi mới thành trâu được đó chứ! Nghé đâu có biết nổi khổ thân, khổ tâm của kiếp trâu nghé. Vì là nghé, cho nên nghé còn có thời gian nhớn

nhờ nội cỏ nước bào, chớ trâu đầu được vậy. Đã là trâu thì luôn luôn trực thuộc sự quản lý, sự cần đến, sự cất đặt đất lừa, sai sử theo ý chủ. Đã là trâu phồn, trâu nuôi thì đã phải có chủ rồi. Nghé chưa hiểu được nỗi nhọc nhằn cơ cực của trâu. Có lúc kéo cộ tới đêm khuya mà chưa được nghỉ, có khi vừa rạng sáng đã gát ách đi cày. Mùa cấy sạ thì trực dẫn trực đập suốt buổi sáng, tận buổi chiều, nước đồng cỏ nội lếu láo qua loa. Có lúc lại phải chém nhau với đàn trâu rừng trâu lạ, bảo vệ đàn nghé trâu phồn...

Nghé ao ước mong được thành trâu, dù muốn dù không vẫn là điều hợp lý. “Việc gì đến sẽ đến” nhưng “vội mừng” là ngu lăm con ơi! Nghé phải thành trâu, sẽ thành trâu là điều tất yếu của nghé trâu, trâu nghé.

Đã là trâu mà được có phồn, có chuồng thậm chí có màn mừng chống muỗi, rõ là trâu nuôi, trâu có chủ rồi! Thảo nào dân gian nói:... “Cái gì nó cũng có cái giá của nó”. Trâu phồn trâu có chủ, dẫu cho cực nhọc cũng phải gắng chịu, đổi lại chủ phải tạo chuồng, trại, mừng màn, có lúc ung khói, đốt thêm lửa bảo vệ cho trâu. Cuộc sống của trâu như thế đáng bằng lòng lăm rồi!

Cuộc đời, *nói gì cũng không trúng hết, là trúng*. Câu nói có vẻ “ngông ngông” của Như Huyền Thiền sư sáng tác nghe kỳ kỳ mà ngộ ngộ sao ấy. Biết đâu cũng trúng trúng! Hãy thiền xem! Trâu rừng có tự do thật, có được cái thú băng rừng lội suối, cỏ hoang nước nguồn,

ngước lên thưởng thức trời xanh mây trắng nắng hồng  
ráng tía, cúi xuống ngắm nhìn giang san cẩm tú, chiêm  
ngưỡng rừng thẳm đồi cao, mênh mông bát ngát. Nay  
chân trời, mai góc biển, lỗ mũi tự trời cho, lưng trần cổ  
trống, sừng tự phát, móng thiên nhiên, không ai có  
quyền bắt buộc... Nhưng mà tiêu chuẩn có vẻ quý tộc,  
hưởng thụ cách kiêu trâu phồn thì... Ôi! Hoàn toàn trâu  
rừng chúng ta không bao giờ có. Thế cho nên:

*Chuông chùa thanh thoát buông một điệu,*

*Mỗi người mỗi vẻ mỗi hoài mong...!*

**Kỳ 86**

*Lễ An Vị Thánh Tượng.*

## HUYNH ĐỆ CHI TÌNH

*Anh đã sanh rồi em chưa sanh,*

*Em vì vị ngã nữ đành hanh.*

*Lễ thường em kính anh là phải,*

*Ai để quyền huynh lễ bái em!*

\*

\* \*

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Vũ trụ bao la, ta thấy trước mắt: Núi sông, đất liền, trời mây, trăng gió, vạn tượng sum la, qua tri thức của nhà khoa học phân loại chia ra thành bốn thứ vật: Một, động vật thể – Hai, thực vật thể – Ba, khoáng vật thể – Bốn, phi vật thể. Bốn thứ vật thể ấy, giáo lý đạo Phật gọi chung một danh từ “hữu vi pháp”. Hữu vi pháp

nghĩa là những vật thể ấy không có vật thể nào tự nó sanh ra nó được. Một vật thể có ra do “nhân, duyên” lớp lớp hàng hàng tương tác, tương quan, hòa hợp mà hình thành một chỉnh thể nào đó. Bất luận, pháp nào cũng đều không bền chắc, không bền chắc cho nên không thực có. Phật dạy hiện tượng vạn pháp huyễn có: Như mộng, như huyễn, như bào, như ảnh, như lộ, như điện, như dương diệm, như càn thất bà thành, như thủy trung nguyệt, như cảnh trung tượng. Do nghĩa đó, Như Huyền Thiền sư nói: “Nói cái gì cũng không trúng hết, là trúng”!

Nhìn Thánh tượng dịp lễ An vị, Thi nhân cảm tác thi đề “Huỳnh Đệ Chi Tình”, đây là một “thoại đầu” để người đệ tử Phật “tham” và “thiền” sẽ đem lại từng phần giác ngộ.

Ước gì Thi nhân cảm tác pho “Thánh tượng” ấy với tiêu đề: **Tứ Đại Đồng Đường** sẽ gợi cho Thiền giả một thoại đầu thâm thúy hơn. Bởi vì, bất kỳ ngẫu tượng ấy là ai, Tiên, Thánh, Ngọc hoàng, A la hán, thậm chí đấng Chí Tôn Vô thượng đều phải trải qua quá trình nhơn quả như sau:

- Ngẫu tượng có ra:

Do nghệ nhân điêu khắc làm ra

- Nghệ nhân điêu khắc làm ra:

Do Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni đặt tiền ra

- Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni đặt tiền ra:

Do thập phương Phật tử hùn hạp đưa tiền ra

- Thập phương Phật tử hùn hạp đưa tiền ra:

Vì muốn có Ngẫu tượng thờ lạy ra.

Người đệ tử Phật có tham thiền, ai cũng biết và thấy rõ trong một ngẫu tượng nào cũng có **Tứ Đại Đồng Đường** như vậy!

“Huynh đệ chi tình” rõ ràng là lý lịch trích ngang. Dù vậy, cũng là một thoại đầu có ý nghĩa.



**Kỳ 87**

## TÂY NGUYÊN HOÀI CẢM

*Vui thú lâm tuyền năm tháng qua,  
Thân tâm thanh thoát nhẹ thênh ra.  
Gột vơi tục tưởng, ly tam độc,  
Quét sạch trần lao, diệt tứ ma.  
Thế cuộc Xuân qua Thu tự đến,  
Nhơn tình hè nóng lạnh Đông về.  
Gìn lòng an trú: Không, Vô Nguyện  
Vạn vật tùy duyên mặc đổi thay.*

\*

\* \*

## TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Sơn thủy lâm tuyền cô liêu u tịch, được ẩn dật trong môi trường hoàn cảnh ấy, với người tu sĩ là một cái thú.

Sống vui với thú lâm tuyền, thân tâm của con người tự có sự thanh thoát an nhiên chưa cần đến sự tu hành hay dụng công đè nén, mà Tam độc Tứ ma tự vắng bóng.

Tam độc, Tứ ma là đối tượng gây nên đau khổ cho con người nói chung và cực kỳ nguy hiểm đối với hàng khất sĩ quyết đi đường Phật nói riêng.

**Tam độc:** Tham độc, Sân độc và Si độc. Phật dạy: Ròng độc, rắn độc không đáng sợ bằng Tham, Sân, Si. Tam độc tự biến tướng ra, rồi hội nhập vào với tài, sắc, danh, thực, thùy ngũ dục lạc. Với lục trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, chủ thể và đối tượng kết chặt nhau gây thành khổ hải vô biên cho kiếp sống của con người.

**Tứ ma:** Phiền não ma, Thiên ma, Ngũ ấm ma và Tử ma. Chúng là những tác dụng của vô minh, chúng có thể khuấy nhiễu, làm chướng ngại đường tu tập của hữu tình, gây vô vàn đau khổ cho cuộc sống. Giác thì chúng ẩn đi, mê thì bị chúng tác động hoành hành. Đối với kiếp con người, Tứ ma là mầm ung thư tiềm phục, nguyên nhân tác hại nội tâm vô cùng nguy hiểm.

Thế cho nên: “*Gột với tục tướng ly tam độc, quét sạch trần lao diệt tứ ma*” là mục tiêu mà mọi người đệ tử Phật luôn luôn xem đó là một đối tượng phải cảnh giác đề cao: Gột với và quét sạch.

Thiền giả an trú “không, vô tướng, vô nguyện” tam giải thoát môn, thiền giả sẽ có nghị lực, có tánh đức

an nhiên như như bất động, vì thiền giả đã củng cố cho mình một tiêu chí viển ly:

*Trần chẳng tương can, biển cạn non mòn tùy thay đổi.*

*Tâm không sở đắc, thông xanh mây trắng tự vui nhàn.*

**Kỳ 88 (Trích Ngón tay chỉ trăng 4 tham thiên 8)****CHƠI !**

“Pháp lữ hỏi : huynh rằng đứng nở ?

Xin đáp : Đồi tôi độc có chơi...”

*Chơi sao chân cứng đá mềm*

*Trời yên biển lặng mọi miền đầy hoa*

*Chơi cho Xuân đến Đông qua*

*Cho tâm rộng lặng cho hòa thái hư*

*Chơi như thuở bé năm nào*

*Nhìn trăng trắng sáng nhìn trời trời xanh*

*Chơi chờ Di Lặc hạ sanh ?*

*Ô kìa ! Di Lặc giáng sanh đã nhiều !*

07 giờ, ngày 21/03/08

**TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Đỉnh cao tột trên đường tu, Phật dạy : Người tu không thấy mình tu, hành không thấy mình hành, nói pháp không thấy có nói, chứng đạo không thấy có

chứng, đắc quả không thấy có đắc ... Do đó, tất cả những ý tứ ấy đều không được xem là quan trọng, mà chỉ xem như... CHƠI.

Chơi sao cho thân Khang kiện, chơi trong quốc thái dân an, chơi sao cho nhà nhà hạnh phúc, chốn chốn nở hoa, chơi để di dưỡng tâm hồn trong những tháng ngày thanh tịnh tợ thái hư, chơi với một tâm hồn trong sáng như “Anh Nhi Hạnh”. Nhìn trời... trăng... mây... nước..., trước mắt Anh Nhi Hạnh không một mảy may thêm bớt...

CHƠI !để chờ : “DI LẶC hạ sanh” như tất cả mọi người đang trông chờ, mong đợi ? Với tri thức Phật học của Như Huyền Thiên Sư thì “DI LẶC PHẬT” đã hạ sanh rồi !bởi vì, theo lời Phật Thích Ca thọ ký : “TẤT CẢ CHÚNG SANH SẼ THÀNH PHẬT”...

Do vậy, hơn tám tỷ nhân loại đều là Phật đương lai hạ sanh. Tất cả đều là DI LẶC ! đều có một học TỬ !...

\*

\* \*

**Kỳ 89****TỰ TRÀO**

*Tám mươi tuổi Tây Ta lộn lẹo,  
 Tuổi là gì léo nhéo lo toan.  
 Xuân qua Đông lụn năm tàn,  
 Thời gian ai giữ? Ai cầm? Ai ghi?  
 Năm với tháng: Lấy gì làm cứ?  
 Bóng ngày đêm có giữ được chăng?  
 Đêm ngày khôn giữ khó ngăn,  
 Thì năm với tuổi cầm bằng hư vô.*

\*  
\* \*

**TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Tuổi, do tính đếm thời gian, thời gian dựa trên giờ, ngày, tháng, năm mà kể tuổi. Thời gian thì không có

thật. Chỉ dựa trên vật chất hiện tượng mà có khái niệm thời gian.

Tác, do quan sát không gian; không gian dựa vào sự kết hợp vật chất nhiều ít, lớn nhỏ mà nhận xét tác. Không gian không có thật, cũng chỉ dựa trên vật chất, hiện tượng mà có nhận xét, có khái niệm không gian.

Không gian, thời gian không là gì cả. Dựa trên hiện tượng vật chất mà nhận thức khái niệm không gian, thời gian. Vật chất là một tổ hợp duyên sanh, không có tự ngã, không có bản chất tự sanh. Vật chất không có thật.

Do vậy, Thiên sư khi hỏi “tuổi”, nhìn “tác” với ai đó, chính là lúc Thiên sư “chẳng nói gì”!

Huyền Giác Thiên sư nói:

*“Khi im lặng mấy kẻ biết đó là đang nói.*

*“Lúc nói nhiều có ai hiểu chẳng nói gì!”*

Với Thiên sư, sống thì sống, hết sống thì không còn!

*“Diệt ý niệm “sanh, diệt”*

*“Được cái vui tịch diệt”.*

Nói tuổi, nói tác với Thiên sư là giây phút “**Tự Trào**”.

**Kỳ 90** (Trích Ngón tay chỉ trăng 1- tham thiền 1)**CAO NGUYÊN TỊCH CẢNH**

Triêu du sơn thủy mộ hoàn am.  
 Đạm bạc thô lương bất vọng phan.  
 “Phật sự” tiện nghi tri túc túc  
 Lâm tuyền tịch cảnh lạc nhàn nhàn  
 Thị phi bất thiệp nhơn tình sự  
 Quý tiện vô can tự ngã tâm  
 Cát đoạn trần duyên ly tứ tướng  
 Vô tâm đối cảnh thị chơn thiền  
 20/5/2009

**TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Dịch: Sớm chơi rừng suối, tối về am  
 Đồi bữa cơm rau khỏi ước mong  
 Biết đủ đơn sơ là đã đủ  
 Vui nhàn vô sự gọi đây nhàn  
 Nhân gian chớ vướng đa đoan sự  
 Đạo pháp đừng chen, bận rộn tâm  
 Cắt đứt duyên trần ly bốn tướng  
 Dừng dung tâm cảnh khỏi tu thiền



Đệ tử Phật, Khất sĩ thành phần trưởng tử, thường thường phải tự cảnh tỉnh mình: Từ sớm tới chiều, sống trong vui tươi, trong đạm bạc. Làm Phật sự cũng trong tâm hờn: Biết đủ là đủ, biết nhàn là nhàn. Hoàn cảnh tu hành, môi trường tu hành cố gắng tối đa tránh những gì “đa sự” hại thân, những gì “nhiều nhưong” hại tâm. Việc tương quan trần thế, như đám ...tiệc..vui... nhậ là nguyên nhân của nhiều thứ đau khổ hãy tránh xa buông bỏ!

Tu hành cần loại bỏ bốn thứ chấp, nguyên nhân chánh của sanh tử luân hồi: Chấp NGÃ, chấp NHƠN, chấp CHÚNG SANH, chấp THỌ MỆNH.

Người xem nhẹ ngoại cảnh, khinh thường vật chất họ có “thiền tự sanh, tự phát” khi chưa hề đặt ý nghĩ “tu thiền”!

\*

\* \*

**Kỳ 91****NĂM MỘ ĐÔI HOANG**

*Chiếc mộ ai nằm giữa nắng trưa?  
 Vi lô hiu hắt khóm lư thưa,  
 Ve sầu ngâm khúc buồn thiên cổ,  
 Bìm bịp thông tin nước lớn chưa?  
 An giấc ngàn thu yên đẹp quá!  
 Sống cày năm tháng mộng say sưa.  
 Mộ cao tháp rộng trò hư giả,  
 Tặng tục kinh nhau luận thấp cao.*

\*

\* \*

**TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

“Hội ý” là một trong sáu cách chế ra văn tự của người Trung quốc, họ vẽ chữ 葬 táng là chôn, gồm ba bộ: Bộ củng (卩) ở dưới, tử thi nằm lên là bộ (死), bộ thảo (艹) ở trên, ngụ ý dùng cỏ rác, lá lú, chà chôm đậy

phủ lên tử thi để tấu táng một xác chết, giấu kín một thi thể sắp tan rã, thúy hôi.

Phong tục nước Ấn Độ thời Phật tại thế, người chết có bốn cách giấu kín “làm mất” tử thi. Một, hỏa táng. Hai, thổ táng. Ba, thủy táng. Bốn, phong táng. Cách táng nào cũng là nhằm giấu kín tử thi, bảo vệ môi trường sống cho xã hội.

Phong tục Việt Nam ta, truyền thống của con Lạc cháu Hồng là thổ táng. Cận đại số tiến bộ, người ta dứt bỏ quan niệm sợ: “Hỏa táng nóng”. Hiện nay thế kỷ XXI, số người chuộng hỏa táng càng tăng, đó là một hiện tượng đáng mừng. Bởi vì hỏa táng vừa tiện lợi, vừa vệ sinh tuyệt đối, vừa cắt đứt hậu hoạn để khổ không đáng có cho con cháu đời sau.

Xét nội dung thi ca **Nấm Mộ Đồi Hoang**, người đọc có thể đánh giá không lầm rằng: Thi nhân là người có khuynh hướng xem thường tư tưởng “sống cái nhà, chết cái mồ”. Còn có vẻ mỉa mai thành phần đệ tử Phật, Tăng tục kinh nhau so sánh bàn luận: Tháp cao, tháp lớn, tháp đẹp, mồ to, kiểu lạ, vật liệu đắt tiền v.v... Nếu ai đó mệnh danh là đệ tử Phật, chỉ làm cho hôi hám đức thanh cao của người con Phật.

Theo đường lối tu học, qua nhận thức của Thi nhân, Tăng cũng như tục, đệ tử Phật khi nhìn “nấm mộ đồi hoang”, phải thấy cái đẹp của nó, cái đẹp đơn sơ mà hiên ngang thanh thoát. Một mình tự tại giữa đất trời,

một mình vui thú gió mát chim kêu trong khóm vi lô đong đưa theo chiều gió, một mình lặng ngắm trăng sao dưới một bầu trời xanh vô tận. Ngày đêm nghe nhạc trời rộn rã... Thế chẳng phải: “An giấc ngàn thu yên đẹp quá!” đó sao?

Chữ “Tháp” ở trong đạo Phật, người có thật học, hiểu rõ ra nó có đáng quý gì đâu. Tháp nói cho đủ văn tự cũng khá dài dòng. Từ Ấn Độ đến Trung Hoa, Trung Hoa chuyển qua ngôn ngữ của con Lạc cháu Hồng, tưởng chừng như tháp là thiêng liêng linh hiển ... Tháp có tên “Tháp ba” cũng gọi “Túy đồ ba” Trung Hoa gọi “Cao quảng đại phần”, ngôn ngữ Việt Nam là “Mồ lớn cao rộng”, cũng chỉ là nắm mồ mà thôi. Nắm mồ của dân gian do con cháu đắp xây để tỏ lòng hiếu thảo với bậc tiền nhân, ông bà cha mẹ. Ngân quỹ của cháu con phần đông hữu hạn, nếu không muốn nói đa số khó khăn, cho nên nắm “mồ” dầu khá đẹp, tốn cũng lắm tiền, nhưng so với “Tháp” ít có ngôi mồ giá trị bằng được một phần trăm. Bởi vì, tháp đá quý, thợ khéo tay... giá trị một, hai tỷ là việc đã và đang tiếp tục xảy ra. Nói rút lại, “Tháp” là “Mồ”. “Mồ” tức là “Tháp”. Khác nhau ở điểm “lạc quyên” được nhiều tiền, xây đúc mồ cao đẹp rộng gọi là **Tháp**. Tiền ít xây Mồ nhỏ gọi Mồ hay Mồ. Mồ, Mồ, Tháp đều là nơi chôn cất xác chết của thân “ngũ uẩn phù hư”.

**Kỳ 92**

**TÂY NGUYÊN TỰ CẢM**

*Tây nguyên đồi núi chập chùng xa,  
Gió lộng rừng thông mây trắng qua.  
Mây đến mây đi trời vẫn tịnh,  
Gió đưa gió đẩy cảnh thường “như”.  
Mặc cho thế cuộc tranh thành bại,  
Buông lỏng Thiên tăng giải giác mê.  
Suối biếc rì rào chim thú thả,  
Lòng ta vắng lặng: Bóng chiều quê.*

\*

\* \*

**TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Thiên gia có câu: “Vân khứ vân lai thiên bốn tịnh

“Hoa khai hoa lạc thọ hà ca”!

*Dịch nghĩa: Mây đến mây đi trời vẫn tịnh*

*Hoa tàn hoa nở cõi can chi.*

Trời là vậy, cảnh sắc là vậy, con người có học tu thiền, có định tuệ, thấy rõ tánh diệt sanh, tánh nhiễm tịnh, vô minh, thiện ác của con người đến đi, vào ra, sanh diệt liên tục trong ngũ uẩn thân. Nhưng *Phật tánh, Viên giác Diệu tâm, Tự tánh thanh tịnh Niết bàn, Di Đà tự tánh, Cực lạc duy tâm* không hề có thêm có bớt, như mây và hoa, với cây và trời kia vậy.

Thành bại, là chuyện bình thường.

Đắc thất, thịnh suy bình thường.

Vinh hư tiêu trưởng bình thường.

Sanh trụ dị diệt bình thường.

Thành trụ hoại không bình thường.

Sanh lão bệnh tử bình thường.

Là Thiền sư, đã học kỹ, đã liễu ngộ chân lý ấy, giờ phút này vân du trong cảnh:

*“Suối biếc rì rào chim thú thỉ,*

*“Lòng quê vắng lặng bóng chiều quê”.*

Nỗi lòng “Hoài Cảm” của Như Huyền Thiền sư đối với rừng chiều, chập chùng đôi dốc cảnh Tây Nguyên. Ai ở vào bối cảnh đó rồi chắc cũng sẽ có cảm hứng “xem xem” như vậy!

**Kỳ 93**

**TIẾNG VỌNG LINH SÀNG**

*Thưa Thầy! Thầy dạy con rằng:  
Chiếc thân ngũ ấm đừng mong được gì?  
Kinh truyền ngũ ấm hữu vi  
Bọt bèo huyễn mộng còn gì... “hương linh...?”  
Giờ đây con có “vong hồn”!  
Hồn vong linh vị đành rành tên con.  
Thỉnh con cố thủ linh sàng,  
Tháng ngày cúng quải đường hoàng ấm no.  
Thưa Thầy con phải nghe ai?  
Nghe Thầy? Nghe Phật rẽ hai con đường.  
Phật rằng: Ngũ uẩn giai không,  
Hòa tan vũ trụ quyện mình pháp thân.  
Nghe thầy có chỗ dừng chân,  
Linh sàng...long vị... loanh quanh Tà đồ.*

*Phân vân con quá mơ hồ,  
Xin Thầy chỉ rõ đường nào con đi???*

\*  
\* \*

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Bậc chân tu liễu đạo, thành phần thạc đức cao Tăng, nghe hai tiếng “linh sàng” là khởi tâm thương xót, nhưng lòng xót thương ấy suy cho cùng rồi không biết phải thương ai? Một “hủ tục” có bề dày lịch sử, một thứ “văn hóa sai lầm” cô đọng thành tục ngữ châm ngôn: “Nhất manh dẫn quần manh”, chuyện nghe tưởng lạ kỳ mà lại có thật. Sự sai lầm kịch cảm hiển nhiên biểu thị rõ qua cả âm thanh và hành động. Vậy mà, kẻ bán người mua, kẻ tung người hứng với tấm lòng hoan hỷ đáng thương!

Thế nhận qua thiền định, tư duy, Phật tử xuất gia, tại gia đều có học, có nghe và có hiểu biết nguồn giáo lý căn bản của đạo Phật, **ngũ uẩn giai không, thất đại vô ngã**. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có gì. Địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức không tìm ra bản chất. Giáo lý, kinh điển Phật dạy rành rành như vậy. Thế



nhưng, hành sử giáo lý ấy, thầy trò, Tăng tục quên sạch trọi sạch trơn!

Thử hỏi:

- ❖ Tiếng vọng linh sàng?
- ❖ Cái gì an tọa linh sàng để thọ tài hưởng thực dâng cúng của thân nhân? (linh hồn ư?)
- ❖ Cái gì được bọc túi nilong, ép chặt hai đầu, cột nhiều nện chắc nịch, ém dẽ dặt trong quan tài, néo sắt mấy đôi kiên cố? (tử thi)
- ❖ Cái gì xuất cảnh bay đi Cực Lạc Tây Phương trước sức đẩy của chư Tăng Ni chú nguyện? (lại linh hồn)
- ❖ Cái nào đi? Cái nào ở lại? Cái gì thọ hưởng? Ai đã chết rồi?
- ❖ Tụng kinh, chú nguyện thật có sức đẩy như phản lực cơ vậy chăng?
- ❖ Linh hồn được đẩy về Cực Lạc Tây Phương, vậy linh sàng này ai hưởng trà chàm, tửu điện, vật thực hưởng hoa...?
- ❖ Kể từ ngày viên tịch, từ trần, nói nôm na là chết, chư Tăng, Ni đã tụng kinh, đã chú nguyện nhiều rồi. Vậy Thất thứ nhất, thứ hai, thứ ba... tụng để chú nguyện cái chi? Khi linh hồn đã:

*“Tiêu điều chân thế giới*

*“Khoái lạc bảo liên đài*

*“Hiệp chưởng Thế Tôn tiền*

*“Như Lai thân thọ ký” ???*

Thật khó mà cắt nghĩa cho bá tánh đồng vui cái bụng? Thảo nào Như Huyền Thiên sư nói: “Nói cái gì cũng không trúng hết, là trúng”!

Tuy nhiên, đứng về mặt hiện tượng vạn pháp, người đệ tử Phật tu hành căn cứ trên chơn lý nhân quả là trúng.

**Kỳ 94**

**TIẾNG VANG TỪ ĐÁY MỘ**

*Thầy ơi! Ôi hỡi Thầy ơi!  
Con đang chết đập sống vùi Thầy ơi!  
Thưa Thầy! Con mất hay còn?  
Con như quả bóng đá ra đá vào.  
Rằng con đã chết đá ra,  
Dạy rằng: Con sống đá vô linh sàng.  
Hê ha.. thỉnh uống mời ăn,  
Thân bằng cúng tế lãng xãng rộn ràng.  
Vậy con sống chết thưa Thầy?  
Sống, sao tống khứ con ngoài mộ đơn?  
Chết, sao chẳng được yên mồ?  
Lôi lui kéo tới mời ăn thỉnh ngôi?  
Thầy ơi! Con sợ lãm rồi,  
Linh sàng không ổn, đáy mồ không yên.*

Đâu là Cực lạc Niết bàn,  
Bảo con siêu thoát, linh sàng trối chân.  
Trời ơi! Trời hỡi có hay?  
Đẩy đi lời lại hành hà thân con.  
Thà đừng cầu nguyện siêu sinh,  
Để con tự quyết đời mình còn hơn.  
Thà con yên giấc đáy mồ,  
Còn hơn thỉnh tới thỉnh lui bẽ bàng.  
Đường về Cực lạc Tây... phang,  
Tu hành sai lạc trẽ tràng Thầy ơi!  
Thầy ơi! Khởi tụng cầu siêu,  
Nếu siêu, con đã tiêu diêu ngày đầu.  
Hôm nay tuần thất con rồi,  
Thân con vùi dập đáy mồ đơn côi.  
Linh sàng, Cực lạc hai nơi,  
Phân vân hai chốn ở đi nơi nào?  
Rõ ràng “tiền mất tật mang”  
Tiếng kêu oan khổ thấu trời cho chẳng?

\*

\* \*

## TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Thi đề “**Tiếng Vang Từ Đáy Mộ**” qua nhĩ căn của Trí giả liễu đạo, của Thiên sư thực chứng họ trực ngộ ngay đó là “một tiếng sấm long trời”, phát xuất từ tấm lòng “đại từ đại bi mẫn chúng sanh”. Dùng phương tiện nguy tạo một tiếng sấm long trời chuyển đất, hy vọng may ra những ai khiếm thính, khiếm thị chuyển ngoặc hướng đi, đừng xông đến chốn sủng nổ đạn reo. Người đệ tử Phật tại gia, xuất gia chơn chánh có học thiền định, tư duy họ quá rõ: Thi phẩm “**Tiếng Vang Từ Đáy Mộ**” công dụng của nó như một lời cảnh cáo: “Hỡi ai là Phật tử, hãy mau tỉnh thức, chớ để phạm sai lầm”!

Sống thì không chết. Đã chết thì không sống. Sống và chết, một đàng ở chốn trần ai, một đàng sang cõi “vĩnh hằng”, “Cực lạc tây phương”, “Niết bàn vô trú” ... Tôn giáo nói chung, tôn giáo nào cũng có chuẩn bị nơi ăn chốn ở cho người vĩnh biệt dương trần an cư lập nghiệp. Riêng đạo Phật, theo lời các Sư tụng kinh cầu nguyện hồi hướng đưa đi những hai nơi: “Cực lạc tây phương”, “Niết bàn vô trú”. Sự sắp xếp tiền đưa ấy khá long trọng ngay từ giờ khâm liệm trở đi. Thiết tưởng hiểu đạo, hiểu tâm, hiểu hạnh đủ tròn bổn phận kẻ ở người đi. Chân lý cuộc đời là vậy, hễ có hợp ắt có ly, có sanh ắt có tử, có đến ắt có đi... Mời vô, đưa ra, lúc kêu vô linh sàng, khi đẩy ra huyết lạnh. Người đệ tử Phật chơn chánh không làm!

Kinh Phật dạy phương cách tu sửa để người đệ tử Phật sửa những gì sai quấy của thân, của miệng, của ý. Muốn người tụng, đem công tụng làm thành lực chở, lực đẩy, chở đẩy linh hồn đi như chất nhiên liệu của phản lực cơ, của hỏa tiễn liên lạc địa. Không phải vậy được. Hãy tin vào nhân lành từ thân, khẩu, ý do chính mình tự tu tự tạo. Phước đức không ai bán cho ai được, vì phước đức không phải hàng hóa, cho nên không thể bán buôn, trao tay đổi kiện.

Hãy tin vào điều Thiện Ác, Nhân Quả của chính mình làm!

Kỳ 95 và 96

## CÁCH HÀNG PHỤC TÂM CỦA BỒ TÁT

*Chúng sanh mười loại có xem không,  
Năng sở song vong bất tích tông.  
Độ tận vô dư không kể độ,  
Niết bàn rằng có lại rằng không!*

\*

\* \*

### TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Đức Phật dạy cho hàng Bồ tát cách hàng phục tâm ở kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật: Đối tượng **Thiên** của Bồ tát là mười loại “chúng sanh”: *Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng, phi vô tướng*. Mười loại chúng sanh ấy vừa là đối tượng Thiên vừa là đối tượng sở độ của Bồ tát.

Bồ tát hàng phục tâm “năng độ” mười loại chúng sanh “sở độ” ấy, đem lại cho Bồ tát kết quả thể nhập “cứu cánh Niết bàn” ngang bằng thành quả ba đời chư Phật đã có.\*

Năng độ, sở độ Phật dạy ở kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật là năng sở toàn diện, hết thảy những cái gì có trong không gian vô cực, thời gian vô cùng. Cái gì con người khái niệm đến được: Vũ trụ, nhân sanh quan chẳng hạn, Bồ tát thấy hết, biết hết. Nói rõ ra, tất cả đệ tử Phật thiền định giỏi, quán chiếu sâu đều được kết quả giác ngộ chân lý, giải thoát phiền não ngang nhau. Ngang nhau, nghĩa là không thua kém Niết Bàn của ba đời chư Phật đã được. Vì đó là chân lý của chung nhân loại mà.

Tu hành, người đệ tử Phật hãy ráng mà học giáo lý Phật, rồi tu. Phải học, tu mới kết quả. Người ta nói: Tu mà không học là tu mù. Tu mù có nghĩa tu sai, tu bậy, tu trật, tu không đúng chánh pháp, có khác gì nấu cát mong được có cơm ăn, uống nước bọng cây van xin lành bệnh, rõ là vô lý, không đem an lạc hạnh phúc cho ta được.

Năng sở song vong là pháp Thiền định cao sâu tột cùng trí tuệ trong đạo Phật. Pháp tu cao thâm vi diệu ấy

---

\* Đọc thêm Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật của Như Huyền Thiền Sư dịch, diễn giải hết sức rõ ràng từ trước tới nay. Nên thường xuyên thọ trì đọc tụng Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật.



Đại Bồ tát đều phải hành thiền Năng sở song vong, mới ngang bằng chư Phật, mới thành Phật.

Niết bàn, Cực lạc của Phật dạy, hai từ đó, hai cảnh giới đó **có** hay **không** đều từ **tâm** ta. Cực lạc, Niết bàn có là do liễu như chớ không do sanh như. Nghĩa là tâm ta tịnh thì mới có cảnh “độ tịnh”. Độ tịnh tức Cực lạc, tâm ta gột rửa, buông bỏ hết ưu tư phiền muộn, mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét, muốn. Ta đem hết tài sản, nhà cửa xe cộ, ruộng vườn cho con cháu chúng nó quản lý. Ta ở không chơi. Ta nhìn trời mây, non nước, đói thì ăn chơi, khát uống chơi, trong người cảm thấy không khỏe uống chút thuốc chơi, hôm nay uống thuốc không tác dụng nữa “chết chơi”.

Niết bàn là vậy đó, không khẩn nguyện lay lục ai cả. Bởi vì, không ai có dư Niết bàn để ban tặng cho ai cả, Niết bàn có do liễu như, không do ai đó làm ra!

“Niết bàn rằng có lại rằng không”!

\*

\* \*

**Kỳ 97 và 98****Chỗ TRỤ TÂM CỦA BỒ TÁT**

*Lục cảnh phàm phu: Chỗ trụ tâm,  
 Vì Tâm trụ Cảnh hóa ra Trần.  
 Vận tâm bố thí căn trần ấy,  
 Vô trụ tâm không cảnh tịch nhiên.*

\*

\* \*

**TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

“Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp” sáu món ấy vốn là những hiện tượng nhân duyên sanh. Đương nhiên, sự sanh khởi, sự hiện hữu ấy vẫn là huyền sanh, huyền diệt. Mong manh huyền hóa hơn là lục cảnh ấy thuộc thành phần “Phi vật thể” so với động vật, thực vật và khoáng vật. Vậy mà, do vô minh của con người, một loại “phi vật thể” khác, khiến cho sáu cảnh: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp vốn vô tư ấy thành “trần”, tức là sáu thứ “nhiễm ô”. Kinh điển gọi chúng cái tên “lục

trần”. Sở dĩ “lục cảnh” mang tên “lục trần”, truy nguyên do chấp, do trụ. Trụ, chấp làm cho lục cảnh hóa ra lục trần. Chớ căn trần nào có lỗi chi đâu! Khi đạt đạo rồi, chợt tỉnh: “Chơn giác vô công, căn trần hà cộ”, biết ra thì việc đã rồi!

Bất cứ ai, muốn mình là đệ tử Phật, phải học tu Bồ tát hạnh, học về cách TRỤ tâm. Trụ sắc, trụ thanh, trụ hương, trụ vị, trụ xúc, trụ pháp là cách trụ để rồi đau khổ, trụ với lá chắn vô minh, trụ của phàm phu, mãi mãi luân hồi trong lục đạo, tam giới, không có ngày ra. Phải học trụ bằng cách “vô trụ”.

“Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. Bồ tát nên phát khởi tâm vô trụ. Đừng trụ chấp sắc, đừng trụ chấp thanh, đừng trụ chấp hương, đừng trụ chấp vị, đừng trụ chấp xúc, đừng trụ chấp pháp. Tâm còn trụ là đã phạm phải sai lầm. Vì sao vậy? Bởi vì “vạn pháp giai không, duyên sanh như huyễn”. Trụ với không có gì, trụ với ảo ảnh thì mình được cái gì? Người trí muốn qua sông, ai đi ôm cây ma tả tới sắp rã.

Không nên trụ **sắc**, Không nên sanh tâm trụ **thanh**, Không nên sanh tâm trụ **hương**, Không nên sanh tâm trụ **vị**, Không nên sanh tâm trụ **xúc**, Không nên sanh tâm trụ **pháp**, Bồ tát nên sanh tâm “vô trụ”.

Sanh tâm **vô trụ** đối với lục cảnh tức là Bồ tát hành Bồ thí Ba la mật một cách viên mãn rồi. Tức là Bồ

tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật rồi. Bồ tát đã chiếu kiến ngũ uẩn giai không rồi. Bồ tát đạt tới đỉnh tột cao của các thiền định là: **“Vô trí và vô đắc”**.

**Kỳ 99**

**THUYẾT PHÁP ?**

*Tay chỉ vàng trắng chẳng chỉ gì!  
Trời xanh mây trắng đến rồi đi.  
Ai người “bất thủ ư chư tướng”,  
“Bất động như như” Phật nhĩn thừa.*

\*

\* \*

**TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Pháp tức là vạn vật hiện tượng, mỗi một vật, một hiện tượng, một dạng vật chất, đạo Phật gọi là một PHÁP. Nhìn trời xanh là một Pháp. Thấy mây trắng là một Pháp. Thấy người trẻ, thấy một Pháp. Thấy người già, thấy một pháp. Thấy quan tài, thấy một đám ma... thấy một Pháp. Nghe giọng đàn Nam ai nào nùng, phẩm thiết là nghe một Pháp. Nghe điệu ca ai oán, nghe Pháp. Ngửi mùi hương, ngửi Pháp. Nếm vị ngọt, nếm Pháp.

Xúc với một vật, chạm xúc Pháp. Nghĩ ngợi và nghĩ ngợi là nhiều Pháp hiện ra cùng một lúc.

Nói rút lại, tất cả hiện tượng vật chất thiên hình vạn trạng đối tượng của thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết “sáu căn” của con người đều gọi là “pháp”.

Người ta nói là Phật **thuyết pháp**, Phật thì nói Như Lai chẳng có thuyết pháp gì. Tại sao vậy?

Tại vì pháp Phật nói ra, không phải của Phật. Sanh, già, bệnh, chết, khổ. Sự khổ ấy không phải do Phật thuyết pháp mới có khổ. Thương yêu mà chia ly, ghét nhau mà chung chạ, thèm thuồng mà không toại nguyện, thân thể mất quân bình... khổ. Những điều khổ ấy, ai ai cũng có quyền thọ dụng ngang nhau. Điều đó không phải do Như Lai nói, Như Lai cho con người mới được hưởng. Lấy ý Phật mà suy, rõ ràng Như Lai chẳng thuyết pháp gì ngoài sự vận chuyển, sự tuần hoàn, sự tồn tại sự mất đi theo qui luật tự nhiên. Duyên sanh, duyên diệt theo dòng nhân quả của vũ trụ vạn hữu.

Người đệ tử nào nói Phật thuyết pháp là vô tình phỉ báng Như Lai. Tại sao? Tại vì trí tuệ Giác ngộ của Như Lai vô cùng vô cực. Những pháp Như Lai nói trong 12 bộ kinh chỉ là pháp cứu cấp, cứu nguy chúng sanh thôi. Pháp mà Như Lai chứng, Như Lai biết không phải chỉ có mấy tạng kinh từng ấy. Nước vũng, nước ao không nên nói đó là nước biển.

Pháp Như Lai nói ví như ngón tay chỉ trăng. Người trí nương ngón tay mà nhìn trăng chứ ngón tay không là trăng. Phật dạy: Là đệ tử tu học Đại thừa, các người nên tu tập: “Bất thủ ư tướng, như như bất động”.

Nghĩa là: Hãy tu hạnh Khất sĩ đi! Các thầy Tỳ kheo! Các thầy hãy cố gắng viễn ly:

*“Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”.*

Đấy! Như Lai bày vẽ cách cho các thầy Tỳ kheo vậy thôi, Như Lai không có gì để gọi là **thuyết pháp** đâu nhé!

**Kỳ 100****CON HƠN CHA NHÀ CÓ PHÚC?**

*Giác ngộ ai bì Phật Thích Ca,  
Ta bà giáo chủ chính ông ta.  
Tu hành trọn kiếp nghèo xơ xác,  
Không mái chùa tranh để dưỡng già!*

\*

\* \*

**TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Như Huyền Thiên sư nói: “Nói gì cũng không trúng hết, là trúng”.

Tục ngữ Việt Nam có câu: “Con hơn cha nhà có phúc”, những ai có tánh lạc quan sớm, cho tục ngữ ấy là đúng. Người nhiều nghĩ ngợi tư duy cho rằng, câu tục ngữ ấy không đáng sớm lạc quan. Bởi vì, có những người con tài giỏi hơn cha, học hành kiến thức hơn cha, sách



Nho gọi đó là người “Lập thân hành đạo dương danh ư hậu thế; Dĩ hiển kỳ Phụ Mẫu hiếu chi chung dã.”, một người làm nên sự nghiệp cho mình, làm rạng rỡ tông phong, là người con hiếu thảo tròn đầy, thế là “con hơn cha nhà có phúc”. Nhưng trên đời, cũng có những người con tài hơn cha, kiến thức hơn cha, giàu có sự nghiệp hơn cha, quyền chức lớn hơn cha... cuối cùng, kết cục bị tội, bị tù, thậm chí bị tử hình... Từ đấy gia đình suy sụp, “lưu xá vạn niên”. Đây là sự thật đã có, đang có và sẽ có. Suy cổ nghiệm kim, người ta ai cũng thấy rõ “con hơn cha nhà có phúc” là một câu tục ngữ ngoài vòng chân lý. Dưới nhãn quang của một Thiên sư, của những bậc Thạc đức Cao Tăng, cái thi đề ấy muốn hiểu, phải hiểu qua cách “tư duy phản luận”.

Phật Thích Ca mà: “*Không mái chùa tranh để dưỡng già*”. Vậy là Phật Thích Ca bất tài vô trí không bằng Tu sĩ Phật giáo ngày nay? Tu sĩ Phật giáo ngày nay có vị làm chủ một chùa, hai chùa, thậm chí có vị tám, chín, mười chùa. Thế là “**Con hơn cha**”?

Thái tử Tất Đạt Đa đi tu mà “*nghèo xơ xác*”. Vậy là Thái tử Tất Đạt Đa vô trí, rồi thành Phật cũng vô trí, không bằng các đệ tử thế kỷ XXI đang hưởng thụ tài sản, địa điền...?! Thế cũng là “**Con hơn cha**”?

Nếu tán thán và tùy thuận theo tục ngữ “Con hơn cha nhà có phúc” thì sự giác ngộ không ai bì, địa vị Ta bà giáo chủ của Phật chẳng là gì đáng kể hay sao?

Vui mừng **con hơn cha**, tự phụ **đệ tử hơn Phật?**  
hãy coi chừng!

*Đa dục vi khổ*  
*Sanh tử bì lao*  
*Tùng tham dục khởi*  
*Thiếu dục vô vi*  
*Thân tâm tự tại...*

Hoặc:

*Nhứt thiết hữu vi pháp:*  
*Như mộng huyễn bào ảnh*  
*Như lộ diệc như điện*  
*Như dương diệm ba tiêu*  
*Như Càn thất bà thành*  
*Như thủy trung nguyệt chiếu*  
*Như cảnh trung tượng hình ...*

Những lời kinh ý Phật đó, Phật dạy cho ai???

\*

\* \*

**Kỳ 101****TIỂU DẪN**

Như đã giới thiệu, Như Huyền Thiên sư Thi Tập gọi là thơ mà chẳng thi chẳng thơ gì ráo. Bởi lẽ, nếu xem đọc bằng nhãn quan nhận thức của một văn nghệ sĩ, thì khó tìm thấy có hồn thơ mong muốn của thi nhân. Vì thơ thì phải có “hồn thơ lai láng bồi hồi”!

Thơ của Như Huyền Thiên sư “có một pháp lữ thuộc thành phần có tư tưởng tu chơi”, cường điệu gọi là Thiên Thơ nghe như cũng có lý. Bởi lẽ, thơ của Như Huyền Thiên sư đã không “hồn thơ” rồi, mà lại không **Thiên** thì rõ là “chẳng thi chẳng thơ gì ráo”!

Nói cách khác, thơ của Như Huyền Thiên sư chỉ là một duyên cố, một thứ dữ liệu, đề tài để Thiên sư thể hiện một kiểu chơi: **Hướng Dẫn Tu Học Từ Xa** cho Phật tử hữu duyên, cho Tăng Ni trẻ “chịu chơi” theo con đường **Tu hành Như Huyền**.

Thơ của Như Huyền Thiên Sư công dụng của nó hướng thẳng vào hai mục tiêu: **Tôi Tà, Phụ Chánh** mà kinh điển Phật và các tiên bối chân chính thường động viên, cổ xúy trong giới tu sĩ Tăng Ni.

Nhằm vào mục đích đó, và đó là trọng tâm là ý chí Như Huyền Thiên sư đã gửi gắm trong tập thơ. Ngoài

hai cách Tồi Tà, Phụ Chánh chơi còn một cách chơi “**Trung đạo**” cũng được gửi gắm trong tập thơ này.

Trung đạo nghĩa là không công phá đánh đổ mạnh mẽ tín dị đoan, huyền hoặc hoang đường, cũng không xây dựng chỉ rõ nhiều bên mặt xiển dương chánh pháp, tục diêm, truyền đăng. Thơ trung đạo gần gần giống thơ mà những người không cảm tình với thơ gọi là: “Ngâm phong vịnh nguyệt” hoặc “khóc mướn thương vay”! Do lý lẽ như vậy, thành ra tập thơ của Như Huyền Thiền Sư có ba chương:

1. CHƯƠNG PHỤ CHÁNH.
2. CHƯƠNG TỒI TÀ.
3. CHƯƠNG SÁCH TẤN.

Nói nghe như nhiều chuyện lòng vòng nhưng rút lại xin thưa: Tất cả đều là CHƠI hết. Xin đừng ai xem thật, vì xem đây là thật thì có bận lòng... Hãy mở toang cửa lòng thoáng mát mà xem, Thiền Thơ sẽ nở trước mắt bạn nhiều bông hoa hương sắc.

*Kính bút*

*Như Huyền Thiền sư*

*Ngày 24 - 7 - 2008 (22 - 6 - Mậu Tý)*

**Kỳ 102**

**GIỖ TỔ?**

*Rõ thật ông là Tổ hẳn hoi,  
Bất tùng chân lý ở đời chơi.  
Niết bàn, Cực lạc không màng đến,  
Hưởng lộc trần gian giỗ tổ to!*

\*

\* \*

**TRỤC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

“Sanh diệt môn trung, bất xả nhất pháp” Thế thì “Giỗ tổ” không có gì trái thế gian theo tập quán phong tục thông thường phổ biến:

- Cây có cội nước có nguồn.
- Ăn trái nhớ kẻ trồng cây.

- Uống nước nhớ người đào giếng.
- Ôn giáo dưỡng một đời nên huệ mạng,  
Đức Ân sư muôn kiếp khó đáp đền.

Cúng Giỗ tổ với tâm tư như vậy đúng quá rồi! Chỉ có hạng người bất hiếu, bất nghĩa, bất nhơn, bất lương và bất trí mới dám phủ nhận bốn tục ngữ dân gian có lý ấy. Tuy nhiên, sự hiếu hạnh của dân gian và đức hạnh của đạo Phật không giống nhau trọn vẹn được. Hiếu hạnh của con đường Chơn đế khác, hiếu hạnh theo con đường Tục đế của dân gian khác. Chẳng hạn:

- Gửi thiệp tuyên cáo, mời Giỗ tổ lần thứ... ngày... tháng... năm...
- Chương trình ngày Giỗ tổ:
  - ❖ Tuyên bố lý do ... hướng dẫn tu học.
  - ❖ Triển khai: Giới học, Định học và Tuệ học.
  - ❖ Động viên: Văn huệ, Tư huệ và Tu huệ.
  - ❖ Thực tập tham thiền: Quán vô ngã, vô thường, khổ, bất tịnh. Quán nhân duyên, nhân quả, như huyễn tam ma đề.

Kết thúc Giỗ tổ: Tiệc trà thân mật.

Làm được như vậy, nội dung đại khái thế đấy, gọi là Giỗ tổ đi theo con đường Chơn đế. Còn như:

- Mời thật đông.

- Đãi ăn năm mươi đến trăm cỗ.
- Nhạc cổ, nhạc tân, đặng hương, điện trà... sơ tuần, á lễ...
- Thù tạc: Phẩm vật, hương hoa, tiền trao, lễ nhận...
- Ăn uống no say... nhân gian tạp thoại v.v...
- Tiễn biệt: Quà lưu niệm, chiếc phong bì...

Đây là cách “Giỗ tổ” đi theo con đường phổ biến của thế tục dân gian. Thiên sư, Pháp sư, Trụ trì sư tu tập đi theo con đường “thể nhập”, không bao giờ tổ chức “Giỗ tổ” rùm beng kiểu đó. “Giỗ tổ” với hình thức cúng kính, lễ bái để đáp nghĩa đền ơn trần tục, không tác dụng, không tương quan chút nào với đạo lý Giác ngộ, Giải thoát. Tuyệt đại đa số là các vị “trụ trì trưởng tử thừa kế” Giỗ tổ với ý nghĩa “uống nước nhớ người đào giếng, ăn trái nhớ kẻ trồng cây”...

Sau hai hôm “Giỗ tổ”, đệ tử xuất gia phấn khởi lòng vui phơi phới. Các tín nữ cảm thấy buồn buồn, như vừa mất mát một chút gì đó...

Bất tòng chân lý: Theo giáo lý đạo Phật, vũ trụ nhân sinh đều bị sự chi phối theo qui luật: Thành, trụ, hoại, không. Cưỡng lại chân lý, ở đời chơi để mỗi năm được “ăn giỗ” của môn đồ đệ tử cúng, tức là “bất tòng”.

**Kỳ 103****NHÀ NGOẠI CẢM**

*Ngoại cảm khuyên ông ngoại cảm thêm,  
 Còn bao tử sĩ khó truy tìm.  
 Việt hồn, cốt Mỹ chờ khai quật,  
 Có thể đô la tưởng thưởng công.*

\*

\* \*

**TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

“Ngoại cảm” căn cứ theo sự nghe biết, môn ngoại cảm đã có trên dưới trăm năm ở các nước không phải Việt Nam. Còn ở Việt Nam chỉ có trình độ “ngoại cảm” cỡ cậu đồng, xác bóng. Đây cũng là “hiện tượng duyên sinh” cũng như vô vàn hiện tượng duyên sinh khác. Và nó cũng được có quyền tự do như: Tự do tín ngưỡng, tự do Tôn giáo, tự do hành nghề, tự do phát biểu v.v... như các quyền tự do khác.

Tác giả bài thơ “Nhà ngoại cảm” gợi và góp ý rằng: Nếu ngoại cảm thật sự linh ứng chính xác, đáng tin



cây, hiệu quả bảo đảm, thì đây là “một nghề diễm phúc”. Chẳng những diễm phúc cho người dân lỡ gặp biến cố không may... mà còn có thể đóng góp tạo nguồn kinh tế cho quốc gia làm giàu được. Xin góp ý cụ thể: Chánh phủ đề xuất thành lập “Công ty ngoại cảm” đăng ký hoạt động thế giới, điều kiện đơn giản như sau:

Giá biểu tiền tổ hợp đồng:

- |    |                  |          |
|----|------------------|----------|
| a. | Thân chủ nghèo   | giá..... |
| b. | Thân chủ đại gia | giá..... |
| c. | Anh hùng tử sĩ   | giá..... |
| d. | Ngoại quốc :     |          |
|    | { - Japan        | giá..... |
|    | { - China        | giá..... |
|    | { - I Rắc        | giá..... |
|    | { - Afghanistan  | giá..... |
|    | { - Pakistan     | giá..... |
|    | { - Ấn Độ        | giá..... |
|    | { - Nam Phi      | giá..... |
|    | { - Nam Mỹ       | giá..... |
|    | { - Úc Châu      | giá..... |

Nói chung, các nước có nhiều người chết và tùy theo mỗi nước có nhu cầu khác nhau..

Xin tự giới thiệu người sáng tác bài thơ “Nhà Ngoại Cảm” là thầy chùa thiệt, mà thầy chùa thiệt có học Phật chánh thống thì không đồng thuận với bất cứ lời gì của Nhà Ngoại Cảm nói. Thầy chùa thiệt có học Phật thiệt không đồng thuận với chủ trương có “linh hồn” thiệt, thầy chùa thiệt cũng không cần quý xương dù là xương thiệt, mà thầy chùa thiệt hoàn toàn đồng thuận với lập trường của Đại tá Đỗ Kiên Cường trên website Vietime. Thầy chùa thiệt không thể thân cận với “nhà ngoại cảm”, vì lập trường, tôn chỉ không thể gặp nhau.